

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

Tác Giả và Tác Phẩm

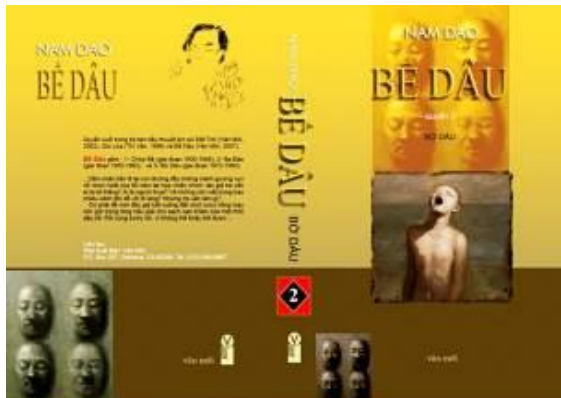
Nam Dao (I)

Tiểu sử

Tên thật Nguyễn Mạnh Hùng. Bút hiệu khác: Dã Tượng.

Tác phẩm

Thơ Nam Dao, Gió lửa (tiểu thuyết lịch sử, 1999), Ba vở kịch (2000)
Tiếng cồng (tiểu thuyết, 2000), Khoảng chơi vui (truyện và ký, 2001)



Mục Lục

Xổ bụi – 2

Một vị thuốc đắng một vị thơ – 15

Nam Dao và tiểu thuyết lịch sử hiện đại "Bê dẫu" – Cổ Ngư - 23

Ba đào - 31

Phụ đính:

Văn học, nội lục, trong-ngoài và...

Sống lại - Quỳnh Hương - Phở dâm

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Xổ bụi

Tôi sinh ra dưới một ngôi sao trái nét nên đời có đôi phần vất vả. Nhưng chị Liên, bà chị kết nghĩa của tôi, còn vất vả ít là gấp năm gấp bảy lần. Trái nét nên khó dậy, riết thành trác nét lều lổng, mẹ tôi gửi tôi nhà "hai bác" năm tôi mười hai tuổi. Thuở đó, cha tôi đi làm xa, mẹ tôi một mình than khổ ơ là khổ, nhà không có đàn ông! Phần tôi, thật là thú vị. Trên "hai bác" có mấy đứa loai choai cùng tuổi. Rồi mỗi nơi một chốc, mẹ hỏi ở đâu, tôi đáp con ở trên nhà hai bác, bác hỏi đi đâu, tôi thưa con về dưới nhà cha mẹ con. Cứ như thế, cuộc lều lổng dẫu danh bất chính nhưng ngôn lại thuận.

Hai năm sau ngày tôi làm con nuôi hai bác tôi gặp chị lần đầu. Chị mang đứa con trai bé tí về nhà. Khi ấy tôi mới biết chị cũng là con nuôi và mù mờ nghe chị vào Nam vài ba năm trước cuộc di cư năm 54. Nhà bố mẹ nuôi lúc nào cũng tấp nập khách ra khách vào. Bố nuôi tôi lúc đó là Chủ tịch Hội Đồng Kiểm Duyệt thời Trần Chánh Thành còn làm Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Thông Tin trong nền đệ nhất Cộng Hòa của miền Nam. Khách có hai loại. Loại nòi tình chữ nghĩa, làm văn làm báo, nhớ không xuể. Có Đái đức Tuấn, Lê văn Trương. Có Nguyễn mạnh Côn, đang hoàn thành Đem tâm tình viết Lịch Sử. Có Vũ hoàng Chương, Đỗ bằng Đoàn, Bùi khánh Đan. Đám trẻ, Thanh Tâm Tuyền, thỉnh thoảng đến thăm bác Kha, cha anh gần như trú ngụ thường xuyên trong nhà. Rồi Dương hùng Cường, Mai Thảo, Doãn quốc Sĩ, Nguyễn sĩ Tế, Trần thanh Hiệp. Nhà báo, có Phạm việt Tuyền, Lý Thắng, Văn Giang. Ký giả, nào Lô Răng, Anh Tám Xạc Ne. Loại chính trị, không ít. Phan huy Quát, "bác" Quỳnh, Vũ quốc Thông, thậm chí Trần kim Tuyền.

Họ đến thế giới "trên gác" nơi bố tôi tiếp khách, xì xào to nhỏ, và thường là im bật khi bọn trẻ con chúng tôi, thế giới "dưới nhà", bưng nước, rót trà. Họ giả tảng lơ đãng, rít thuốc lào, nhìn như giục như đuổi, và chúng tôi chỉ quay lưng là họ lại tùm đầu vào, lại nghiêm trọng hạ giọng, khi chép miệng, lúc thở dài. Khách về, tôi để ý bố tôi xếp lại giấy tờ hồ sơ vào một cái tủ gỗ, cửa kéo dọc xuống như một bức màn, và khóa lại, tiếng nghe một cái cách, đến là kích thích. Ngày nọ qua ngày kia, sự tò mò khổ còn hơn là cơn ngứa mà không được gãi. Tôi về kẹo cao-su, nhét vào lỗ khóa, và đi đánh chìa. Đợi cả nhà đi vắng, tôi mở tủ, ôm chồng hồ sơ ngoài có chữ Mật, leo lên trần nhà tìm một nơi có ánh sáng hắt vào. Năm 58, tôi đã đọc trên những tờ sơ-luỵa mỏng tanh Con ngựa già của chúa Trịnh, vừa uất ức vừa ngậm ngùi. Tôi đã rưng rưng nước mắt lắm nhằm Tôi vẫn đi, không thấy phố, không thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ. Tôi đã hít cho căng lồng ngực lập đi nhắc lại bút giấy tôi ai cướp giạt đi, tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

Vắng, tôi đã tiếp cận Nhân Văn-Giai Phẩm như thế, trên trần nhà tranh tối tranh sáng, trong cái nóng hừng hực của mùa hè Sài Gòn. Vài tháng sau, cụ Hoàng văn Chí đem xuất bản Trăm Hoa Đua Nở trên đất Bắc. Lúc ấy, tôi mới biết rằng tôi đã đọc văn Phùng Cung, thơ Trần Dần và Phùng Quán. Chuyện đánh chìa khóa đọc hồ sơ Mật rồi cũng lộ. Bố nuôi tôi không đánh không mắng, chỉ bảo, giọng buồn buồn ".có những cái tao cho là ở tuổi con, con chưa cần biết" rồi dặn, cứ giữ cái chìa, muốn thì đảng hoàng mở tủ, và đừng bao giờ hành xử như quân bất lương trộm cắp.

Trưa hôm ấy, tôi mang cái chìa khóa ra cầu Bông. Nhìn dòng nước lờ lờ triền sông Thị Nghè, tôi lắng nó xuống, một lần, và mãi mãi.

■ Chị Liên là một nhân vật tiểu thuyết. Từ Cao Bằng về ở với bố mẹ nuôi tôi lúc đâu cũng mười hai, mười ba tuổi, chị đột nhiên một mình bỏ vào Nam. Vài năm sau, chị lấy anh, giòng dõi đích tôn Phan Thanh Giản, nay là một gia đình đại điền chủ. Thời gặp chị, phải nói, chị là người đàn bà có nhan sắc. Về bản lãnh, vút ra đường đời từ thơ ấu, chị không cấp sách đến trường, cứ than, chị thất học, cậu ạ! Nhưng những điều chị học, không có trường dạy. Cực kỳ thông minh, chị cảm nhận một cách lạ lùng những mảnh đời oan trái. Năm tôi mười lăm, tôi

nghe chị hỏi "Tại sao sinh ra? Tại sao rồi chết đi. Phi lý!" Đó là câu hỏi rất "hiện sinh" đầu những năm 60. Rồi chị quậy cuộc hiện sinh không thương tiếc, không giới hạn, ràng buộc. Chị Tây chỉ bonjour bonsoir giắt bụng, chị leo máy bay đi Thụy Sĩ. Không có Visa, chị vẫn trốn sang Pháp, đến bằng được kinh kỳ nơi có cà phê Les Deux Margot ở St-Germain, xem cái bàn Jean P Sartre vẫn ngồi nó hình dáng ra làm sao? Mà lỡ gặp người ta ở đấy? Có thể làm chứ! Cuộc hàn huyên của triết gia Tây phương đắt giá với cô công chúa dị thường Giao Chỉ. Không thể phi lý hơn thế được sao?

Dĩ nhiên, chị yêu tiểu thuyết. Chị ái mộ văn nhân. Trên hai mươi năm qua, chị sống ở Cali, nhưng cứ gần đây một hai năm chị lại về Sài Gòn, về Hà Nội. Mỗi lần chị gọi điện thoại, và tôi lại xin chị, chị về đến 47 Lý Quốc sư, thăm anh Hoàng Cầm hộ em. Lần nào chị cũng vui vẻ nhận lời. Mỗi lần chị qua lại Mỹ, chị chịu khó mang theo từng chai rượu làng Vân anh Cầm gửi cho tôi, lắm khi giữ cả năm mới có dịp trao tận tay, tươi cười bảo, quà của ông anh cậu. Cứ mỗi lần như vậy, tôi rưng rưng ngậm ngùi. Một phần là vì anh Cầm, một phần vì tấm lòng chị đã cưu mang thêm một tình bạn giữa hai người đàn ông, một già tuổi đã hôn hoàng, một trẻ thì cũng đang chập choạng lớp xế trưa. Cưu mang, bất cứ cái gì đi thì cũng nặng!

Thế nhưng lần cuối, tôi cũng nhắc lại bằng ấy lời. Chị ngậm ngừng, rồi nhỏ nhẹ, lần này chị chẳng chiều cậu được. Tôi ngạc nhiên, gặng hỏi. Chị nói quanh, rồi lát sau, bảo chị gửi cho cậu quyển sách. Đọc rồi cậu sẽ hiểu.

Đó là quyển Ghi 1954 - 1960, của Trần Dần[1].

■ Tôi gặp Trần Dần khoảng tháng 11 năm 81. Đó là thuở tôi gồng mình chống lại tan vỡ của những huyền tưởng. Bắt đầu, từ giải phóng đất nước, đến xây dựng một xã hội công bằng. Rồi từng bước một nhích vào thế giới hiện đại, đỡ nghèo, đỡ khổ, và nhất là băng bó cho lành vết thương nội chiến. Nhưng phía dưới những con nằng là bọt xà phòng cả. Bọt xà phòng phản chiếu hình ảnh những trại cải tạo. Học tập một tuần, một rồi ba tháng, và nay đã sáu năm. Những đứa em gái tôi tuổi hai mươi lăm lét uống thuốc ngừa thai sẵn sàng vượt biển. Các em ơi, sao vậy? Bảy phần chết, ba phần sống, không sợ à? Cướp biển hãm hiếp, giết chóc. Trời nổi cơn, sóng cuộn, nước nhận người vào đáy đại dương. Vả lại, cứ như nhà thơ kia hát, "(nếu em?) có vết bầm trong hồn, vết nhơ trên má. Thì tình yêu Tổ Quốc chữa cho lành" (thơ Chế Lan Viên). Nhưng ai có cái quyền phán xét bảo vết này bầm, vết kia là nhơ, hả Trời! Tình yêu Tổ Quốc không nhốt ai để chữa cho lành, kẻ đi nhốt nhỡn nhỡn hô mình nhân đạo chỉ mong cải tạo đám lóm lóm lạc đường, người ở tù ám ức khẩu hiệu hòa hợp hòa giải dân tộc nghe như tiếng gọi hồn oan.

Ghê rợn hơn, chính quyền non trẻ (từ 1945, hay 55, sao cứ vẫn non trẻ?), "vừa học vừa làm, sai thì sửa.", mà có sai thì, chẳng phải "cấp trên" mà do "cấp dưới" không (hoặc chưa) thông nghị quyết (thường rất chung chung). Đảng dẫm lên chân nhà nước, cơ quan nào cũng có một vị đảng ủy, từ cấp Bộ trở xuống. Tôi có "làm việc" với một vị Trưởng ban Ngoại Giao của Đảng, nghĩa là ngang cơ và lắm khi còn quan trọng hơn Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch thời bấy giờ. Đó là Đảng, mà Đảng thì phải vận động quần chúng, nhất là quần chúng như tôi, nhân sĩ ngờ nghếch sống xa quê hương. Ôm vai tôi (để gần quần chúng), vị ấy bảo, "Chú là tiến sĩ kinh tế thật đấy, lại chuyên môn về tài nguyên, nhưng chú chưa biết cái này đâu!" Ghé vào tai tôi, ông thì thào "Chú biết không, dầu lửa của ta ở thềm lục địa ấy mà. Này nhé, trữ lượng ở Trung Đông ai cũng bảo là lớn nhất thế giới, phải không?" Tôi gật đầu, ông xiết tay, mắt tóe lửa, say sưa ".thế mà nó chỉ như con tem! So với trữ lượng của ta thì là lấy tem dán lên đít con voi!" Ông phá lên cười, nước bọt bắn vào mặt tôi, răng vàng xịt khói thuốc Lào Vinh Bảo. Một tay vẫn xiết vai tôi, tay kia ông quơ cái điều cây (rất quần chúng), hồn nhiên phán, thế thì còn sợ cái "đếch" gì! Vâng thưa anh, mừng thật. Chúng nó (bọn đế quốc, dĩ nhiên) mù cả, đi sờ voi mà chẳng biết đâu vào đâu. Chỉ có ta mới biết chỗ nào là đít con voi, dán tem lên mông, và đợi voi ỉa ra dầu. Dầu thô, màu đo đỏ, công nông ra phết. Lỡ có mùi, ừ thì "cũng tốt thôi!"

Đít voi trên bong bóng bọt xà phòng cho phép tiến mạnh, tiến nhanh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa mà không qua giai đoạn tư bản, chỉ hai mươi, ba mươi năm ta sẽ kịp, và tất nhiên là

vượt bọn Mỹ. Người người hồ hởi, nhắc đi nhắc lại, vẽ vờ ra viễn tượng một tương lai rực rỡ. Nhưng tôi không thể nói như thế khi gặp anh Dần. Tôi không nói gì cả. Buổi trưa hôm ấy, nắng hanh và trời lên cao đến không còn đó. Anh dựa lưng vào tường nơi quán nước cửa nhà Dương Tường, nâng chiếc điều cày rít sòng sọc, miệng chiêu ngụm nước chè, mắt nhắm, đầu khẽ ngật ra đằng sau. Khò khè ho khan, anh mở mắt ra rồi lại nhắm lại. Tường vỗ vai tôi, nhón nhén bảo, cậu này cũng là bạn của Nguyễn Hữu Hiệu đấy. Lúc ấy anh mới mở mắt nhìn tôi trông trọc. Cặp mắt anh sáng, sáng lạ lùng. Và long lanh rưng rục đăm mê, ánh đỏ lè, như mắt cọp. Từ đấy, nghĩ đến anh, tôi cứ liên tưởng đến một con cọp. Một con cọp ngủ ngày, thỉnh linh thức dậy, quắc mắt. Kỷ niệm leo lên trần nhà trên hai mươi năm về trước bỗng ủa về. "Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc. Đất hôm nay tầm tã mưa phùn. Bỗng nhói ngang lưng máu nhỏ xuống bùn. Lưng tôi có tên nào chém trộm? A, cái lưỡi dao cùn. Không đứt được mà đau!"

Anh lửng lơ, "Có tin gì của Hiệu không?". "Dạ, Hiệu đã đi Mỹ! Nghe đâu gặp cả Henry Miller, tác giả sách Hiệu đã dịch.". Anh mỉm cười, cái cười méo mó vui buồn, lại nhắm mắt lại. Con cọp nhắm mắt nhưng không ngủ, chòm râu bạc thỉnh thoảng lại nhếch lên như từ phản xạ. Khuôn mặt anh tạc đá, thứ nham thạch lạnh mặt trên, bốc lửa phía dưới. Gò má u lên nhô thành một khối hoạn nạn, liệu dưới sâu còn một hỏa sơn nào âm ỉ chực phun ra chất bỏng cuộc đời? Anh xua tay, quán nước không phải là chỗ nói. Người ta thuở đó có thói quen thăm thì với nhau, ghé vào tai, và thường là cứ ngoái lại, nhìn ra sau, miệng rì rầm như khấn vái những điều làm như ma quỷ đang rình mò đợi lỗ lờ nói to là xẻo lưỡi.

Vào độ cuối đông, Hà Nội thu mình khép gió. Những tàn cây trụ lá co ro trơ xương chống đỡ cơn may hiu hắt lạnh, mệnh mang nhớ, rưng rức đau nỗi niềm không tên gọi, có đây rồi lại vụt mất, chập chờn kéo hiện tại nhập vào một tiền kiếp không thể ngày một tiêu ma dấu vết. Trần Dần chống gậy, lao chao bực, vớt lại một "thời nhé", đi không quay đầu lại. Tắm áo cánh trắng xóa ngõ Phan Huy Chú, chiếc mũ len sùm sụp, anh một mình lê cho về đến phố Vũ Lợi, chẳng gằn, cũng chẳng xa, để vào lòng tôi một nỗi man mác.

A, cái lưỡi dao cùn, không đứt được mà đau!

Tôi chạnh nghĩ đến đợt anh bị "quân kỷ". Ba tháng tù. Chị Khuê đang có mang cháu đầu lòng. "Tổ chức" không vun vào việc "xây dựng". Chị công giáo, gia đình lại di cư vào Nam hết. Anh viết đơn xin giải ngũ. Và đơn xin ra khỏi Đảng. Trong lao lung, anh ngẫm, tại sao? Tại sao dám quan lại văn nghệ hò nhau đánh bài "Nhất định thắng". Có phải ta đầu hàng giai cấp? Hay là năm trước, ta đã cùng Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Tử Phác. đệ trình "Đề nghị cho một chính sách văn hoá"? yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về văn nghệ sĩ. Hay là trước đấy, ta quá nặng lời phê bình "Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu". Ta bảo, một, thơ Tố Hữu không có cách nhìn mới nào rõ rệt. Hòa với Lê Đạt, ta cũng nhận xét rằng Tố Hữu nói những chuyện mới mà không hiện tại, lại đẩy lùi vào quá khứ. Hai, là thơ lưỡi biếng, chính trị công thức, kiểu "cụ Hồ sáng soi", hoặc "Chúng bay chỉ một đường ra. Một là tiêu diệt hai là tù binh", chỗ nào có hay thì lập lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao. Ba, cách nhìn Tố Hữu thật nhỏ bé quá. Nhìn vấn đề gì, vấn đề ấy thu hẹp lại. Yêu ai, người ấy nhỏ đi. Nhìn lãnh tụ, hình thức gượng gạo "Chòm râu mát rượi hòa bình", sau lại biến ra đạo sĩ nhàn tản "ung dung yên ngựa bên đường nói reo". Sau cùng, cách nhìn Tố Hữu bao phủ lên vấn đề một cái buồn yếu đuối, và "chất tiểu tư sản là cái chính của tập thơ Việt Bắc". Trời ơi, Tố Hữu là ủy viên Trung Ương phụ trách Văn Hóa Văn Nghệ! Thế thời.

Thế thời, thế thời phải thế, cái kiếp phải lột quần đánh trên sân Văn Miếu, có khác gì Ngô thời Nhậm xưa. Đêm thăm thắm. Tôi thui thui mơ màng. Ván cờ, tốt chúng qua sông, lơ lảo nhập cung, lách ca lách cách những chân lý mới, như tính tổ chức, tính giai cấp, quần chúng. rồi lũng củng nào những chính sách, những quan hệ. títt mù quay như chiếc đèn cù. Tôi, con pháo tít ngòi, ngừng đầu tìm lửa, sờ soạng một ván chiêm bao, tay lại quơ vào lưỡi dao cạo.

Trần Dần cửa cổ.

Ôi, không đứt được mà đau! A, cái lưỡi dao cùn.

■ Lưỡi dao cùn để lại một vết sẹo. Vết thương trông tưởng lành, nhưng ba mươi năm máu nhiều vào trong, giọt rơi tí tách đánh nhịp thảng năm một trái tim bị chấn thương đời. Trần Dần thờ phào, "Không có gì chống lại được với cái kim đồng hồ". Tôi nghe, im lặng. Những buổi đến với anh, thật khác khi thăm Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, Văn Cao. Có "rượu", anh chỉ nhấp. Không ham vui, ăn ít nói ít, mắt trừng trừng, anh thỉnh thoảng câu đợc câu cái, đôi khi đúng một chữ. Thường, tôi dựa xe đạp cạnh cái cửa sổ có chấn song, ngồi đối diện anh, nơi có chút ánh sáng hắt vào, trước cái khay có để ấm chè, cái điều cày và một ngọn đèn hoa kỳ le lói cháy. Tôi kể, đêm qua tôi chiêm bao. Nhìn đồng hồ, chiếc kim dạ quang quay ngược chiều đẩy mọi sự về phía đằng sau. Hoàng hốt, tôi chồm dậy, nhìn lên tường. Chiếc đồng hồ treo cũng vậy. Nó cầm, không cứ tích ta tích tấc, nhưng kim cũng quay ngược, mỗi lúc mỗi nhanh. Tôi tung cửa lao ra đường. Hà nội giữa trưa không một bóng người. Ven theo hồ, tôi cầm cổ chạy về phía Bưu Điện. Nhìn lên cái đồng hồ lưng lửng ngát ngưỡng, tôi nhướng mắt, ô hay, hai cái kim đồng hồ quay, cũng ngược, và quay mỗi lúc một nhanh, như chong chóng. Cứ thế này, tôi thềm nhủ, chắc trở lại thời nhà Tiền Lê trong một khắc. Đúng thế thật, mặt đất chao nghiêng, tiếng người ơi ơi thử thổ ngữ tôi không thật hiểu. Thêm dăm phút, tôi chắc mắt, chắc là đến thời Hồng Bàng mất. Nhưng hai chiếc kim bỗng tuột ra, bay lên, mỗi lúc một cao, tít tắp cuối trời. Mặt đồng hồ trơ ra. Mấy giờ rồi? Tôi nhìn xuống cườm tay. Hai chiếc kim dạ quang trên chiếc đồng hồ tay của tôi cũng biến đâu mất. Ghé nó cạnh tai, tôi lắng nghe. Tích tấc, tích tấc. Nó vẫn sống. Nhưng chiều quay đây thời gian về đằng sau hay kéo ta lên phía trước? Tôi réo lên hỏi. Tiếng tôi kêu lạc lõng. Mặt hồ Hoàn Kiếm lặn tẩn bọt. Tôi chắc là Rùa thần sắp lên. Tôi đợi. Thành linh một bọn người áo vàng ập đến túm lấy lưng, hò nhau, nó đây, bắt được nó rồi. Tôi vùng vẫy. Tại sao? Tôi làm gì mà bắt. Tôi sợ. Phía dưới cơ thể bỗng nóng lên, rồi uớt nhờn nhờn. Tôi hét cho đến khi tỉnh dậy.

Anh Dần nghe, nhếch mép, đợc, viết nó ra. Tôi không đáp. Kim quay ngược, lúc này là đến kỷ Hồng Bàng rồi. Anh thì thảo, thời "vỡ kỷ", mảnh văng tứ phía. Anh nhắm mắt. Cọp ngủ ngày, chiêm bao cái chiêm bao của cọp. Tôi khế kháng đứng lên. Anh mở mắt. Thì ra cọp giả ngủ, đang rình. Rình một tứ thơ chẳng? Anh đọc hai câu thơ anh tặng tôi :

Tôi đã hát những lạc quan không hát Bây giờ tôi hát lạc quan đen (thơ Trần Dần).

■ Năm 82, Hoàng Cầm viết trên tập "Về Kinh Bắc" anh tặng tôi ".là một năm đầy hạnh phúc và cũng đầy oan nghiệt".

Hạnh phúc? Tôi muốn hát lạc quan xanh. Nhưng hiện thực màu tro nghiệt ngã. Phản chiến, bị chính quyền Thiệu cấm về miền Nam, rồi Canada trục xuất. nhưng tôi chưa hề bị quan, tôi vẫn giữ trong tôi một ngọn lửa. Phải chấm dứt chiến tranh đã. Rồi về để xây dựng, bắt đầu lại, tất cả. Nghĩa là từ từng người, với từng người. Hàn gắn cho nhau những vết thương chưa đóng miệng, cùng nhau xua những cơn ác mộng vẫn rình đêm về để đánh úp, và chân thành nói với nhau bằng lẽ phải, với con tim. Nhưng về, tôi chỉ thấy sự sợ, sự nghi một đảng nói một nẻo, sự có hai ba nhân cách trong một con người. Và con người tư riêng hình như bị cắt khỏi con người xã hội, cái thằng lúc nào cũng phải đối phó, phải tranh thủ, phải nguy trang bằng nụ cười và ém dao dưới áo để phòng mọi kẻ khác, già cho đến trẻ, từ hàng xóm đến cán bộ cùng cơ quan. Hồng Đăng, nhạc sĩ nghèo, xoay thế nào mời tôi đợc bữa cơm có một phần tư con gà luộc. Gọi bọn cháu, con Ly và thằng Phương, chúng đáp ".chúng cháu ăn cả rồi!" Cuối bữa, dọn bát đĩa đi rửa. Tôi thấy Phương lúi húi ra bươi đất gốc cây cuối vườn. Làm gì vậy cháu? Nó lảm lét "...cháu chôn xương gà! Không thì hàng xóm họ biết."

Hạnh phúc cũng có, nhưng phải may. Tôi gặp và kết bạn đợc với những người đáng yêu và đáng tin. Đầu tiên là Hồng Đăng, rồi từ Hồng Đăng, tôi gặp các anh Nhân Văn-Giai Phẩm. Thuở ấy, Tạ Trọng Hiệp ở Paris tiễn tôi ra phi trường Charles de Gaulle đi chuyến bay Air France về Sài Gòn. Anh dặn dò giao tiếp phải cẩn thận. Anh kể kinh nghiệm của anh. Đinh Trọng Hiếu,

cũng đã từng về nước, cười khuyên phải "khép lại mà đi" (marcher les fesses serrées), dạng háng ra là phiền. Thì tôi cũng biết vậy. Nhưng làm sao đây? Nếu không đánh cho tan cái sự sợ, người đâm thành ngọm cả, thì tiền đồ một xã hội đa phần hóa ngọm sẽ ra sao? Mới vừa giao tiếp với Nhân Văn-Giai Phẩm, đã có người đến "nhấn", quan hệ không được tốt. Tôi đáp, dạ, xin cứ cho tôi một danh sách những người không nên quan hệ, tôi sẽ tuân thủ. Thách thức như vậy, quả là tôi là một người không biết điều. Không biết điều, nhưng tôi biết sợ. Như đứa bé sợ ma trong bóng đêm giữa nghĩa địa hoang vu, chống lại cái sự sợ không có cách gì khác là vừa đá, vừa hát, hát càng to càng đỡ sợ. Cứ thế, tôi đã hát những lạc quan không hát.

Tôi đã hát, với Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuấn, Văn Cao. Và rồi với các anh. Có "Gấu chợ", giữa bè bọn khăn, màn, giấy vệ sinh, xà phòng. Ở một căn nhà phía dưới là tạp hóa trên phố Hải Thượng Lãn ông, Lê Đạt gấu (với các vị chức trách), nhưng miễn cảm và trí tuệ. Anh đùa bảo, cậu cứ về chơi, mang cho chúng tớ một ít không khí để thở, thế là "đóng góp" rồi. Tôi đọc những bài thơ gom lại trong Bóng Chữ xưa làm tôi ngỡ ngàng. Có "Phượng bật hơi", nhà khu Trung Tự, thuở ấy vừa mới có tin con trai "sắp" được giải Chopin. Đặng Đình Hưng dán trên tường một Bến Lạ những thơ. Bến lạ và đẹp, lạ như phong cách hào hoa của anh, và đẹp nghiêng ngả xa vắng những giấc mơ nửa chừng, cũng của anh, mang mang day dứt. Có "Hạc nội", lằng lằng một nỗi mây ngàn, rượu Đình Bảng mang ngậm mơ, ngậm mặn. Phần anh, anh cũng ngậm, ngậm thơ. Giọng ngậm của anh nửa như hát cung vãn, nửa như than van khóc lóc, tức tửi nghẹn ngào. Còn thơ, là thơ Hoàng Cầm của Về Kinh Bắc, của Men Đá Vàng, với những Cây tam cúc, Quả vườn ổi, Lá diêu bông. Có "Én trái mùa", mang chút hơi xuân ngợng gác xót lại buổi đầu đông, se sẽ buồn, se sẽ hát, se sẽ nhớ. Dương Tường dịu dàng, quý bạn, hấp háy nhìn làm vẻ vô tư qua cặp kính cận dày bằng nửa gang tay. Và các chị, Thúy của Đạt, Khuê của Dân, Yến của Cầm. Láy nhau, họ đều có vấn đề với tổ chức vì "quan hệ xã hội phức tạp" cả. Trường hợp Trinh và Tường, chắc không. Còn Đặng Đình Hưng, anh ở một mình, chuyện riêng tư với vợ là bà Thái thị Liên, anh không nhắc. Có nhắc, anh nhắc Đặng Thái Sơn, ôm vai tôi, dặn ra ngoài nhớ tìm cháu, chú cháu gặp nhau cho tôi vui.

Thuở ấy, Cọp ngày đang loay hoay với Lễ Zàng Sao, với các Tư mã, Tư mã gãy, Tư mã ổi. và nỗi buồn "vỡ kỷ" cùng những hạt bụi anh xỏ vào bao la. Xỏ bụi, đó là cách trốn trần với đồng loại. Bóng anh hắt hiu khắp khiêng cuối ngõ, khiến gió cũng chẳng nở lòng thổi, nắng chẳng nở lòng lên. Nỗi ấy, có tên bơ vơ. Tôi đọc Công Tình những ngày cuối năm 81 :

...Có phố nào xanh Hoa lay hàng đậu tím?

Có phố mờ chờ tha thiết tự ngày xưa Để tôi phải bơ vơ Bơ vơ? Tôi?

...Tôi cô đơn trời xanh cô đơn trời tím Cô đơn nắng đào cô đơn mưa tái nhợt đầu ô ...Cô đơn lòng ngõ rộng trắng chênh Cô đơn sân ga tàu chạy tốc hành Không để lại các cuộc đời xé lẻ.

Tôi thắm câu anh hỏi "Tôi có thời cay đắng, nào kịp cay đắng đâu? Sao đã cho tôi những phố xào xạc? Sao đã ghi tôi vào mép sổ buồn rầu?" Anh hỏi, nhưng hỏi ai? Ai đáp? Mà dẫu có đáp, tin được gì. Khi thế kỷ còn rung chuông lừa bịp Những canh gà báo trượt rặng đông Con rắn lười cắn người như cắn ngoé Khi xe tăng chữa đi cày đi cày Như một lũ tội nhân cần cải tạo Khi con thò lò ngày đêm hai mặt đôi meo Còn quay tít trên kiếp người hạ giá.

(Hãy đi mãi, Văn, 1957) Bài thơ này anh viết, hai mươi bốn năm sau tôi mới được đọc. A, thì ra hai mươi bốn năm chẳng thay đổi được gì à? Phạm thị Hoài ghi đây là chương kết của Trường ca Đi! Đây Việt Bắc. Năm 90, Trường ca được xuất bản ở Hà Nội với tên Bài thơ Việt Bắc, song toàn bộ chương Hãy đi mãi bị cắt bỏ. Trên tập thơ tác giả đem tặng người "biên tập" cho mình, anh Dân viết :

Gửi Văn Long, Người biên tập lại Đi! Đây Việt Bắc!

Thông minh và công phu!

Song tôi vẫn phản đối mọi kiểm duyệt. (Ghi, trang 451)

■ Hai tuần sau khi nhận được Ghi chị Liên gửi, tôi đọc kỹ, và rất kỹ những trang, những đoạn chị đánh dấu, khi thì bằng bút bi đỏ, khi thì bút "phớt" vàng. Tôi điện thoại cho chị.

- A, cậu đấy à (giọng chị làm ra vui).
- Cám ơn chị, em đã nhận được tập sách chị gửi!
- Cậu đọc chơi cho vui thôi.
- Không em đọc thật, chứ không đọc chơi. Nhất là những chỗ chị có đánh dấu.

Chị nói quấy quá :

- Ừ, chị có cái tật gạch xanh, gạch đỏ vào sách. Lẽ ra phải mua gửi cậu quyển sách mới.

Tôi ngắt :

- Thế mới quí! Em vừa đọc được sách, vừa đọc được cả tâm tình người đã đọc sách trước em, mà lại là chị.

- Thế cậu thấy thế nào?

- Buồn.

- Chị cũng buồn!

- Nhưng em tin rằng một phần nào, em buồn như chị buồn. Còn một phần em buồn, chắc khác với nỗi buồn của chị.

Chị Liên ngạc nhiên, hỏi giống là giống thế nào, khác thì khác thế nào? Tôi nhả nha, gọi cho chị nói. Dĩ nhiên, chị lập lại, bằng lời, những nét gạch đỏ, gạch vàng trên những trang Ghi của Trần Dần. Thì ra, chị ám ức, những người chị coi là thần tượng, đã "đầu hàng".

Ngày 8 - 01-1958, Trần Dần ghi "Một ngón tay, Nhân Văn cũng không có! Non năm nay, họ đã nắm ẹp cả xuống, vắt tay lên trán, suy nghĩ như các nhà hiền triết cả rồi. Họ đang tranh nhau đi vào con đường cầu an. Tôi biết họ chỉ duy nhất một điều, là mong "Thánh Đế hồi tâm". Nhưng hình như thánh đế bị bọn quan hoạn lừa phỉnh. Bơm to, vu cáo, ton hót lừa trên, dối dưới, các thứ thủ đoạn, tinh vi thì không tinh vi gì đâu. Song không hiểu sao con mắt Đảng, con mắt to thế mà chưa nhìn thấy chuyện?" (Ghi, trang 187 - 88).

Đó là thời Hội Nhà Văn bị đánh. Hội thành lập tháng 4 - 57 sau Đại Hội lần II, trong đó Tổng bí thư Trường Chinh công khai đập Nhân Văn-Giai Phẩm, sau khi Nhân Văn ra được năm số và Giai Phẩm ba số. Tô Hoài làm tổng thư ký Hội, xuất bản báo Văn do Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân và Nguyễn Hồng phụ trách. Khi đó, guồng máy quyền lực đã thành lập Hội Liên Hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, chỉ đạo bởi Nguyễn Đình Thi (và đằng sau là Tố Hữu, phụ trách công tác Văn hóa- Văn nghệ của Trung Ương đảng). Bối cảnh chính trị là thời hậu Cải cách ruộng đất. Chân rết "Xứ ủy Bắc bộ", đứng đầu là Trường Chinh, đang từng bước mất chân đứng với Lê Duẩn, "Xứ ủy Trung bộ" (và ảnh hưởng không ít đến Nam bộ), đang xông vào hất cẳng, lợi dụng những sai lầm "tả khuynh" của Cải cách ruộng đất. Hội Nhà Văn (đang sau là Xứ ủy Bắc bộ?) bị Hội Liên Hiệp tấn công, gán cho là cánh tay nối dài của Nhân Văn-Giai Phẩm. Văn, có Lời mẹ dặn của Phùng Quán, Hãy đi mãi của Trần Dần, sống được bảy tháng, cho đến đầu năm 1958 khi đăng trong số 36 Ông năm chuội của Phan Khôi thì bị đình bản. Không khí thời gian đó là không khí khủng bố. Một số nhà văn thấp thỏm sẽ phải ra "biên chế", tham dự những lớp "đấu tranh tư tưởng" và cuối cùng Hội Liên Hiệp tổng kết cuộc đấu tranh thắng lợi với Nhân Văn-Giai Phẩm vào tháng 6 - 58. Tháng 7, Nguyễn Đình Thi thành Tổng thư ký Hội Nhà Văn, thông báo kỷ luật các văn nghệ sĩ đã tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm. Trần Dần bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn, sau phải đi lao động cải tạo tại công trường Chí Linh cùng Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, vv.

Hai tháng trước đó, con người nói chung, và nhà văn "phản cách mạng" nói riêng, hoàn toàn "mất giá" dưới tất cả những thứ áp lực, từ miếng ăn đến tư tưởng. Thậm chí, tội kết có cả tội làm gián điệp, tội âm mưu lật đổ Trung ương bằng phương pháp hòa bình (thì ra diễn biến hòa bình thời nay cũng chỉ là lập lại một "truyền thống"!)

Đó là trường hợp của Nguyễn Hữu Đang và Thụy An (Ghi, trang 254). Phùng Cung có những phản ứng không khoan nhượng, khi học tập "hỗn" đến bị đuổi khỏi lớp (Ghi, trang 253), chửi "mẹ nó, nhục lắm. Mình xin về nhà có được không nhỉ?" Trần Dần khuyên, rằng nên "đầu hàng", "họ" là "chân lý", không nên xin ra khỏi biên chế, lúc này việc cũng có thể bị coi là một sự tiến công của "tư tưởng thù địch". Tháng 5 -

58, Hội Nhà Văn "để cho" nhà văn tự kiểm thảo sáng tác. Ai cũng phải tự phê. Về mình, Trần Dần tự kết tội là ".giặc - bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đòi truy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản, v.v." , và rồi anh dí dỏm ".tôi sáng tác thêm vai chữ để miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể". (Ghi, trang 257).

Trong không khí khủng khoảng tâm thần tập thể, cá nhân thành một con kiến, không có tư thế chống đỡ gì khi bị "đưa" lên mũi nhọn, và đàn áp tinh vi là làm thế nào "chia để trị", tìm ra những mâu thuẫn, buộc nhau vào cái thể anh nọ "đổ vấy", "tố điều" anh kia. Hoàng Cầm lảm tội, nghiện thuốc phiện, lại bị ra tòa về việc chung sống với chị Yến, thú với Văn Cao "mình dạt, bị đánh quá, mụ đi như "con đồng", họ hỏi đâu thì cứ phun ra tuồn tuột, không nghĩ gì cả nữa" (Ghi, trang 265). Văn Cao, chắc có Tiến Quân Ca là cái lá chắn, bảo "Tao chỉ có tội chống Tố Hữu, chứ tao có chống Đảng đâu?". Trần Dần tổng kết ". tình hình nay là một thứ hỗn tạp mới : - chủ nghĩa xét lại, khuynh hướng bôi đen đang bị đánh tan tác, - bên sự đầu hàng thực sự đó đây có kẻ trá hàng, - chủ nghĩa giáo điều, khuynh hướng bôi hồng đang nhắm nhe góc dẫy. Đó đây có ló mặt chủ nghĩa cơ hội, thính mũi và vô tài.

Văn học đang có cái nguy cơ hạ giá trị, nguy cơ ca ngợi một chiều, chạy theo sự cần thiết trước mắt, nguy cơ bôi bác và nhất là nguy cơ tràn ngập tác phẩm xoàng, phỉnh nịnh đảng. Còn cái nguy cơ xét lại đã bị đẩy lùi tới cái mức không thể nào phản công lại dù dưới hình thức tinh vi nào. Có chăng, chỉ là lẩn lút nỏ bằng mồm dăm quả mìn muối còn vương sót lại trên chiến trường, không tài nào thu dọn hết! Có vậy thôi!". Vì thế, Trần Dần nghĩ, thì thôi, cải tạo chân thực, nhưng không chủ nghĩa cơ hội, lập công giả dối, hay buông tay thả mặc. Anh vẫn tin "chủ nghĩa nhân đạo không cho phép đè nén, lăng nhục ai, dù người đó có tội nặng. Dùng sự sỉ nhục để cải tạo người ta, không thể là một phương pháp cách mạng : vì nó hết sức phản khoa học, phản trí thức." (Ghi, trang 268-269).

Hai mươi năm sau khi viết những dòng chữ trên, anh đúng một nửa, sai một nửa. Văn học (miền Bắc) hạ giá không phải là nguy cơ mà là một hiện thực, rất náo lòng. Còn xã hội. Con người. Điều anh tin là một huyền ảo : chủ nghĩa nhân đạo đề thiếu thảng trên những văn kiện và nghị quyết, tã lót máu me, và tiếng khóc đưa bé đẻ non lịm đi chẳng khác gì một tiếng mèo văng vẳng trong đêm vô vọng.

■ - Chị ạ, quyền lực dọa dẫm bằng cắt cái miếng ăn, cấm không được lấy người mình yêu, bắt phê, tự phê, kiểm thảo tư tưởng, rồi chiêu dụ, lấy người nọ đánh kẻ kia. Hóa ra, ở đằng sau, có thể nào vẫn hai thế lực "đàng trong" và "đàng ngoài" húc nhau, Nhân Văn-Giai Phẩm chỉ là con muỗi té thần? Thành thử, khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ biết mới sống.

Chị Liên ngắt :

- Sống! Sống thế nào, mới quan trọng!

- Một mặt lý tưởng, mặt khác lại có phần ngậy thơ nên khi vạch cái mặt trái của Cải cách ruộng đất, bêu cái tính cơ hội của bọn quan lại bàn giấy, phải chăng phe Lê Duẩn "đàng trong" ngầm ủng hộ Nhân Văn-Giai Phẩm để phá phe Trường Chinh "đàng ngoài"? Nhưng đến khi một thế lực đã chiếm được tiên cơ, họ phải giữ quyền lực, và họ co lại hết như "đàng ngoài", quay đánh vào tính "vô chính phủ" của những kẻ đã phản kháng. Lịch sử lập lại tấn tuồng nhằm chán nhiều lần. Hết như sau này, Mao dùng Hồng vệ binh nắm được quyền lực, rồi cũng chính Mao ra tay diệt Hồng vệ binh. Dưới lớp sơn khẩu hiệu, quyền lực thời tàn dư phong kiến chỉ có thể mang thuộc tính của những ông Thành Hoàng giờ roi cầm vọt, và dùng hàng đàn chó, hàng đàn cừu, loại sai đi cắn và loại dễ bảo. Cọp ngày, Gấu chợ, Hạc nội, Phượng bắt hơi là . hàng mỹ thuật xa xỉ trong một xã hội phải "cào bằng", ngôn ngữ quá độ phải đậm đà tính cày sâu cuốc bẫm tiêu biểu nền nông nghiệp mang truyền thống cha ông. Truyền thống, nghĩa là cứ con trâu đi trước cái cày theo sau, trên những thửa ruộng bón bằng phân tự mãn chèn vào là hò hét vinh quang đến độ bệnh hoạn.

Chị Liên xen vào, giọng cao lên :

- Nhưng cậu nói thế nào thì nói. Ai cũng phải biết chết. Chị thì chị chết chứ không chịu nhục! Tôi khựng lại. Quả bà chị tôi đủ cái gan chết chứ không chịu nhục. Chị bỏ nhà đi giang hồ từ

tuổi ấu thơ, lặn lội, đấu tranh và thành người bằng ý chí nghị lực, giữa những lựa chọn trắng - đen, sai - đúng, thật - giả lúc nào cũng rình rập thách đố. Tôi thở dài, tay sờ lên cổ :

- Vâng. anh Dần đã cứa cổ bằng dao cạo một lần, khi chị Khuê có mang cháu đầu lòng. Nếu anh ấy chết được lần ấy, bỏ vợ bỏ con, thế có gọi là "biết" chết không? Chết như vậy, cứu vớt được ai và thay đổi được gì?

Chị Liên im lặng. Đầu dây, tựa hồ một tiếng nấc. A, cái lưỡi dao cùn, không đứt được mà đau.
- Cứ giả dụ cái lưỡi dao ấy không cùn. Nó rạch toang cần cổ, máu nhiều xuống có vòi, anh dấy lên, hét, kêu Nguyễn Văn Trỗi, chính chúng bay là giặc, chẳng hạn! Miền Nam sẽ tung hô anh, kẻ chết vì tự do và chính nghĩa, đặt anh lên hàng thánh tử vì đạo! Còn Miền Bắc, chắc giới văn nghệ sĩ lặng đi, và sợ, trở nên dễ "cải tạo" đến độ không hô vẫn theo, không dạy vẫn ngoan, đánh đi "thoải mái"! Đấy, chết thì như thế! Còn sống thế nào? Trời sinh làm giặc bút, thì viết. Muốn mỗi con chữ là một tiếng gào thát thanh, không thể viết gì ngoài cái thống khổ, sự ruồng bỏ, phản bội. O ép vật chất may còn qua được, nhưng tinh thần thì, ôi thôi! Đầu những năm 60, Hoàng Cầm viết được Về Kinh Bắc. Trần Dần hoàn thành Cổng Tỉnh, rồi Đêm núp sen. Những Bóng Chữ của Lê Đạt và Bến Lạ của Đặng Đình Hưng không biết có phải cũng từ những ngày ấy không?

Chị Liên vẫn im lặng. Tiếng điện thoại viển liên vo ve như muỗi ngày.

Tôi tiếp:

- Vậy giả dụ tất cả những lưỡi dao không cùn, nó cắt, xoẹt một cái, đứt cổ và chúng ta có thêm dăm vị á thánh, anh hùng, chết vì cái nợ cái kia. Nhưng đổi lại chúng ta mất đi những tác phẩm đã cứu vớt phần nào được ba mươi năm văn nghệ bị trói khủy, tay ê buốt mãi đêm mang cái hình dạng tê liệt thương tật của cả một tập thể "những nhà văn" chỉ giỏi ê a "chống Mỹ cứu nước", hát bài hát hy sinh, anh dũng. để tiếp tay gây ra một cuộc hủy diệt, số tử vong lên đến số triệu đếm đủ ngón một bàn tay. Không, trăm phần không. Không ai có cái quyền bắt người khác làm anh hùng! Và cái chết, dẫu chết thế nào, vì cái gì cao đẹp đến đâu chẳng nữa, cũng không thể đánh đổi lấy sự sống. Nhất là sống để tiếp tục nhà thơ nuôi đời.

Như anh Dần, 1961, nhà tiểu thuyết Đêm Núp Sen. Năm 1963, Zờ Zoạc (thơ). Năm 1964, Mùa Sạch (thơ). 1965 là thời gian sung sức, hai tác phẩm Một Ngày Cẩm Phả (tiểu thuyết) và Những ngã tư và những cột đèn (tiểu thuyết). Năm 1967, Con Trắng (thơ hồi ký). Năm của Tết Mậu Thân 1968, 177 Cảnh (hùng ca lựa). Không biết sao anh đợi 6 năm sau, đến 1974 mới ra Động đất tâm thần (nhật ký thơ). Rồi 1978, Thơ không lời - Mây không lời (thơ, họa). Liên sau đó là 1979 với Bộ tam Thiên Thanh - 77 - Ngày Ngày, 1980 với Bộ tam 36 - Thở dài - Tư Mã dâng sao. Ba năm sau, anh bệnh. Nhưng đến 1987, anh viết Thơ Mini. Anh viết, cứ viết. Biết bao giờ in? Há chi! Không cần, viết là nghiệp. Cứ thế, anh viết gần ba mươi năm. Một mình. Không đọc giả! Rồi năm 88, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm. được phục hồi hội tịch Hội Nhà Văn. Tác Phẩm Mới xuất bản Bài thơ Việt Bắc (bỏ chương Hãy Đi Mãi, đã nói trên). Sau là Cổng Tỉnh năm 94, được trao giải thưởng năm 95. Anh mất năm 97. Đến 98, tập Mùa Sạch được nhà xuất bản Văn Học cho ra mắt. Trả lời Nguyễn Quang Lập, hỏi qua thời Nhân Văn, anh tự thấy anh được cái gì nhiều nhất? Trần Dần đáp, được cái hoạn nạn. Do được cái hoạn nạn nên được không dưới ba chục tác phẩm trong ba mươi năm.

Đó là thời anh đi Huế gặp anh em làm báo Sông Hương. Hoàng Phủ Ngọc Tường hỏi, sau khi anh nhận "hội tịch" :

- Thừa anh, con người sống ai cũng cần có nhân cách, nhà văn lại càng phải có nhân cách. Theo anh, nhân cách nhà văn quan trọng nhất ở chỗ nào?

Trần Dần đáp :

- Nhân cách nhà văn chính là văn cách của anh ta. (Ghi, trang 439) Sau đó, Trần Dần vào Sài Gòn. Và đó là dịp tôi gặp anh lần cuối.

■ Gặp những người tôi gắn bó, lần nào tôi cũng tự nhủ, ai biết đâu những bắt trặc và tình cờ, với thời gian thì không chừng lần nào cũng có thể là lần cuối. Đó là cách tôi sửa soạn tâm thế sẵn sàng nhếch mép cười trước mọi được - thua, mất - còn, đời người ai cũng có. Lần gặp các

anh sau dịp Tết Dương Lịch năm 82 cũng vậy.

Chúng tôi "hội sao" ở nhà Dương Tường một buổi xế chiều. Gió mùa Đông bắc vi vút qua những cành bàng trơ lá dọc con lộ Lý Thường Kiệt, đẩy cái se se băng giá ngấm qua những chiếc áo len mỏng mảnh chụp xuống con người khiến dáng dấp co ro tội nghiệp đến xót lòng. Các "tư mã" lục tục, người trước, kẻ sau, gặp thì cười, nhưng là cái cười của những cuộc chia tay ai cũng tránh nói thành lời. Quà cho tôi là những bài thơ các anh chép tặng. Thơ Đặng Đình Hưng thơm mùi ổi, bốn câu. Thơ Lê Đạt, dập dờn bóng chữ, bốn câu. Thơ Hoàng Cầm, thể thiết quan họ, bốn câu. Thơ Dương Tường, gập gềnh lyrique, tám câu. Riêng Trần Dần, bốn trang thơ, viết chữ như kiến bò ngang bò dọc, rồi vẽ vẽ, viết viết, đọc trên, mũi tên chỉ xuống, sang trang mũi tên lại bay lộn về. Ghim vào tim với những nỗi đau "vỡ kỷ", những hạt bụi "xổ" vào bao la, với nhân duyên và những sợi tơ hồng đứt đoạn trong niềm đau "mạt kỷ" thuở lẽ Zàng sao.

Ồi tài hoa, bao nhiêu đây quanh tôi là tài hoa. Và tài hoa, khốn khổ thay cũng là hoạn nạn, bao nhiêu là hoạn nạn. Tôi thăm hỏi, này sông này núi, ai trấn ai yểm gì mà cái đất nước này cứ phải chôn sâu vùi chặt những đứa con ưu tú nhất? Có sao những gì là tinh hoa trí tuệ cứ muốn đời phải chống trả với cái vung tay thô bạo của thứ quyền lực nhất thời?

Năm 82, Hoàng Cầm lại bị bắt. Tội danh là bán rượu chui! Oan nghiệt ló mặt nhìn bằng cặp mắt những con chuột nhắt chui ra lúc đêm đổ xuống thế gian. Bán rượu chui đâu phải chỉ một Hoàng Cầm? Lê nào là vì anh giao du với tôi, Việt kiều, tức là người nước ngoài (ngoài nước?). Thời gian đó tôi ở Paris. Tin anh bị bắt tôi đọc trong tờ Le Monde giữa một tiệm ăn Việt Nam khu Quartier Latin. Nước mắt tôi ứa ra, không cầm lại được. Tôi bắt Métro trạm St Michel, nhìn xế qua là bồn nước có những con sư tử há miệng phun có vòi. Có lẽ dáng điệu tôi lúc ấy thảm thương lắm. Đến độ một người da đen nghèo khổ vỗ vai, một kẻ sans abri có lẽ, đưa cho tôi điều thuốc anh đang hút dở. A, con người với nhau. Thật may, cũng có chút tình! Tôi lẳng lẳng rít một hơi, rồi trả lại. Sau Hoàng Cầm, còn ai nữa? Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt. Tôi lại còn giao du cả với Nguyễn Tuân, Văn Cao, Bùi Xuân Phái . toàn thuộc diện Nhân Văn xưa có vấn đề. Tối hôm đó, tôi ghép thơ các Tư Mã tặng, để báo đền chút tình tri ngộ. Tiện đây tôi xin chép lại :

Một chùm sao nhấp nháy những âu lo Về tụ lại lẽ Zàng Sao giữa hạ Nơi đã đặt tên và chỗ định số dăm chàng Tư mã Nhẽ nhạt trắng khuya nhiều xuống ngân hà Thuở Bích Câu vọng câu tao ngộ Chuyển tần số lòng những ánh sao sa Chờ đá đến một vùng chưa tiếng nói Đốt lửa lòng lên đuôi mù sa Ai khép gió giữa hai mùa vội vã Trời quê hương xao xác một canh gà Tiếng chó sủa Tiếng huýt sáo một người đi chơi đêm về đánh thức Mắt lữ ánh buồn kẻ ở xa Bờ ao mẹ nắng trở mình, sáo tẩm Rỉa cánh gầy xô bụi giữa bao la Xin đợi nhé mùa chim mây vỡ tổ Đầu ăng ten sẽ lại tin nhà Khâu lý lịch chữ, Lẽ Zàng Sao, Tư Mã, nhấp nháy âu lo là clignetitude, chữ Trần Dần bịa. Tiếng huýt sáo, mắt lữ ánh buồn là Dương Tường. Mùa vội vã và bờ ao mẹ, Đặng Đình Hưng, từ "bao giờ về trong khoanh một cái ao - ngồi giặt áo cả ngày". Nắng trở mình, khép gió, chữ Hoàng Cầm. Rỉa cánh, xô bụi, lại Trần Dần. Mùa chim mây vỡ tổ, và ăng ten, là chữ Lê Đạt. Những chữ này lý lịch như thế chẳng hiểu chúng có được ba đời bần cổ nông hay không?

■ Về Hà Nội hè năm 88, tôi sống sờ, không biết là buồn hay vui khi nạn nhân Nhân Văn-Giai Phẩm đều "được", và đều "nhận", phục hồi hộ tịch. Văn Cao trước đây được Huân chương hạng tư, hân hoan cavát vét-tông đi chụp ảnh, với Hải - Không quân, vì là tác giả của những bài hát biểu trưng những binh chủng này. Đó là cái rút sau khi Tổng bí thư Nguyễn văn Linh "cởi trói" văn nghệ sĩ năm 87 và Trung Ương thông qua nghị quyết do Trần Độ, Trưởng ban Văn hoá Văn Nghệ, soạn thảo. Nhưng chỉ năm sau Đổi Mới đã khựng lại. Trần Độ mất chức. Linh thật lùi và Đỗ Mười xông lên. Tôi trách Văn Cao. Tôi bảo, tiếng tăm anh chỉ mất đi chứ thêm được gì với cái Huân chương đó. Anh giả say, mắng tôi là quân khiêu khích -agent provocateur - rồi gơ tay dọa đánh. Thái bá Vân, chuyên gia và là nhà phê bình Mỹ Thuật có ở đó, đứng dậy chìa mặt cho Văn Cao, kêu, anh muốn đánh thì cứ đánh tôi. Thao, con trưởng anh, cũng nhồm lên,

bảo tôi chú đừng chấp bố cháu. Không đóng được kịch đánh (trước một khán giả có thể là kẻ đi theo "bảo vệ"(!) tôi), anh đành đuổi vậy. Thật ngộ nghĩnh, chị Băng vợ anh can thiệp. Xấu gì ở Văn Cao cũng đổ cho "bà"Băng là sai. Hôm ấy, hành xử rất tư cách, chị quát anh. Phần tôi, tôi xin với bạn bè có mặt là quên đi, để giữ "huyền thoại" Văn Cao. Bởi huyền thoại cũng cần : có tí gì để hãnh diện, để vênh vang, cũng là một cách giữ cho mình tồn tại giữa một cơn hỗn mang đạo lý.

Gặp nạn nhân vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, tôi bớt gay gắt, nhưng cũng chẳng giấu gì cách mình suy nghĩ. Không khác với trường hợp Văn Cao, tôi nghĩ nhận hội tịch là phá đi một cái huyền thoại, không phải về những con người, nhưng là huyền thoại về phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, ngọn lửa dẫn ai có giang tay dập sao vẫn cứ âm ỉ ba mươi năm nay trong lòng người. Vâng, tôi nói thế, dẫn các anh có thể không vui. Phần Trần Dần, anh buồn, im lặng. Con cọp ngày khật khừ, nhướng lên, ánh mắt không rùng rục như cọp nhớ rừng. Với thời gian, anh thành cọp nhà, cọp phố Vũ Lợi, cọp chống gậy đi dọc Yết Kiêu, đến Trần Hưng Đạo rẽ trái, và lững thững bước về phía Bờ Hồ. Vài ngày sau anh bay ra Huế.

Chúng tôi gặp lại nhau ở Sài Gòn giữa một buổi trưa nắng gắt. Anh đợi, ngồi rìa một cái quán bên đường. Vẫn cái tư thế cọp ngồi chống mắt nhìn đời, chấp chùng xe qua xe lại nhả khói khét mùi xăng nhớt. Cọp nheo mắt chóa nắng lừng lừng chống gậy đứng lên. Lần ấy là lần đầu anh vào miền Nam. A, cái lưỡi dao cùn. Nó chẳng phải chỉ cứa cổ người . Nó chém ngang lưng Tổ Quốc. Không đứt được thật, miền Nam vẫn đó. Nhưng mà đau, nổi đau còn đó, lưng rướm máu, nay vết sẹo mới tẩy da non, xin chớ ai động mạnh. Chúng tôi lại hẹn hò.

Tối hôm sau, liên hoan trên gác ba nhà Nguyễn Quang Sáng. Nguyễn Duy mới đi Liên Xô và Đông Âu về, đang đánh tiết canh vịt dưới bếp. Đã hẹn, nhưng sao mãi chưa thấy Trịnh Công Sơn. Khoảng bảy giờ, có tiếng chân, tiếng người. Sơn đi trước, Lữ Quỳnh đang xốc Bùi Giáng theo sau. A, hay thật là hay. Con đười ươi Tề Thiên tối nay gặp cọp ngày. Năm 24 tuổi và đầu một đời thơ, Giáng hạ bút Vòng theo máu hai vòng tay khép chặt. Ở thừa em ta thấy mộng không thường. Năm xấp xỉ 20, Dần "chôn tiền chiến", và trong Dạ Đài, bản tuyên ngôn Tượng Trưng, anh gằm :

Không thể rung cảm chúng ta nữa cái văn chương cổ tích chỉ có một chiều chỉ nhắc gọi một cõi đất một tâm tình.Sau cái thế giới hiện trên hàng chữ, phải ẩn giấu muôn nghìn thế giới, cả thế giới đương thành và đương hủy.Bọn lãng mạn, sau khi chùi xong nước mắt lại lảm nhảm nói chuyện những nàng tiên.

...Chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đương kể những câu chuyện cổ tích cho người đứng tuổi nghe. Phải gây nên cả hai không khí hoang đường và hiện thực.Chúng ta cũng không thể tách lập được hẳn thực hư, và chia đôi địa trấn bằng một bờ sao rõ rệt.Làm sao mà giải quyết được sự mâu thuẫn phi thường đó?

Chúng ta chỉ có một con đường đi để thoát khỏi mê đồ. Chúng ta chỉ có thể dung hợp được thực và hư bằng hình tượng.Thế nên chúng tôi - thi sĩ tượng trưng - chúng tôi sẽ nói lên và chỉ nói lên bằng hình tượng, thứ ngôn ngữ tân kỳ, ngôn ngữ của những thế giới yêu ma, của những thế giới thần nhân mà cũng là của cái thế giới âu sầu đây nữa.

Thế ra anh cũng mộng không thường! Anh bỏ những nhát cuốc đào mồ "tiền chiến" : .cái thi ca cổ rích, cái thi ca tính của tiền nhân ngâm vịnh, của bọn lãng mạn chẳng làm chúng ta quên, vì chẳng có thể đẩy đưa chúng ta theo những nhịp điệu bông bênh của bản thanh âm hoàn vũ. Thế nên chúng tôi - thi sĩ tượng trưng - chúng tôi sẽ đón về đây tất cả những thế giới quay cuồng, chúng tôi sẽ bắt một vàng trắng phải lặn, một ánh sao phải mờ đi, một chế độ phải tàn vong và một bài thơ phải vô cùng linh động. Và với anh, nghĩa là một bài thơ.không được dùng lý trí, không được dùng cảm tình, nghĩa là không được chỉ dùng có một quan năng tách bạch của chúng ta - dù quan năng nào đi nữa. Hãy đem tất cả linh hồn, hãy mở tất cả cửa ngách của tâm tư mà lý hội. Trần gió sẽ lên : tức khắc và đột nhiên, vì thơ đã không cần lý luận.

Chẳng biết đười ươi Tề Thiên đã đọc Dạ Đài hay chưa? Chỉ thấy đười ươi huyếch miệng cười khan và sáp lại, mắt hấp háy. Cọp bất động, nhưng nhìn đười ươi chăm chăm. Anh em xếp cho đười ươi ngồi trước mặt cọp. Sơn tươi tỉnh ".anh Giáng, hứa không được phá ghen!" Móm

mém, Giáng cười, tiếng cười trong vắt hồn nhiên. Chưa đụng vào đĩa, Giáng bi bô chỉ trở vào Dàn, và nói, tay vung lên, miệng say sưa. Chẳng ai hiểu gì! Vì anh nói một thứ tiếng lai tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp, nghĩa là thứ tiếng riêng của Bùi Giáng, lộn nhộn đủ loại ngữ ngôn. Lạ thật, Dàn gật gù. Thành linh, Giáng đứng lên ghế, tiếp tục nói, như diễn thuyết. Sơn ra bên cạnh, kéo Giáng ngồi xuống, nhắc ".phá quá cha nội! Hứa gì quên rồi ư.". Giáng cười khi khi, giả ngồi yên. Sơn vừa về chỗ, Giáng lại đứng dậy. Con đười ươi Tề Thiên nghiêng ngả, kêu chí choét, lại nói. Lúc ấy Dàn giơ tay. Giáng ngừng ngay, mắt trở lên nhìn. Con cọp giọng triu mền thốt ".người ta bảo Bùi Giáng giả điên!" Giáng lại kêu chí choét, như giục, còn gì nữa? Dàn im lặng. Giáng vùng đứng lên ghế, rồi giả xiêu giả vẹo. Lữ Quỳnh phải chạy lại đỡ. Con đười ươi Tề Thiên cứ thế, diễn màn độc thoại, nhưng vô ngôn, có lẽ dành riêng cho cọp. Lữ Quỳnh và tôi, mỗi người một bên, dìu Giáng xuống thang, ra đường gọi xe xích lô. Đẩy Giáng lên, chúng tôi trả tiền xe. Vừa quay lại thì Giáng đã nhảy tót xuống xích lô, tay chia ra, miệng kì kèo "... "tau" không đi xe, mi chia "tau" một nửa tiền xe hi!". Rồi Giáng lẩn trong bóng đêm trên đường xưa là Công Lý, nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa, vạt áo bà ba trắng vạt biển vạt hiện như một linh hồn lạc lõng. Lữ Quỳnh kể, người nghe lo cho Giáng. Sơn cười ".già ấy tỉnh, khôn thấy mờ tỏ, đừng lo!".

Hai bữa sau, tôi lại lên đường. Nhưng sao chưa đi mà đã nhớ! Lại tự nhủ, lần cuối, nhưng miệng cứ hẹn sẽ gặp lại, còn gặp lại, dẫu trời mang mang, đất mang mang, vì đại dương bây giờ, lời Nguyễn Tuân, chỉ còn là cái ao éch một đêm mưa.

Từ trụ sở báo Văn Nghệ số 43 Đồng Khởi, Nguyễn Duy, Hồng Đăng và tôi ghé lên căn gác nơi Trần Dần nghỉ trưa nhà Hồng Văn, một nhà báo hưu non, đang ở tạm. Trần Dần nằm, mắt nhắm nghiền, tay vẫn nắm chiếc gậy hòm nọ tôi xin anh. Khi đó, anh nói ".Bữa Chỉ mới cho" và tôi đành "thế thì anh giữ làm kỷ niệm!". Nhìn anh, tôi thì thào với Đăng, ".thôi để ông ấy ngủ!", dẫu tôi biết anh chỉ nhắm mắt. Anh thừa biết tôi đến chào anh. Nhưng cả anh lẫn tôi, chúng ta nào có ai biết đấy là lần cuối.

Tám năm sau, tôi ghé Bolsa gặp Trịnh Cung. Câu đầu Cung nói, là "Anh Dần mới mất, mình vừa nhận được tin!" Về nhà Hoàng Khởi Phong, tôi dìm nỗi đau xé lòng trên phiến máy điện toán, viết về con cọp ngày vừa chia tay cả phố thị lẫn rừng xanh. Bản viết đó, rõ ràng tôi gõ "save", nhưng nó lại trôi tuột vào hư không vì máy hỏng. Hoàng Khởi Phong loay hoay chữa nhưng vô phương. Dẫu có ai làm thế nào cứu vẫn được cái mắt mát chính, là anh. Vâng, mắt mát đó vô cùng lớn cho tất cả những kẻ lòng còn gắn bó với chữ nghĩa và quê hương.

■ Một chuỗi biến cố kể từ cuộc đàn áp ở Thiên An Môn đến sự sụp đổ bức tường Bá Linh khiến tôi lại chẳng được visa để "qui cố hương" thăm hỏi các anh sau năm 90. Thế là Đặng Đình Hưng đi. Rồi Bùi Xuân Phái, Văn Cao. Và Trần Dần năm 97. Nghe tin Lê Đạt "được" qua Paris, tôi vội bay đến hàn duyên. Chúng tôi có vài ngày với nhau nơi nhà một người bạn nhà văn Đỗ K. đã mượn cho ở. Sáng nào chúng tôi cũng ra uống cà phê trên St-Germain. Nhìn ra phía trước là Métro Odéon, quay về phía sau, sao chúng tôi vẫn lại chỉ thấy Bờ Hồ trong cơn mưa bụi. Lê Đạt bảo ".Dần mất thế là hơn nửa năm rồi! Nhanh thật, cứ như mới hôm qua.". Vâng, mới hôm qua. Những cái mặt đồng hồ lơ lửng trên không kim trong giấc mơ ở Hà Nội ngày nào lại hiển hiện trước mắt tôi. Ở Paris, kim đồng hồ là một hiện thực. Vòng quay của kim một chiều, và chiều đó là chiều quay đánh dấu những tiến bộ trong một số địa hạt nhất định. Như khoa học. Kỹ thuật. Như công, thương nghiệp. Dưới một mức, là quyền con người. Nhưng dẫu sao, nó cũng nhích lên, trong một thế giới thông tin mở, không chập chạp, ù lì, chai cứng đến độ mất hết sức sống. Lê Đạt nhắc kỷ niệm xưa, giọng tiếc nuối ".Dần nó có tư cách "chường môn"! Còn mình thì không, cứ bông lơn ba lẳng nhăng.". Tôi lại hình dung ra con cọp ngày, mắt rừng rực, quyết liệt tuyên ngôn, rằng cái kho chữ là tài sản quý nhất của một dân tộc. Anh nhếch mép, râu rung rinh đùa hỏi tôi, cái môn kinh tế học của cậu nó có dạy thế không? Không hả, anh cười, thế thì "hông". Những phút ấy thật hiếm. Đùa xong, anh lại trầm ngâm. Tôi hỏi Lê Đạt, đã đến lúc anh viết về Nhân Văn-Giai Phẩm như những chứng nhân và nạn nhân chưa? Đạt bảo, Hoàng Cầm nói và thu cát xét, để có đến cả chục cuộn băng. Còn mình,

anh cười, mình chưa ghi chép gì cả. Tôi bàn, viết về Nhân Văn-Giai Phẩm là viết về một giai đoạn và một tinh thần văn học. Anh gật gù, thế cậu thấy cái gì gọi là tinh thần Nhân Văn? Câu anh hỏi, tôi chưa đáp, khát đến hôm nay. Xin thưa gọn : tinh thần bản cộng với tinh thần sáng tạo. Và như phương tiện vận chuyển xã hội đến lý tưởng mà chung quyết là hạnh phúc con người, văn chương hành động dẫn thân, can đảm phê phán hiện thực. Tệ quan liêu, chủ nghĩa tổ hồng cơ hội, và bản chất phi nhân giữa thập kỷ 50 là đối tượng. Nghĩ kỹ lại, đến nay là thiên niên kỷ thứ 21, tình hình xã hội cũng chưa khác là bao, thậm chí so với thời đã qua thì nhiều vấn đề cấp bách hơn, trong đó sự mất niềm tin vào tương lai đến độ tuyệt vọng là căn bệnh ung thư bộ não đã vào giai đoạn cuối cùng.

Tương quan giữa quyền lực và văn hóa trong xã hội có một số thuộc tính khó chối cãi được. Năm 87, ông Nguyễn Văn Linh "cởi trói" cho văn nghệ sĩ, thừa nhận hiện thực "bị trói", và trói bằng những vòng kim cô xiết lại nói ra tùy theo nhu cầu chính trị. Đùng một cái, từ 87 đến 91, liên tiếp một số tác phẩm sáng giá ra đời. Tướng về hưu, Thiên sứ, Những Thiên Đường mù, Nỗi buồn chiến tranh, Đi về nơi hoang dã, Những mảnh đời đen trắng, Bến không chồng. Và những khuôn mặt mới như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Nhật Tuấn. làm nổi lên một không khí sáng tác, mạnh dạn hơn, chất lượng có, và gây nên được cái hy vọng lấp dần khoảng trống của thứ văn học khẩu hiệu, xoàng xĩnh, có tính dịch vụ tuyên huấn, uỷ lạo, động viên thi công thúc chiến. Rồi cũng đùng một cái, Linh co lại, Đỗ Mười lên. Đùng một cái, sáng tác lại khuôn phép ngậm miệng. Và ở giai đoạn bỏ bao cấp xã hội chủ nghĩa quá độ tiến lên (tiểu) tư bản thủ công đỏ và đen, văn hóa trong nước tràn lan trăm chuyện xe cấn chó, chường rẻ tiền, tình Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan. Đất nước chúng ta có phải chẳng đang phá sản ở mọi mặt? Kinh tế tụt hậu, nợ cứ nợ, thế hệ sau (?) trả. Con người hạ giá, xuất khẩu làm tôi mọi khắp nơi, ô-sin vinh quang với nhiệm vụ quốc tế. Còn văn hóa, ta chỉ còn đọc cái món thi hoa hậu, hoa hậu từ làng tới huyện, từ huyện tới tỉnh, từ tỉnh tới vùng, từ vùng tới thành phố, rồi từ thành phố đến toàn quốc. Giáo dục, ôi thôi, cả nước "lãng" học nhưng tiến sĩ, phó tiến sĩ nhan nhản đầy đường. Tiếng báo động chục năm vang như tiếng sấm, sấm động nam bang theo cách nói một sứ giả đại quốc đến thăm viếng ta trong huyện thoại Trạng Quỳnh. Nhưng các vị lãnh đạo nay đang hy sinh cho tiền đồ hay hy sinh tiền đồ? Họ kiên quyết ngồi yên, không động đậy, bằng chân như vại, rùng rình ngựa xe. Mặc dầu có 25 triệu (tức là 60% lực lượng lao động) người thất nghiệp, theo thống kê của Ngân Hàng Thế giới năm 2002. Thế thì trăm ngàn ô-sin, triệu giái mãi dâm, là tất yếu, là "qui luật", thứ qui luật mới. Chưa bao giờ, tinh thần nhân văn cần như lúc này! Gió ơi, đừng nghe lời khuyên chớ đừng rung cây! Gió hãy lên! Cho cây đổi mùa thay lá. Vì sông mấy khúc nhưng rồi nước cũng chảy, mây mấy tầng nhưng rồi chim cũng bay.

■ Nhà văn Phạm Thị Hoài, người biên tập và hiệu đính GHI, nói rõ "Với chúng ta, đó là những văn liệu và tư liệu vô giá về một giai đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn xếp sổ, nếu quả còn có sổ." Ghi trở nên một hình phạt, Trần Dần viết, nhưng "kết quả của hình phạt với một người lại có thể là quà tặng không ngờ tới bao nhiêu người khác". Điều này rất đúng. Nhưng nó đòi hỏi người khác, tức là chúng ta, một cách đọc để hiểu.

Chị tôi, chị Liên, đã đọc. Chị cũng hiểu, là Trần Dần đã từng đầu hàng, Hoàng Cầm thế này, Lê Đạt thế kia. ai cũng có lúc nhụt chí, yếu xiù, hèn đi, qui thuận và thậm chí đôi khi van lơn chạy "tội". Chị buồn vì đèn tắt, nến tàn và dăm cây nhang cháy đến gốc không còn cái mùi ngát ngây gây mê trên bàn thờ nơi thần tượng vừa sụp đổ. Vâng, nếu là thần tượng, thì có thể thật. Nhưng nạn nhân vụ Nhân Văn-Giai Phẩm là những con người. Và nhất là những nhà văn. Họ có thành thần tượng, là do chúng ta nặn lên cho chính chúng ta. Nhu cầu tế lễ không phải là lạ, từ ngày con người tìm ra lửa, biết tầm quan trọng của quá khứ, và đề ra huyền thoại như một trong những phương cách nhằm xác định bản thể mình.

Họ là những nhà văn. Lập lại lời Trần Dần, nhân cách của họ là văn cách. Điều sau, đòi hỏi họ có tác phẩm. Chính cái sự rất người là yếu, hèn... để từ hoạn nạn mới cho phép họ viết về cái

rất người của những con người. Giả như họ chỉ anh hùng (rom), kiên cường, móc mắt mình như Thụy An (rồi chết), thì bắt quá họ để lại cũng chỉ một hai câu, đại loại kiểu "bay là giặc!", "không thành gì thì thành nhân", hoặc "thà làm quỷ xứ tự do (miền Nam xưa, USA bây giờ?) còn hơn làm vương đất độc tài toàn trị (miền Bắc xưa, Nga mafia bây giờ?)". Trời ơi! Đất nước ta đã có quá nhiều anh hùng. Họ là những kẻ đã nằm xuống rồi, và cho sống dậy chắc gì họ chẳng không hối tiếc?

Cách đây bốn năm, tôi lại về Hà Nội. Tôi đến thắp hương cho Trần Dần, cho Văn Cao. Như những năm xưa, tôi đến thắp hương cho Nguyễn Tuân, cho Bùi Xuân Phái. Tôi có cảm giác họ vẫn đâu đây, như những người muôn năm cũ, lẩn khuất trong tâm tư những kẻ nòi tình gắn bó vào chữ, vào nghĩa, và vào cả cái định mệnh khốn khổ của những người làm nghệ thuật nhưng không có tự do. Đâu đó, tôi nghe tiếng Nguyễn Tuân rủ rỉ, nước mắt tràn trề trên những sợi râu bạc, kêu khế. Sợ! Tôi tồn tại được là vì tôi biết sợ!

Tôi cũng thế, nghĩa là tôi từng sợ, từng hèn, từng yếu, có lắm lúc buông trôi, nhưng cũng có đôi khi nổi loạn! Và tôi hỏi chị Liên, còn chị? Tôi kể, tôi mơ thấy ông Dần ngồi trên vạch phấn, một bên là thiên đường, một bên là địa ngục. Cảnh ông, một rổ đá, cục nào cục nấy to bằng nắm tay. Ai đi qua, ông cũng chia cho một cục, miệng bảo "Không từng sợ, không từng hèn. thì cứ ném đá cho tôi chết thêm một lần!"

Làm gì có kẻ chết được hai lần!

Nói đến cái chết. Và chôn. Trong dịp chuyện trò với anh em biên tập Sông Hương, Trần Dần kêu "...Thế hệ trẻ à? Tôi cứ đợi mãi. Nó bị trong vòng vây của văn chương cung đình, tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến."

Những ai đã chôn Trần Dần? Chưa chôn? Vì anh chưa chết, thế hệ trẻ ơi!

Vài tháng sau khi tôi đọc GHI, một hôm tiếng điện thoại liên liên lên. Cảm máy nghe, lại chị Liên. Chắc chị mới từ Hà Nội bay về Cali. Chị kể chuyện, con cà con kê, rồi bảo, có một món quà bất ngờ cho cậu. Tôi hỏi. Giọng dịu dàng, chị nhỏ nhẹ :

- Chị mang quà anh Hoàng Cầm gửi. Vẫn như mọi bận, một lít rượu làng Vân. Để hôm nào chị qua chỗ cậu chị mang sang!

Cám ơn chị, đến thăm anh Cầm là chị đã hiểu. Chị cứ kêu chị thất học, nhưng chỉ học chữ để khiến lắm người quên mất nghĩa. Và cái học trường đời, chữ cần một, nghĩa cần đến mười, mới thành người được. Chai làng Vân chị mang qua cho em lần trước vẫn còn một nửa. Tối nay, em sẽ uống, một ly cho chị. Một ly cho những huyền thoại chúng ta cùng nhau gìn giữ, không phải để phong thánh ai rồi nhang đèn điệu đóm, mà là từ đó ta lại khởi đi một cuộc lên đường sáng tạo. Còn lại, em uống để nhớ món quà Nhân Văn trao cho những thế hệ sau. Rượu làng Vân, rượu tình rượu nghĩa. Cũng những chén rượu đó tôi nhấp môi vào, hai mươi năm trước, nghe anh Cầm nghẹn lời, hạ giọng ".Chỉ mình ta.Ta say ta đập lúi tinh tú. Ngủ yên rồi đôi cá đòng đòng". Trên nền đất nện, một cái bàn mộc, dăm chiếc ghế chân lay, xộc xệch bao nỗi đời nên may mà có rượu chui, thơ chui. Như thơ các anh, những nhà thơ không được có độc giả, sao dám mãi cứ thi gan nhả chữ vào vực thẳm để tiếng vọng xô từ vách đá là tiếng thờ dài lẫn trong tiếng nguyên rủa. Thế đấy, nhưng Trần Dần vẫn cười khẩy, thách thức "tôi có thể mặc thây ngàn tiếng chửi tục tằn, trừ tiếng chửi sống không sáng tạo ".Như rượu làng Vân, cũng phải chui. Quốc lủi, khác rượu quốc doanh ở chỗ nó thật, không dối trá, không lên gân hô khẩu hiệu. Nó thoang thoang hương nồng chất nếp than, để lại đầu lười buốt bỏng vị cay của hoạn nạn. Uống vào, bỗng dưng sẽ thấy con chữ ở dạng nào cũng đeo trên mình chữ tâm của người viết, chữ tình trong kiếp nhân sinh. Và nhất là trách nhiệm, với mọi người, kể cả những người muôn năm cũ.

Trần Dần, Ghi (1954-1960), Biên tập và Hiệu đính : Phạm thị Hoài, Xuất bản : td memoire, Paris, 2001.

Một vị thuốc đắng, một vị thơ...

Lại gửi Hoàng Cầm, nhân 82 lần bốn mùa xanh, xanh vẫn xanh, dầu không cùng màu tóc.

1 Thế đấy. Anh chép miệng cười. Nụ cười rất tươi, rục lên cùng ánh mắt. Anh bảo : "...nó vận vào người", lại rót rượu.

Đó là một loại rượu ngâm với mơ, màu vàng óng, vị hơi ngọt, uống khá đậm. "Rượu làng Vân, ngâm mơ thế này là đã cả năm rồi", anh lại cười, tay với điều cay. Tiếng nước reo sòng sọc. Mùi thuốc lao hăng hắc xông lên. Anh ngả đầu ra sau, mắt lim dim. Tôi ngắm anh. Những nét hào hoa nay hẳn xuống, nhưng vẫn là những nét hào hoa.

Anh quả là một người hào hoa.

Chị đi đâu về. Tôi đứng dậy. Chị bảo "...à, chú đấy à!". Rồi chị ra ngồi, tay rót nước. Tôi nhìn chị. Chị quả là một người đàn bà đẹp. So với người Hà Nội những năm đó, chị đậm dáng. Có lẽ chị biết là mình đẹp.

Tôi đưa ly rượu lên môi, bâng khuâng nhớ người con gái trùng tên chị đã hẹn tôi rồi không đến một năm xưa. Tôi nhìn anh, vẫn vờ hỏi tưởng lần đầu đến quán rượu này. Tại tôi lại vắng vắng tiếng cười ròn rã của họa sĩ Hoàng lập Ngôn "... muốn thì đi với tớ, không đi lại chê Hà Nội không có!". Ngồi trên chiếc ghế đầu chông chênh chỉ chực đổ soài ra, tôi nghe tiếng ngâm thơ. Anh ngâm một cách ngâm lạ lùng. Ngâm như than, như khóc, như rên rỉ, như van vãn. Như hát chầu văn. Như rú người nghe nhập đồng.

Quái lạ. Lời thơ lại vượt khỏi tầm trí tuệ. Nó lơ lửng ở chốn nửa nhân gian nửa thần thánh. Nó chém xuống tâm linh, để lại vết cắt, thứ vết cắt hằn sâu xuống ở lớp thứ tám. Vàng, hiểu thì chỉ cần lớp một cho đến lớp ba, bốn. Sau đến lớp năm, lớp bảy là cảm. Khi đó chữ nghĩa hết là chữ nghĩa. Nó thành những tác động tâm - sinh lý. Nhịp tim không còn đều đặn đẩy máu đi như làm thứ nghiệp vụ buồn tẻ trong một cơ thể bình thường. Nhịp thở không còn đều đặn như khi người ta ngủ say đến mất hết khả năng tiếp nhận bất cứ gì. Còn lớp tám? Tôi phải nói thế nào? Tôi biết như kẻ có lòng tin vào Thượng Đế, nhưng làm sao nói đây?

Tôi lầm nhảm "... Ta soi. Chỉ còn ta đạp lùi tinh tú. Ngủ say rồi đôi cá đồng đồng". Ở tầng thứ tám, một bàn chân người nhỏ bé đạp vào không gian mệnh mang bí ẩn đẩy lùi lại những vì sao long lanh trên dải ngân hà trong suốt. Cúi xuống, cũng ở tầng thứ tám đó, con người nhỏ bé soi mình trong lạch nước, và an bình thay, đôi cá đồng đồng còn nhỏ bé hơn nữa đã ngủ say rồi. Từ vô cùng lớn, chỉ vài chữ là đến li ti nhỏ. ở giữa, con người kia cô đơn làm cái ảo tác đạp lùi tinh tú. Hình ảnh đó còn bi tráng hơn huyền thoại Sisyphes lăn đá lên cao. Hòn đá tới đỉnh lại lăn xuống như một thứ định nghiệp vô căn do, lăn xuống để rồi lại phải đẩy lên, theo cách diễn tả sự phi lý kiếp người của Camus. Lăn đá là hình phạt của Zeus, thứ thần linh hóa ra đại bàng đi đánh cắp một cô con gái nhưng bị Sisyphes - kẻ được bàn dân coi như một vị vua mong xây dựng một vương quốc có văn minh - nhận diện và tố cáo. Văn minh nằm ép dưới quyền lực. Còn luân lý, luân lý lúc nào cũng chùn bước trước sức mạnh.

Hình ảnh lăn đá của Sisyphes khắc nghiệt hơn đôi cá đồng đồng ngủ say. Con người cô đơn nổi loạn đạp lùi tinh tú, nhưng hiểu ra sự bất lực của ảo tác đó nên vội quay về tìm an nhiên bằng giấc ngủ của đồng đồng. May thay, đồng đồng vẫn có đôi. Đó là một cách an ủi. Dĩ nhiên kém triệt để, nhưng bao dung hơn. Phải chăng Đông khác Tây là vậy? Nhưng thế thì sao "nó vận vào người" được nhỉ?

2 Buổi sáng hôm ấy lành lạnh gió. Hai mươi năm sau, cứ mỗi lần gió như thế, tôi lại nhớ, lại mang mấy tấm ảnh cũ ra nhìn. Anh có cụ Sìn, có Văn Cao, có Thái bá Vân, những người đã khuất. Có anh. Có Nguyễn Duy. Có tôi. Những người vẫn còn. Có chị Băng, dĩ nhiên. Còn có T và M, hai cô gái nuôi của cụ Sìn, một họa sĩ đầu đàn của Hà Nội vào những năm ba mươi. M kéo violon cho dàn nhạc giao hưởng. Duy làm bài thơ khá đẹp về bàn tay và chiếc vĩ cầm. Còn T, cô dạy học ở Hải Phòng, nhưng nay đã lưu lạc đâu đâu bên Hòa Lan rồi. Duy đèo tôi bằng

chiếc xe đạp Phượng Hoàng cứ dậm trằm thước lại tuột xích. Chúng tôi đi dọc đại lộ Lê Duẩn về hướng Nghi Tàm. Tôi bảo "Chẳng biết các ông ấy gặp nhau thì thế nào nhỉ?". Khi mời anh, Duy chỉ nói "...anh lên xem bức tranh cụ Sìn vẽ anh năm tiếp thu thủ đô!". Khi mời Văn Cao, tôi chỉ nói "...cụ Sìn nhắc anh lên, lại khà khà bảo không có anh thì thôi không đình đám nữa. Cụ yếu lắm rồi...". Chúng tôi đều biết là từ cái thuở Nhân Văn gần ba mươi năm xa lơ xa lắc, anh và Văn Cao không gặp nhau nữa. Lý do? Tôi kêu lên "...miễn bàn!". Cả nước hòa hợp hòa giải. Văn hóa thì thế. Một dùm tác phẩm. Dăm ba ông đứng đầu, ông nọ tránh không nhìn mặt ông kia. Con cháu sau này trông vào thì sẽ nghĩ gì? Thái bá Vân gật gù, nhỏ nhẹ "Cho tôi đi với!" rồi hồn nhiên tiếp "...cũng đến lúc các ông ấy nên gặp nhau rồi!"

Tôi không hề hỏi đến lúc là đến lúc nào. Tôi cũng vô tâm, chẳng thắc mắc thế nào là nên, thế nào là không nên. Bữa ăn nhà cụ Sìn khá vui vẻ. T và M chạy lên chạy xuống. Cụ bà đi vào đi ra. Tôi vui trong bụng, chỉ cảm thấy một thoáng sượng sùng khi hai anh bắt tay nhau, để ý các anh tránh nói với nhau, nhưng cả hai đều góp chuyện. Văn Cao thích làm dáng, đôi khi hơi gượng trong dăm ba hoạt cảnh đầy tính kịch. Còn anh, anh hồn nhiên. Cụ Sìn mang bức tranh cũ ra. Bức tranh không có khung, vải bố nhem nhuốc, nhưng anh, anh cười trong bộ quân phục màu vàng, đợ? mũ có đính sao. Cụ Sìn lại khà khà móm mém bảo "...lính Vệ quốc đẹp thế đấy!". Anh mơ màng "...đẹp và trẻ. Có lẽ đẹp vì trẻ...", mắt nhìn T và M đang cúi xuống thẹn thùng. Quả thế. Tôi cũng nhìn. Cô giáo ở Hải Phòng dằm thắm hơn. Cô nhìn lại rồi chạy vụt đi. Cô nhạc sĩ vĩ cầm dáng dấp có nét bốc lửa, nhưng mắt lại mơ màng chút u uẩn than tro. Cô làm vẻ thản nhiên, nhìn về phía sân, nơi nước ao đã tràn lên mấp mé bờ.

Buổi trưa hôm đó qua đi, rất nhẹ, không khác cơn gió lành lạnh chớm đông. Cõi nhân duyên chập chờn oái oăm. Hai anh lại chia chung cái chiếu rượu này. Và chia với chúng tôi. Mỗi kẻ một vẻ đời. Làm lính. Làm thơ. Kéo đàn. Dạy học. Đến từ một bờ Đại Dương xa lắc bên kia. Lên từ Cảng, quê hương của người tài tình thông một câu thơ nhập "Sinh ra tôi đã có Hải Phòng..." cho bản trường ca Những người trên cửa biển dính dấp đến vụ quyền lực hãm và hiếp văn học vào năm 1956. Đè xuống rồi nằm lên dăm ba tờ báo để che bớt đi cái ê chề có tên là cải cách ruộng đất, quyền lực thờ phỉ phò, xong việc kéo quần lên, tay chùi mép dính nước bọt phán lửng một lời "...có phải con gái nhà lành đâu, quý báu đáo gì!". Chữ đáo không thừa. Nó vạch ra tính chất của hệ tương quan giữa chính trị và văn hóa. Con gái nhà lành thì dĩ nhiên không phải là con gái tạch tạch sẽ thành thị. Họ dẫu còn trinh nhưng điều đó không thể bảo đảm rằng họ thuộc thành phần cốt cán của dân tộc. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp và sẽ còn lâu vẫn là một nước có rất nhiều nông nô. Nhưng chuyện đã xưa rồi. Bây giờ khác, người cày có ruộng và công bằng ra thì người viết có giấy có bút để góp phần xây dựng một xã hội tươi đẹp. Có lẽ chính vì vậy là đã đến lúc các ông ấy nên gặp nhau? Tôi ngây thơ nghĩ thế. Còn anh, hồn nhiên như anh, chắc anh cũng nghĩ thế. Cụ Sìn, cụ chỉ cười khà khà. Cụ không nhầm, mặc dù tuổi đã cao.

Tối ăn cơm, không biết là chân ai khều nhẹ vào chân tôi. Hấn vô tình. Giá mà cố ý nhỉ. Ai biết được, lại chuyện nhân duyên. Đêm hôm đó, tôi ngủ lại nhà cụ Sìn với Duy. Hai đứa lau sàn xi măng đã lên dầu mỡ hôi sáng bóng rồi mắc màn. T và M cũng thế, hai cô nằm chiếu bên cạnh.

Tiếng ễnh ương bờ ao. Vãn gió. Gió xào xạc. Ngọn đèn hoa kỳ vắn xuống li ti sáng một màu xanh biếc. Tiếng cụ Sìn ho. Tiếng đập muỗi. Tiếng thở dài nhẹ chiếu bên. Duy bắt đầu ngáy. Tôi thiếp dần đi trong mùi đàn bà bay thoang thoảng. Tôi mơ bay lên thật cao, cao đến độ trái đất ở dưới chỉ còn là một hòn bi ve óng ánh màu hy vọng một hạnh phúc trong tâm với của cả dân tộc tôi. Thú thật, tôi đã là một kẻ có niềm tin như vậy. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn cố gắng tin và còn hy vọng nên mới viết được những giòng chữ này, dẫu rằng đôi khi bóng tối có lúc đã bao trùm cả đời tôi lẫn đời những người tôi yêu.

Hình như ai thò tay sang nắm lấy tay tôi. Tôi để yên, lòng ngậm ngùi, vờ ngủ. Cho đến nay tôi vẫn chưa biết bàn tay đó là tay M hay tay T. Tôi chỉ biết tờ mờ sáng T đã đi ra bến xe về Hải Phòng. Và rồi sau đó tôi rồi cũng phải bay sang bờ Đại Dương bên kia. Nỗi ngậm ngùi sau này đọng lại được đúng hai câu: Em đi rón rén trời chưa sáng. Bước động ao bèo bỗng hóa sông.

3 Thuở đó anh biết tôi yêu thơ. Thật ra, tôi yêu tất cả những cái đẹp. Và yêu, dĩ nhiên là mù quáng. Là như bị thôi miên. Là buông hết, và thả luôn đời mình vào cái mình yêu, hết như những kẻ tử vì đạo. Cái đẹp, gộp luôn cả chân - thiện, trở thành tất yếu cho sự tồn sinh, thỉnh thoảng lại mập mờ mang hình tượng thánh giá cứu rỗi, mặc dầu tôi là người ngoại đạo.

Tôi đến chơi với anh như đến với cái đẹp. Người ta chắc lười "...giao du phải cẩn thận." Tôi bảo "Nếu phải xin phép thì cho tôi một cái danh sách, những ai là người không nên giao du!". Người ta trừng mắt. Tôi quay lưng đi. Người ta cho là tôi thách thức quyền lực. Tôi thì không. Vì tôi nghĩ, rất ngây thơ, là đã "đến lúc" vì bây giờ chỉ có ta, và ta phải "cùng nhau" góp tay vào xây lại một mảnh đất đã quá đọa đầy. Đòi hỏi của hai từ ghép "cùng nhau" là phải xóa đi lần ranh dĩ vãng đã chia nhau ra thành đôi, thành ba, thành năm thành bảy mảng. Những mảng băng rời trôi mỗi mảng một hướng. Nước ơi, chỉ có tình của nước mới làm tan những mảng băng chia cắt lạnh lẽo kia. Người ta lắc đầu nghi ngại. Tôi đến chơi với anh. Với Trần Dần, Lê Đạt. Với Đặng Đình Hưng. Người ta nhăn mặt "Trải chiếu hoa cho mà không biết lên ngồi à?". Tôi giật mình. Thì ra phải chọn giữa mảnh chiếu hoa đã trải và cái đẹp! Nhưng tôi đã thừa, cái đẹp là tất yếu cho sự tồn sinh rồi, và tôi xin trả lại một góc chiếu vẽ hoa đồ không hợp tạng.

Anh biết tạng tôi, cái tạng con trẻ không làm sao cho khôn ngoan thích ứng hơn được với cuộc đời. Tôi không kể cho anh cái đêm có một bàn tay đàn bà thò qua màn nắm lấy tay tôi ở chiếu bên. Anh tặng tôi một chai rượu mơ anh ngâm, dán thêm hai chữ Men Quê và Bốn câu thơ. Anh kể:

"... Tên nàng cũng là Yến. Chúng mình lên đồi, mặt đất xanh rì, nhấp nhô mềm dịu như mông như vú đàn bà. Nắng đã bắt màu vàng tươi trên mái chùa Phật Tích ngói đỏ xa xa. Ngả mình nằm xuống thắm cỏ, nàng nhìn, cái nhìn như bảo ban. Bỗng nàng chồm dậy, hai tay bấu lấy đầu mình kéo xuống, rồi áp môi hôn những nụ hôn cuồng nhiệt. Khi buông nàng ra, mình đọc "Một con bướm lửa đậu môi". Nàng nắm hai tay mình kéo ra, miệng thắm thì "Hai nhánh hoa lửa chia đôi tay cầm". Nhìn lên trời, những ráng mây xa óng ánh như sắp cháy bùng lên, mình tiếp "Ba làn mây lửa về thăm". Nàng như say sóng, ôm choàng lấy mình để giữ thăng bằng trong một cơn bão biển bất ngờ ào vào thân thể, mắt nửa khép nửa mở, tay quơ lên, miệng thờ dốc. Mình lao vào nàng, vào cơ thể nàng, vào tâm hồn nàng bằng tất cả sinh lực đàn ông, cứ thế cho đến khi cùng kiệt. Nàng ngược mắt, vừa cười dịu dàng, vừa đếm "... Bốn lần chim lửa đến nằm rậm hoang".

Hai mươi năm sau, tôi vẫn nghĩ cho đến nay câu chuyện anh kể không chỉ là một câu chuyện thật. Nó có chất cốt tủy như khi anh bảo với tôi rằng nàng Thơ vốn dĩ lẳng lơ, gặp ai cũng quyến rũ, nhưng chung chạ gối chăn với nàng lại là chuyện khác... Tôi tin lời anh. Anh hồn nhiên nhận mình là người may mắn. Như vậy cái gì có thể lại "vận vào người" anh?

4 Mẹ, Chị, rồi Vợ anh và những người đàn bà yêu anh đều là cốt đồng cho anh nhập vào tâm giới với nàng Thơ. Hiện tượng này nằm dưới tầng ý thức của chính anh. Thậm chí, nó nằm ngoài anh, và chính vì thế mà anh kể là thơ anh "... vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải là tôi nghĩ ra, mà đúng thật là những lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc... mà tôi xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được".

Vâng, nghe đâu anh chép được nguyên bài Lá Diêu Bông. Lần cuối gặp anh năm ngoái, anh hỏi "Thơ mình được mấy bài?". Tôi tần ngần, đếm có Về với Ta, Đợi mùa, Cây tam cúc, Quả vườn ổi. Đó là những bài thơ lạ, ngôn ngữ thơ biết thở, biết hát và biết im lặng. Tôi đáp "năm, sáu bài...". Anh cười "...thế là lấy của thiên hạ quá nhiều rồi!" và hồn nhiên nói tiếp "... à, em mới kể có năm thôi!". Thật ra còn bài U gì anh làm gửi cho Đặng Đình Hưng.

Bài Đợi mùa, ít người nhắc. Tôi xin trích:

Mùa chưa về Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ Dãy tre xa giấu biệt giải khăn điều Khi gậy nặng ăn mày đã quăng sau núi Hàng tre nhà yếm trả Mẹ về lều dột đón mưa đêm Thì chị đi mấy lồi chân chim Đẻ Mẹ về bao phương bèo nổi Riêng Em nằm chờ đợi giờ tu hú gọi Câu bốn và năm trong đoạn này rủ người đọc thờ một nhịp thờ gấp gấp, tiếp đó, nhịp thờ lại chậm lại, rồi

nước nở nghẹn lại. Tôi xin trích thêm một đoạn :

Em bước vào đình ôm cột bốn người ôm Em rẽ sang chùa lay chân hộ pháp Sau chùa tát đêm một, chạp Gầu giai ai vớt Chị ơi lòe lóa thân trắng Chị lỡ xe hồng Mẹ đi lấy chồng Cổ cưới chênh vênh khoai luộc Mật vàng mọng rách vỏ nâu non Giữa câu bốn và năm trong đoạn này, thơ chuyển mạch bằng cách im lặng. (đọc ở giữa hai câu, nghĩa là không có chữ nào). Và đây là đoạn cuối :

Có hôm Em lần xuống bếp Cây cháy sành vỡ toác chôn niêu Một con mèo mướp ruỗi chân chiều Lưỡi gió liếm gio vờn tóc rụng Tường như Mẹ về Vai áo toạc ba vá chẳng tơ dứa Tường như Chị về Tóc tóc đêm xưa giờ rể tre Bao giờ Chị về tóc phủ vai Em chiều hương nhu Bao giờ Mẹ về Buộc yếm đào phai vỡ hát ru Khấn thầm như gặp Chị Mắt nửa cửa tay Em vẫy đón đầu làng Khấn thầm như mẹ lỡ dò ngang Miệng hé hạt na nhòa bên vắng Cổ tay tròn dẫn mía gie Không Bầu mẹ không tròn Bưởi Chị không hoa Đã hết năm tu hú gọi rừng già Đã sang mùa tu hú ngủ rừng xa Hai câu cuối cùng, thơ là thơ biết hát. Trong đoạn vừa trích, thơ biết im lặng sáu lần và hát lên hai lần. Còn thờ, thơ thờ hát ra ba lần, thờ kiêu máu nhồi cơ tim một lần.

Điều tôi muốn nói bằng cách nói trên, Thơ hay là Thơ có tác động sinh lý lên người đọc qua nhịp thở và nhịp tim. Chính tác động đó ảnh hưởng đến tâm lý, tạo ra cái đa dạng của thất tình : buồn, vui, băng khuâng, bực dọc, phẫn nộ... Đã nói đến nhịp, là nói về nhạc. Thơ hay không phải chỉ một câu hay. Thơ hay, không phải một chữ hay. Trò kén chữ cho khéo là trò kén chồng, kén để làm lễ cưới cho có pháo nổ và họ hàng hai bên cười cợt, xong lễ thì ém nhem đi cuộc sống lứa đôi dẫu ổn thỏa hay không ổn thỏa. Thơ hay là thơ nhìn dưới góc độ một tổng thể. Tác động câu chữ là tác động trên trí tuệ. Thêm một mức, mới tới tâm cảm, hệ quả của tác động trên nhịp thở - nhịp tim, yếu tố sinh lý gây lên thất tình. Thơ hay chính nó là Nhạc. Và thường thường, chúng ta đơn giản hóa Nhạc vào vần, vào điệu. Nhưng vần thì thật ra thừa, và điệu, rất sáo mòn, nhất là vần điệu của lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn. (nhưng nói thế, không phải bảo rằng Thơ hay không có thơ lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn). Thơ anh ra ngoài thể loại vần điệu đó. Thơ anh mang âm vận của Từ đời Tống và những bài Phú thời Nguyên - Minh, tự do hơn, phóng khoáng hơn, nhưng lại mang mang tính cách Quan họ đặc biệt đất Bắc Ninh. Thơ anh có Mẹ, có Chị. Những "Bầu Mẹ không tròn, bưởi Chị không hoa". Cũng vì vậy nên thơ anh là thơ của Lỡ làng. "Chị lỡ xe hồng. Mẹ đi lấy chồng, cổ cưới chênh vênh khoai luộc...". Sự lỡ làng chỉ đổi lại bằng khoai, "mật vàng mọng rách vỏ nâu non". Vỏ khoai có khác ai hơn là Em, kẻ làm thơ khóc những lỡ làng?

5 Năm 1982 là một năm đầy oan trái nghiệp nghiệt. Ngẫm lại, hình như những vết chém phi lý và vô nghĩa, những vết chém không làm sao tìm được căn do, đều chọn được loại nạn nhân riêng của nó. Cả anh lẫn tôi đều nằm ọp bốn năm liền nhám nháp cái vị tanh của máu ứa ra từ những vết chém đó. Anh chịu cả phần xác lẫn phần hồn trong Hỏa Lò. Phần tôi, tôi chịu phần hồn trong một nhà tù không cần cũi ngục vì không có cửa sắt chắn song.

Sau Tết năm Nhâm Tuất, tôi rời Sài Gòn sang Paris, ở nhà Tạ Trọng Hiệp vùng Gentilly. Nhà bị kẻ gian cậy cửa. Xe để dưới đường bị đánh cắp. Ngày đêm, tôi cứ phải trông chừng Hiệp đang bị đại nạn tình với T, nói đến cái chết rồi khóc, và dự trữ rất nhiều thuốc ngủ. Đến tháng sáu, tôi lại về Hà Nội sau khi dặn dò Hiệp là chớ chết đại. Chết đại là chết vì tình, chết khôn là chết với tình. Lời dặn đó ngày ngờ : làm gì có chết khôn hay chết đại. Chết là hết, thế thôi.

Lần về này, tôi gần như tuyệt vọng : thế quyền đã "co cụm" lại sau Đại Hội IV, vẫn kháng kháng một thứ giáo điều lưỡi gươm, ngược hẳn lại với những điều tôi đã trình bày về phương thức dùng qui luật thị trường nhằm ổn định kinh tế Việt Nam trong một đề nghị chuyên ngành với cấp cao nhất có thẩm quyền. Chống lại niềm tuyệt vọng, thấy ánh đèn là tôi lao vào, cứ như loài thiêu thân, cũng mặc. Dễ nhất lại là lao vào tình yêu. Hay bất cứ gì đồng dạng với tình yêu. Anh cho tôi một món quà mừng cái tình yêu đó : tập thơ Về Kinh Bắc anh hi hục chép tay trên một

quyển vở học trò. Tôi vào Sài Gòn trước khi bay sang Pháp. Một người bạn vào báo anh vừa bị công an giữ để điều tra. Tập thơ Về Kinh Bắc tôi trao cho những người trong nước giữ lại, không mang theo khi đi, tránh không để ai kết tội anh chuyển thơ "chống đối" ra nước ngoài. Thật ra, Về Kinh Bắc chẳng chống đối gì cả : nhà xuất bản Văn Học đã in nó năm 1994. Còn bắt anh, họ bắt vì lý do gì rồi giam cầm anh liền bốn năm? Bán rượu? Hút thuốc phiện? "Hủ hóa" Việt Kiều? Trong một quán ăn gần Place Italie, tôi giờ tờ Le Monde đọc. Báo loan tin anh bị tù. Hôm ấy, tôi đọc rồi nước mắt ứa ra. Cứ thế, tôi khóc. Tôi bắt Métro đến trạm St Michel, nước mắt ràn rụa. Kề đi qua thân nhiên hay chỉ khe nhăn mặt. Duy có một người da đen đến chìa cho tôi mẫu thuốc lá hút dở, và nói "Bonne chance !"

Bonne chance. Năm ấy, tôi chẳng có một thứ may mắn nào cả. Về đến chốn ngụ cư, tôi tất bật lo việc "bảo lãnh gia đình". Tôi xin giấy nhập cảnh. Lần này là cấm. Lý do? Không ai cho tôi biết. Đơn xin, không bao giờ có phép. Cấm như thế sáu năm liền. Gia đình tôi qua. Thế là đi vay, làm một quán ăn. Tất cả mười hai nhân mạng, lấy gì mà sống. Thực tế sống ở nước ngoài khác hẳn với sự mơ mộng của thành phần tương đối "dư dả+ thời xưa ở Sài Gòn. Các cô em nhẵn mặt, qua đây mà phải đi hầu người ta trong quán ăn thì thà ở Việt Nam còn hơn. Lắm bữa trưa, tôi không có tiền ăn đến độ phải nhịn đói. Các cô em tôi vẫn thì thào "...qua đây bị tư bản bóc lột lao động ..." và gọi tôi là ông giám đốc. Rồi sau đó, tôi phải ra tòa vì đã ký giấy bảo lãnh mà không cung ứng tiền chi tiêu cho đủ. Người đâm đơn kiện là người đẻ ra tôi. "Anh mang gia đình qua là cứu (sic) cả gia đình. Nhưng tôi, tôi bây giờ phải bảo vệ (sic) nó." . Cô em đâu đến đề nghị cho một món tiền thì xí xóa giấy bảo lãnh. A, thì thế ư ! Nhưng ông tòa xét thấy tôi nợ đầy đầu, đến điện thoại cũng bị cúp vì không có tiền trả, nên tha cho. Ngoài ra, nghiệp vụ xao lãng về chuyện quán ăn, tòa án, đồng nghiệp tôi "điều đình" để tôi tự ý xin thôi việc. Lại nữa, người vợ mới qua Paris, kẹt lại vì lao phổi. Thế là phải gửi gắm. Rồi bạn phản. Tình phụ. Chỉ một năm, bằng ấy cái họa. Mất nhà, mất nước, mất tình, rồi nghề nghiệp bị đe dọa. Quán ăn phải thuê người làm, bị ăn cắp hết vì không lấy ai ra để trông coi. Lại nợ. Nợ chồng nợ chất. Nhưng ghê rợn hơn hết là sự trống rỗng.

Chính sự trống rỗng đó đã đưa tôi đến cạnh cái chết lúc ấy tôi đồng hóa với giải thoát. Tôi thức hàng đêm, nhìn ra ngoài trời tuyết trắng mênh mông, đầu óc tê điếng, vô cảm, và chỉ thấy trùng trùng băng giá, không yêu không ghét không hờn không giận. Chỉ trống rỗng. Cái trống rỗng tếch trống toác của thế gian không có một chút tình người. Tôi là tên tù nhân của cái ngục trống không khiếp không có cửa sắt chắn song. Lẽ sống lúc đó nhẹ tênh tênh, vậy thì tự do mà làm gì. Tôi nhịn đói hàng tuần, không thấy cần ăn, uống nước lạnh thôi là đủ. Sống chết lúc đó ở ngoài tôi. Soi gương, "kia ai đó - tôi lạnh nhạt- chớ có phải tôi đâu". Cho đến một hôm. Vâng, hôm đó người bạn gái gốc Chilê, kẻ đã dịch một đoạn thơ tôi ra tiếng Tây Ban Nha gửi đăng trong một tờ báo phe tả ở Salvador, đến nhà tôi với một bông hồng. Nhìn tôi, nàng nói "Không nhà thơ nào có thể chết thế được !" và cười rất tươi.

Nghe nàng nói, không hiểu sao tôi lại nghĩ ngay đến anh. Lúc đó, anh vẫn còn nằm trong Hỏa Lò. Anh là nhà thơ. Anh không thể chết được. Còn tôi, câu nói của Cecilia đẩy tôi ra khỏi một cuộc tuần du đầy ác mộng. Tôi phải sống.

6 Có sống mới về thăm anh được. Năm 1988, giải tòa lệnh cấm. Dĩ nhiên, Đại Hội VI đã Đổi Mới Tư Duy, và thấp thoáng một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy thì những đề nghị ngày xưa của tôi đâu là tội. Tôi, con gà gáy trước khi trời sáng, chỉ là thứ gà non, gà ngoại, gà lai giống, gà vừa đập vỡ vỏ trứng đã vội khập khiễng đi tìm rặng đồng.

Tôi men gác vào nhà anh, số 43 Lý Quốc Sư. Nhà vẫn vậy, nhưng quán rượu thì đẹp rồi. Cháu nội gọi ông, anh từ gác xép leo xuống. Anh đây. Anh gày gò, tóc bạc gần hết đầu, mắt trũng sâu, răng cửa đã khuyết một cái. Anh ngần ngại nhìn. Tôi ôm lấy anh. Chúng tôi ngồi nhìn nhau. Giữa chúng tôi là bốn năm tù của anh. Tôi nói "... có điều gì khúc mắc anh cứ hỏi". Anh bảo "... giá em về trước hai năm thì anh em mình chẳng được thế này đâu". Tôi im lặng. Trong tù đầy, hỏi cung, quay quắt ra biết bao nhiêu thù dật thực hư. Tôi hỏi "Tập thơ anh chép cho

em, anh đã lấy lại rồi chứ?". Anh cười, cái cười đau xót. Đó là cái lấy lại được, nhưng vừa ra khỏi tù thì anh mất ngay chị, rồi liền sau đó anh mất con gái anh, cũng tên là Yến. Nước mắt ứa ra, anh kể:

"... đêm hôm đó, anh đang chập chờn ngủ, sao lại ở đâu có một con bướm vàng bay vào lảng vảng quanh màn. Mở cửa màn, con bướm chui vào. Anh linh cảm, anh biết, anh khẩn. Bướm bay rồi đậu lên bàn thờ. Anh lại khẩn "Yến ơi, con ơi, con về đây à, khổ thân con". Bướm từ bàn thờ bay xuống quán quít bên anh như không nở rời dấu âm dương cách trở".

Nắm tay anh, tôi không muốn để anh mất mát thêm bất cứ gì. Sau, tặng tôi tập thơ Men Đá Vàng, anh viết "...để cùng nhớ những năm tháng đầy oan nghiệp nhưng cũng đầy hạnh phúc". Đây, cặp bài trùng oan nghiệp - hạnh phúc. Và hạnh phúc của nhà thơ lúc nào cũng là một điều thật bí ẩn. Bí ẩn như ngôi sao trên kia long lanh sáng, nhưng xa lơ xa lắc, kể bình thường như tôi có giơ tay lên với cũng không nắm bắt được.

Có một người Anh như anh, là một niềm hạnh phúc. Anh nghiêm mặt bảo "...cái vốn từ của cậu chưa đủ. Phải đọc đi đọc lại truyện Kiều. Rồi đọc cô tổ Xuân Hương..." Tôi cãi, chữ cho đơn giản chứ bí hiểm quá, sang quá, hay điển tích quá thì đều là "quá tải". Hôm ấy có cả Trần Dần và Lê Đạt. Anh Đạt khéo kết chữ cũ cho ra mới. Còn anh Dần, anh đi tìm chữ mới, đang thử nghiệm loại thơ cực ngắn, đôi khi chỉ đúng hai chữ. Anh quay hỏi "...nó nói thế, chúng mày nghĩ thế nào?" Anh Đạt lý giải. Còn anh Dần, anh nhìn tôi chăm chăm, buông gọn, cũng cực ngắn, "cứ làm !".

Cãi thế, nhưng tôi về tôi nghĩ. Tôi đọc đi đọc lại Truyện Kiều. Tôi đọc đi đọc lại thơ Xuân Hương. Tôi học chữ Hán để đọc cả Bả? Hành Thi Tập. Rồi tôi dịch lại hai trăm bài thơ Đường mà khi chuyển sang tiếng Việt, những người đi trước tôi lại dùng thể lục bát. Rồi tôi dịch lại cả Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn cho sát lối Tập Cổ, tránh kiểu song thất lục bát của bà Điềm. Đây, chỉ một câu anh nó thôi mà khi hiểu ra tôi đã đổ mồ hôi như vậy. Chuyện này, tôi chỉ mới nói thoáng cho anh nghe. Nay nói lại, một cách gửi lời cảm tạ anh. Quả là vốn từ của tôi nay có hơn xưa. Song có ân ái được với nàng Thơ hay không lại là một chuyện khác.

Hợp rồi tan. Tôi lại phải ra đi. Cứ mỗi lần như thế, anh nhắn nhe "...lại anh thêm dăm phút". Lúc tôi về, anh lại đạp xe đạp theo đến khách sạn. Và khi chia tay, anh ôm tôi, anh hôn, anh khóc. Tôi nhìn theo anh trong bóng đêm. Mái tóc anh trắng bồng bênh lồng lộng gió ven hồ Hoàn Kiếm. Bóng anh mãi cũng xa dần rồi mất tăm. Lúc ấy tôi cũng khóc.

Chúng tôi là những kẻ mau nước mắt.

7 Nhưng cũng có một thời những giọt nước mắt chảy vào trong. Và rồi một thời khóc - cười là một. Hè năm 1990, bước vào Nội Bài thì người ta đã hờn sẵn. "Xin mời ông qua bên này!". Vâng. Cuối cùng, "Ông hiểu cho. Ông không có phép nhập cảnh!". Tôi hỏi "... thị thực nhập cảnh đây. Giấy mời đây. Chắc là lầm lẫn gì đó...". "Vậy ông đợi, chúng tôi điện vào Hà Nội". Trưa hừng hực nắng. Chiếc quạt máy vừa quay vù vù, vừa lắc đầu qua lắc đầu lại. Nhìn ra sân phi trường, chiếc máy bay Air-Thai vẫn nằm lì ở đó. Một tiếng đồng hồ qua. Rồi hai tiếng. Hai vị công an cấp tá lại ra. Các vị bắt chiếc cái quạt máy lắc đầu "... Lệnh trên không cho phép. Ông thông cảm...". Tôi nói "...cứ để tôi ở khách sạn của phi trường. Hôm nay là ngày nghỉ. Đợi đến thứ hai, ngày làm việc, tôi xin điện vào hỏi kỹ...". Lại tiếp "... vậy, ông đợi...". Một lát sau "... Lệnh trên không cho!". Chiếc máy bay Air-Thai không được phép cất cánh vẫn đó. Tôi hỏi "Lệnh trên là trên thế nào?". Đáp "...trên là cao lắm, chúng tôi chỉ thừa hành". Tôi cũng biết vậy, lắc đầu.

Tôi bước lên máy bay, được hai vị cấp tá xách hộ va-li đi hai bên. Cô chiêu đãi viên hàng không Thái hai tay chấp, cúi đầu reo như thông lệ "Welcome to Air -Thai!", rồi đưa lên ghim một bông lan vào áo tôi. Cô kịp nhìn ra bông lan cô gài cho tôi khi tôi sáng nay rời Bangkok bay đi Hà Nội vẫn còn đó. Cô ngại ngần, ánh mắt tối đi một thoáng, nói nhỏ "I am sorry !"

Đến Bangkok, tôi phải đợi máy bay. Tôi quyết định ra bãi biển nằm, tránh cái hừng hực hè và mùi xăng dầu sùng sục xông vào mũi. Lúc đó, tôi thừa thời giờ để tìm nguyên do cái việc thô

bạo kia ở Nội Bài. Phải, thời gian đó là chưa chẵn một năm từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ. Và chỉ vài tháng sau những tiếng hò trên quảng trường Thiên An Môn. Rồi đám Việt Kiều ngây thơ chúng tôi lại ký Tâm Thư này nọ. Rõ ghét. Và tôi, cái con gà non nông nghênh chưa sáng đã gáy, cho vào là lại tổ bực mình rách việc !

Vâng, tôi nghĩ là chỉ có thế. Lúc ấy, khóc - cười thành một. Tôi không còn hồn oán gì nữa, chỉ thấy tội nghiệp cho quyền lực.

Những cánh phượng vĩ vẫn đỏ rực dưới nắng vàng óng ánh mặt ong. Đỏ như phượng vĩ Hà Nội. Biển vẫn xanh và sóng vẫn rì rào. Xanh như biển Việt Nam, quê hương tôi. Và rì rào như đòi quyền sống. Tôi thanh thần nhìn trời, nhìn nước. Bây giờ, rõ ràng quê hương đích thực chính là lương tâm. Và mảnh đất lưu đày nào cũng là những mảnh đất không tôn trọng nhân phẩm và quyền con người. Thôi, từ biệt nhé, ảo vọng về trí tuệ và lòng thành tín trong guồng quay của thế quyền. Từ biệt nhé, giấc mơ nóng vội đổi đời. Tôi viết một bức thư dài gửi cho cái guồng quay, khẳng định tôi tin rằng dân chủ là tất yếu, và làn gió ấy sẽ rồi thổi đến quê hương tôi như điều không khiến cưỡng được.

Ngừng mắt nhìn những cụm mây trắng thông dong, tôi biết tôi là một người có tự do. Vấn đề đặt ra : tôi làm gì với sự tự do đó. Tôi, một người may mắn, không thể vô trách nhiệm.

8 Là một người tự do, tôi lại càng hiểu thế nào là tù ngục. Bốn năm anh nằm trong Hỏa Lò lại ám ảnh tôi. Anh tội gì? Ai có quyền cướp đi bốn năm sống của một đời người? Nhân danh ai, nhân danh gì? Và hẳn anh rồi không có tội nên anh mới được phục hồi "hội tịch" vào năm 89 !

Phục hồi, chắc cũng trả cho tí tiền. Liệu tiền đó có đổi được những đêm dài lắng nghe muỗi vo ve, tiếng chuyện trò duy nhất với những tội nhân. Riêng anh, loại tội nhân có cái tội là chót làm nhà thơ. Và tội to hơn, thơ lại là thơ hay. Nhưng hình như có ai nói dân tộc ta toàn là những nhà thơ. Đó là một điều đáng hãnh diện. Đồng thời đó cũng là một điều bất hạnh trong cái cặp biện chứng oan nghiệt - hạnh phúc.

Thôi im đi, tiếng hát ngọng nghịu của thứ gió định mệnh khắc nghiệt sụp về đánh úp hạnh phúc. Thôi im đi, những lạc quan đen, những cú phát cờ hô khẩu hiệu, hoan hô và đã đảo. Hãy trả cho chúng tôi những cái tay bắt chân thành, những cốc rượu của tình bạn, những cuộc đoàn viên có tiếng cười, những phi vụ vui chơi lương thiện... Tôi bị cấm về, chỉ thỉnh thoảng nghe tin anh qua bè bạn, là ông ấy năm nọ ốm đã tưởng đi, ông ấy khỏe lại yêu, yêu PQ, yêu B.Ng, Yêu ĐĐ..., yêu vân vân và vân vân. Tôi mừng, ông ấy vẫn đó. Cho đến 1998 tôi mới lại đặt chân trở lại Hà Nội. Lần này về, về cho bè bạn. Và đi kèm có cháu Việt, con trai lớn của tôi.

Lại men cái gác 43 Lý Quốc Sư. Gác vẫn thế nhưng nhà anh nay khác, lên ba tầng, trước nhà vẫn còn một đồng cát, xi-măng, và dăm ba chiếc xẻng. Bây giờ, không ai réo tên nhau. Phải bấm chuông. Tôi hồi hộp. Cửa mở. Anh thò đầu nhìn, mắt nhắm mắt mở. Tóc anh xù ra bạc trắng màu mây. Anh còm xuống. Răng thật rụng hết, nay chỉ có răng giả. Anh cười. ở một cái tuổi nào đấy, cười làm sao thì cũng như hơi mếu máo. Anh ngồi xuống ghế salon bọc simili-cuir. Bàn kính. Nhà lát gạch hoa. Thế thì đâu rồi những chiếc ghế đầu nằm soài ra trên nền đất nện? Thế thì đâu rồi cái điều cày, dăm chiếc đóm, chai rượu mơ và ngọn đèn hoa kỳ bà? vạn thật thấp li ti đóm cháy? Tôi xin anh, thôi lên chỗ anh ở, chứ ngồi salon làm gì. Leo gác hai, anh đẩy cửa. Một cái giương đơn. Trên sàn, trải chiếu, khay nước nằm tênh cạnh ngọn đèn hoa kỳ. Và chiếc điều với dăm về thuốc lào. Rồi dăm chiếc đóm. Tôi ngồi sụp xuống đất. Tôi bắt đầu nhận ra anh. Anh cười. Bây giờ, cái cười mới hết mếu máo.

Lần sau đến, tôi kể cho anh nghe ý định viết một vở kịch về quan họ. Lần ấy, có TK, rất duyên và cực xông xáo vui chơi. TK hẹn sẽ cùng nhau đi Bắc Ninh làm một châu quan họ, dọa là "các em" bên đó "tình" lắm. Còn phần tổ chức "hành quân", TK la "...cứ để tôi". Về, tôi hẹn đến đưa anh đi ăn cơm trưa với Việt ngày mai. Khi bố con tôi đến thì người nhà anh bảo anh ốm lắm. Chúng tôi lại leo gác hai. Trong phòng, anh co quắp trên chiếc chiếu giải trên sàn, mình đắp chăn. Tôi cúi xuống nhìn. Mắt anh nửa khép nửa mở, trắng đục, vô hồn. Anh không nhận ra tôi.

Anh phải vào viện. Năm ngày sau, bố con tôi đến thăm anh trong nhà thương. Anh bị xưng

phối sau cái chuyến đi "trình diễn" thơ ở Thái Bình thì phải. Mỗi chuyến đi thế, cũng được thù lao một hai triệu, nghĩa là một, hai trăm đô Mỹ. Lộ thơ chỉ có thế, và phải chờ những ngày cuối năm. Chúng tôi đến thì đã có dăm ba phóng viên những tờ nhật báo của Hà Nội. Anh lại khêu tôi, miệng cười rất tươi, chỉ một chị phóng viên ước độ trên dưới ba mươi, và hỏi "...trông được chứ nhỉ!". Rồi anh vúi vai cháu Việt, nói bằng tiếng Pháp, "Bác về là sẽ hỏi cô ta làm vợ". Ngờ ra, Việt không hiểu nhìn tôi dò hỏi. Anh tiếp tục, rất chân thành, "Mais oui, je vais lui demander sa main... c est sur". Sau, con tôi cứ cười, bảo "...quả bác ấy là nhà thơ. Un poète-fou !"

Đúng đấy Việt ạ. Có nhà thơ nào không điên? Tôi lại nhớ lời ra tiếng vào của một người bạn, bàn "Ông ấy nổi lắm. Già thế mà lên tivi cứ nói tình yêu này, tình yêu kia... Nghe ngượng đỏ cả mặt!". Thừa anh bạn đứng đấy, anh Cầm thế, vì anh ấy sống phút nào là chong mắt tìm một cốt đồng để nhập vào, hy vọng thêm một lần ân ái với nàng Thơ. Nổi ừ Nhưng ngấm kỹ mà xem, cứ giả thử như chúng ta có tất cả nhưng không còn yêu thương được nữa, giả thử như trái đất này đánh rơi vào cái rọ đen - black hole - tất cả tình yêu và đam mê. Chúng ta có tất cả đấy, nhưng lại không còn gì ngoài cái hành trình của những người không tìm trong thiên hà mệnh mang kia. Anh bạn ơi, trong hành trình đó anh cứ đi một mình. Chúng tôi xin ở lại.

Tôi đến chào anh một lần cuối trước khi bay vào Đà Nẵng. Lần ấy, chúng tôi tản mần đêm sổ văn hóa xem có ai và đã làm được những gì suốt ba mươi năm qua trong nền Thơ - Văn của chúng ta. Lần ấy là lần anh kêu "... thế là lấy của thiên hạ quá nhiều rồi!". Có lẽ. Huy Cận của Lửa Thiêng, trước khi làm quan thì cũng chỉ được dăm ba bài. Làm thơ, không thể làm quan. Không thể làm giàu. Làm quan làm giàu rồi, thơ chết. Nàng Thơ không ưa công đường. Không thích nhà cao cửa rộng, người hầu kẻ hạ. Và nàng chúa ghét những kẻ nói khéo, nói láo, nói dai, nói ngoa, nói nhiều và nhất là loại nói-không-ai-nghe. Nàng hay ghen. Yêu, thì Nàng phải là Cứu Cánh. Không bao giờ Nàng chịu làm lẽ cho phương tiện danh lợi và quyền lực. Và ân ái với Nàng, bạn chớ lừng chừng kiểu hiện sinh, hiện thực, hiện đại hay thậm chí hậu hiện đại theo chữ nghĩa thời thượng. Trong 36 kiểu, với Nàng là chỉ có Thơ. Thế thôi.

Đếm, đếm đi đếm lại. Cuốn sổ văn hóa mỏng dần. Mỏng làm cho bật máu và chảy nước mắt. Tôi thấy dấu anh bảo anh có lấy quá nhiều của thiên hạ, anh còn phải lấy nữa. Ngoài dăm ba vì sao lấp lánh, văn hóa của chúng ta mười năm trở lại đây lại hệt hẳng vào cái rọ đen - cái black hole - ghê rợn kia trong một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Tôi đã đảo cả hai, chỉ hoan hô một mình nàng Thơ.

9 Bây giờ, trên đầu hai thứ tóc nên tôi rất sợ hô khẩu hiệu. Chẳng hạn loại khẩu hiệu như "... kể từ nay, tự do không còn là một cụm từ trong thứ ngôn ngữ chết. Con người biết tự mình cời ra những sợi dây trời buộc, kể cả đám lính kín, công an. Chúng ta có quyền hy vọng...". Anh ta kể ra hoài bão thực hiện một bộ tiểu thuyết về bức tường mà không còn sợ hãi gì nữa. Mười năm qua, anh vẫn chưa viết gì được. Tôi hỏi, anh đáp hai trăm trang đã viết là viết trước ngày bức tường sụp đổ. Từ đó, anh chịu. Tự do đấy, nhưng anh chỉ thêm được vài trang. Còn hai trăm trang kia, anh đã lặng lẽ viết trong nỗi lo âu. Lo và sợ. Đến độ vợ con anh cũng không hay biết. Tôi lại hỏi, tại sao, tại sao thế. Anh buồn bã trả lời "...ngày trước, tôi viết chống một cái gì để cho một cái gì khác chưa có. Nó thật rõ ràng. Bây giờ ừ Cái gì đó chưa có đã thành ra có, nhưng có đấy mà lại mù mờ nên tôi không còn định hướng viết cho cái gì được nữa. Có nhà xuất bản bảo tôi, hãy viết để giải trí cho công chúng người đọc thôi, vừa dễ viết, vừa dễ bán. Viết hay sẽ dịch ra tiếng Anh, có cả thị trường toàn thế giới. Tôi đã thử, nhưng rồi xấu hổ đem đốt cả đi. Tôi không muốn là một nhà văn vô trách nhiệm...".

Nhưng trách nhiệm đó là gì? Có lẽ với anh là ca ngợi Tình Yêu chăng? Chỉ năm ngoài tôi mới được anh cho tập thơ Về Kinh Bắc, tập cuối cùng anh giữ lại. Sách in lem nhem, bìa photocopy đen trắng trên nền xanh lơ, mặt dầu để là nhà xuất bản Văn học in năm 1994. Tôi cầm cuốn sách, lòng ngậm ngùi. Những vần thơ mượt mà nhất trong thơ Việt Nam thế kỷ hai mươi bị tình phụ trong nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa?

Nhưng đó là những vần thơ tình rất đẹp. Tình yêu Kinh Bắc. Bắt đầu bằng năm đêm, trong ngũ hành. Rồi anh đi liê? bảy nhịp, trong một cuộc tuần du có Mẹ, có Chị và Lỡ Làng. Lỡ làng, bến tình không người đợi. Lỡ làng, mắt mỹ nhân khép đến thiên thu. Lỡ làng, những mảng hoa bèo ao cá quấy. Lỡ làng, xin Chị một quả ương, Chị lại đổi quả ương chim khoét thủng dấu chẳng con chim nào lại chọn quả ương. Lỡ làng, cúi nhật chiều mưa dầm quả rụng... Lỡ làng, quan đốc đồng áo đen nẹp đỏ, thả tình vàng cưới Chị vống mây trôi. Lỡ làng, em đứng nhìn theo em gọi đôi. Lỡ làng, đưa con anh thai nghén sau những đêm ân ái với nàng Thơ. Lỡ làng, cơn đau của con tằm rút ruột nhả tơ. Lỡ làng, là đời anh. Bởi anh biết yêu. Biết yêu là yêu đến cuồng dại, và mặc cho "Hờ hững buốt căm, bờ sóng lụy Cuồng si thiên rụi bến đa tình Ba ngã sông về người bơi đứng Cột đấm hoa bèo dạt đến quanh..."

Đó là những vần thơ vụng về tôi viết tặng anh chớp mắt đã thoáng mười năm.

Để kết một cuốn sách đọc lâu rồi nên tôi đã quên tên, Albert Breton - một cột sống trong phái siêu thực - viết "Je vous souhaite d'être follement aimée." (Xin chúc anh được yêu đến cuồng dại). Cũng được. Cũng thú. Nhưng tôi chúc anh khác. Tôi chúc anh yêu đến cuồng dại. Anh, như chủ thể, và yêu không chỉ là động từ mà còn là một trạng thái của sự sống sáng tạo ra chữ nghĩa. Vậy thì Ta chúc nhau yêu cuồng dại. Phải thế chứ. Vì đó là trách nhiệm của những con chữ có nghĩa. Những con chữ đẹp. Những con chữ có đời sống. Muốn đẻ ra chúng, thì có hề chi những cơn đau trở dạ. Thì có hề chi những lỡ làng.

Tôi nhớ đã hỏi anh Hoàng Cầm, tại sao là Hoàng Cầm, và Hoàng Cầm có nghĩa gì? Anh cười, có chút gì như là chua xót, đáp "Hoàng Cầm là tên một vị thuốc đắng... Tên nó vận vào người". Nó còn vận vào thành một vị thơ. Vị của những vần thơ sang nhất, đẹp nhất, nhưng cũng xót xa nhất của dòng thơ Việt Nam ở thế kỷ 20. Cơn mây mưa giữa nàng Thơ và Anh đã sinh hạ ra Lỡ Làng, dấu vết cặp oan nghiệp - hạnh phúc như vết chân con rắn và trái táo cắn dở của Eva.

Nhưng hề chi, có hề chi.

Nam Dao và tiểu thuyết lịch sử hiện đại "Bể dâu" Cổ Ngự

talawas: Tiếp sau "Gió lửa" và "Đất trời", "Bể dâu" là bộ tiểu thuyết lịch sử thứ ba của anh. Để có thể hoàn tất bộ tiểu thuyết với gần ngàn trang sách này, anh đã mất bao lâu để tìm tài liệu, tìm ý và... viết?

Nam Dao: Nói chuyện thời gian thì thật...vô cùng. Thời gian viết thì tôi biết, già ba năm. Còn phần thời gian bạn gọi là lấy tài liệu thì khó nói. Từ xưa tôi theo dõi những diễn biến lịch sử cận đại khá sát sao. Nhưng tôi chỉ hệ thống hoá các thông tin lịch sử vào khoảng cách đây 10 năm, sau khi có điều kiện đánh giá tính chính xác của một số sự kiện tôi cho là quan trọng. Nhưng vì là viết tiểu thuyết lịch sử nên có dùng là cái phần tổng hợp, còn lại thì phải cố quên chi tiết. Bởi nếu không thì nhà văn mất tiểu thuyết mà chỉ còn cái phần lịch sử, mà sử là nghề của sử gia, không phải nghề của "chàng"... "Bể dâu" lấy bối cảnh lịch sử cận đại nên sách vở tài liệu khá ngộp, và tài liệu thì phần lớn đều có định hướng "hắc-bạch", rồi lại phải chọn trong những biến cố những cái chính, cái phụ theo cách thể chủ quan của người viết trong ý hướng để ra tiểu thuyết. Trọng tâm của tiểu thuyết, theo cách tôi nghĩ, là con người trong những biến cố lịch sử. Vì vậy, chỉ đọc tài liệu lịch sử không đủ. Tôi bỏ khá nhiều thời gian đọc văn đủ mọi khuynh

hướng, của cả hai miền Nam Bắc, chất lọc lấy những thân phận, chưng cất thành những nhân vật sống của tiểu thuyết... Bây giờ công việc đã xong, "Bể dâu" nằm trên kệ sách, bạn hỏi tôi mới thấy mình liều, đúng là điếc không sợ súng! Nếu chưa viết, và có ai đó bảo mình viết "Bể dâu" đi, có lẽ tôi sẽ nhất bộ nhất bãi, đi giật lùi cho đến khi chạm cửa địa ngục...

talawas: Giữa thơ, truyện ngắn, kịch, ký và nhiều thể loại khác đã thử qua, vì sao anh quyết định chọn tiểu thuyết lịch sử để dồn tâm, dồn sức? Có phải đó là nơi anh có thể bày tỏ được những điều muốn nói, là mảnh đất đủ dài đủ rộng để những ý tưởng của anh có chỗ vẫy vùng?

Nam Dao: Nếu có một thể loại mà tôi có ý định dồn tâm sức vào thì đó là Kịch nói. Nhưng Kịch phải có sân khấu, có diễn viên, khán giả... mà ở hải ngoại thì bạn biết đấy, những người yêu bộ môn này đều "tài tử", làm sao mà phát triển được. Trừ Cải lương, lựa thừa chắc được 1, 2 ban hát bên Cali, tôi chưa thấy có 1 gánh Kịch nói nào ở hải ngoại. Vì thế, thích thì thích, nhưng cũng đành! Kịch là một thể loại tuyệt chiêu đấy, tôi mê từ nhỏ, và vẫn còn đắm đuối.

Truyện ngắn, hoặc Ký, đối với tôi là những thể loại thích hợp khi tôi muốn đề cập đến những vấn đề có thể khoanh được vào 1, hay nhiều là 2, yếu tính (văn chương). Thật mà nói, những tác phẩm thành công ở thể loại này cũng có cái khả năng vẫy vùng của tiểu thuyết trường thiên: có dịp, mời bạn đọc những tập truyện ngắn của Chekov hay Hemmingway hay Lỗ Tấn. Cho đến bây giờ, dẫu đã cắt 200 trang để "Bể dâu" mang cái bề "quá" dày bạn thấy, tôi vẫn cứ ao ước còn cắt thêm được chừng 150 trang trong lần tái bản tới (nói đùa đấy, ở hải ngoại lấy đâu ra các cụ các bác người đọc mà tái bản).

Còn Thơ, a cái nàng Thơ khó tính (dạo này hình như lại trác nét tí ti "hậu hiện đại"). Nàng vẫn hẹn, nhưng kiểu hẹn mà không đến, bắt tôi chờ, và chờ mà chẳng biết chờ gì, chờ ai... Tôi ao ước nàng sẽ ghé chân, dẫu một lần, giắt tay tôi dưới một bầu trời mới, thôi trầm mặc Đường thi, du dương lục-bát, thôi thơ mới thơ cũ, thơ không vần, thơ xuống hàng ngắt câu lò cò, thơ ú ớ diễn ngôn kiểu gọi là lạ với những cũ xi sợ còn kém xa thể Phú cả nghìn năm về trước... Nhưng tôi cứ thế, cắn bút traу dồi hồn thơ, rồi đợi. Và rất bực mình khi nhớ nhà thơ nào đó rên "em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé" nghe chao ôi mùi mẫn, nhưng tôi trệu trạo sắp được 6 câu, nước mắt vừa kịp chảy để môi má hoen lệ, và miệng méu, xuống một ốc-ta thì thầm "ô hay ta đã làm chi đời ta!"... thì... hết chuyện!

Vậy quay về câu hỏi, có phải cần cả ngàn trang để vẫy vùng không thì tôi xin nói không. Còn ý tưởng, có cần cả ngàn trang không? Cũng không. Tôi nhớ câu đáp của nhà khoa học Einstein khi có một ai đó hỏi ông có quyền sổ tay mang bên mình để ghi lại những ý tưởng không thì ông bật cười, bảo "cả đời tôi liệu có thì một, hai ý tưởng, làm gì mà cần đến những một cuốn sổ tay!" Thế thì tại sao tiểu thuyết "Bể dâu" dài thế! Trước hết tiểu thuyết đâu chỉ là tập hợp những ý tưởng. Nếu nó dài, liệu có đủ dài hay không để đo cho đủ nỗi thống khổ của thân phận con người bị ghiền nát hằm rừ ra trong lịch sử của mình, mình vừa là tác nhân và thật oái oăm, mình lại vừa là nạn nhân? Đó mới là câu hỏi phải trả lời. Tôi không biết, nhưng hy vọng là một trăm năm sau không ai phải viết lại "Bể dâu". Và nếu không may mà phải lại kể chuyện dàu biễn thì xin nó ngắn lại, một hai trăm trang thôi, đừng dài quá!

talawas: Sau khi hoàn thành hai bộ tiểu thuyết lịch sử "Đất trời" (lịch sử trung đại, thời Lê Lợi-Nguyễn Trãi) và "Gió lửa" (lịch sử cận đại, thời Nguyễn Huệ-Gia Long), anh cảm thấy thuận lợi hơn hay khó khăn hơn khi bắt tay vào viết bộ tiểu thuyết lịch sử hiện đại "Bể dâu"? "Việc thật" còn nóng hổi, "người thật" có khi còn sống sót qua cuộc bể dâu, điều đó có ngăn bước những ý tưởng của anh tung hoành trong chiều hướng muốn "tái chiếm hữu và tái tạo" lịch sử hay không?

Nam Dao: Khó hơn, vì sự tái chiếm hữu lịch sử đòi hỏi người viết đáp ứng với câu hỏi đầu là anh làm thế cho ai, và câu thứ hai là với tâm thế và ý thức nào. Trong "Bể dâu", tầm nhìn là từ

vị trí nạn nhân của sự xoay vần oái oăm và tàn bạo của lịch sử mà không cá nhân nào kiểm soát được. Điều này khác với "Đất trời" và "Gió lửa", trong đó những tác nhân của lịch sử đóng những vai trò chính, và động cơ của lịch sử rõ nét hơn qua những vấn đề văn hoá và xã hội, cũng như vị trí địa-chính (trị) đặc thù của nước Việt Nam ta. Với "Bể dâu", con người cam chịu trước lịch sử như một định mệnh oan nghiệt chung, và có vùng vẫy thì cũng chẳng thể cứu được chính mình trong cái bối cảnh một cuộc chiến tranh tàn khốc chẳng phải chỉ mình quyết định. Tôi viết, với tâm thế không đặt trọng được-thua, thắng-bại... nhưng quan tâm nhiều hơn đến câu hỏi làm sao khôi phục được "con người" sau dấu biển, và cố gắng biểu đạt ý thức chuyện khôi phục này là vấn đề sinh tử khi chúng ta đối mặt với tương lai. Còn "việc thật, người thật" như anh đề cập thì sao? Việc thì chắc chắn phải nhìn một cách trung thực và với công tâm. Nhưng người, dấu thật, trong tiểu thuyết đều thành những nhân vật hư cấu. Những nhân vật này không chỉ là một, mà là tổng hợp của nhiều người, sống và hành xử "cứ như thật" để tiểu thuyết có khả năng thuyết phục người bỏ công ra đọc nó. Việc thật người thật chưa hề là bước cản sau khi tôi quyết định viết "Bể dâu".

talawas: Thời gian của "Bể dâu" kéo dài khoảng 60 năm, từ những năm 30 đến những năm 90 của thế kỷ XX. Không gian của "Bể dâu" trải rộng khắp ba miền đất nước, vượt biển Đông qua đến tận đảo Galang của Nam Dương. Con người của "Bể dâu" có gần 200 nhân vật thuộc bốn thế hệ nối tiếp, có nhân vật lịch sử (Nguyễn Thái Học, Bảo Đại, Hồ Chí Minh, Khái Hưng...), có nhân vật "bình thường" nhưng có thật (Dao Ánh, Dự-người tù vì tội dẫn gái cho chuyên gia ngoại quốc, vào tù nhưng vẫn tiếp tục tổ chức đường dây buôn thuốc phiện, hoặc người đàn bà điên trần truồng giữa đường phố Sài Gòn sau 1975...), có nhân vật giả tưởng, có cả... ma! Ngoài trí nhớ, anh có sử dụng phương pháp nào khác để không tự mình rơi vào cái mạng lưới rối rắm của những tình tiết và quan hệ do chính mình dựng nên?

Nam Dao: Cách tôi viết như thế này: tôi viết chương đầu, rồi sau đó viết chương kết (để biết đi về đâu, đến đâu trong tiểu thuyết) cho cả "Bể dâu", rồi sau, cho từng quyển "Chớp bể", "Ba đào" và "Bờ dâu". Vì thế, những nhân vật chủ chốt đều đã định hình, và tồn tại trong những tình thế được dự trù. Những chương ở giữa là để nhân vật "sống", với những nhân vật phụ góp phần tạo ra đời sống, cả mặt tâm linh lẫn xã hội. Cái khổ là tôi không thể viết liền một mạch, phải ngưng những thời gian dài đến vài tháng, và khi cầm bút viết tiếp thì bắt buộc phải đọc lại để tránh những bất cập, mâu thuẫn... Đọc lại cho phép tôi không rơi vào sự rối rắm của những tình tiết, quan hệ, tâm lý của những nhân vật, đơn giản là vậy.

talawas: Trong "Bể dâu", các sự kiện có hoàn toàn diễn ra theo sự tịnh tiến của thời gian không? Có đoạn nào của tiểu thuyết được anh dùng thủ pháp đảo lộn thời gian để "bẻ ngoặt" dòng chảy của lịch sử không? Một số ca khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sáng tác vào thập niên 90 (bài "Sóng về đâu?" chẳng hạn) lại được các nhân vật trong truyện hát lên trước đó hơn 10 năm, có phải là sự cố ý?

Nam Dao: Thời gian vật lý của con người đo bằng chuyển động của cái kim đồng hồ, nhưng thời gian sinh-tâm lý thì khác, sau vẫn có thể ở phía trước, ngược lại cũng được, thậm chí có khả năng đồng hiện! Chính cái thời gian đó mới là yếu tố quyết định thế cách và hành xử của con người, và vì vậy nó cũng là thời gian của tiểu thuyết vì nói cho cùng, trọng tâm của tiểu thuyết là con người nhìn ở mức độ toàn diện như một tổng thể. Còn về dòng chảy của lịch sử, như những biến cố thì chúng tịnh tiến, nhưng soi rọi vào nguyên nhân và động cơ thì khác. Là sản phẩm của con người trong một bối cảnh văn hoá nhất định, lịch sử rồi cũng đèo bồng thời gian sinh-tâm lý của con người. Dòng chảy "bẻ ngoặt" của lịch sử tất phải tương ứng với những khúc gập ghềnh của kiếp người, chẳng cần "thủ pháp" nào để đề cập tới. Còn ca khúc "Sóng về đâu" của Trịnh Công Sơn, tôi được nghe đâu quãng năm 87, và nhân vật trong "Bể dâu" chắc cũng được nghe anh Sơn hát cùng một lúc với tôi, cũng thích, và thích mà buồn là hát, chẳng hề nghĩ đến cách "đảo lộn" thời gian làm gì. Trong truyện, khi thấy triều lên như biển sắp xoá ruộng dâu, nhân vật Dân què một chân lẩy chân còn lại đạp vào sóng và hỏi ta xô mi lại,

sóng về đâu... chứ nào có hát hò gì đâu. Nói thể cho vui, nhưng khi tôi viết thì mọi sự "bật" ra, không hề tính toán chi li gì cả!

talawas: "*Bể dâu*" gồm quyển Thượng (hai phần đầu: "Chớp bể", "Ba đào") và quyển Hạ (phần cuối: "Bờ dâu"), xin được tạm gọi như vậy. Ở quyển Thượng, nhân vật trung tâm Nguyễn Trường Võ / Phan Thượng Chính sống qua những tang thương và hào hùng của thời chống Pháp, từ trước khi các liệt sĩ Việt Nam Quốc dân Đảng bước lên đoạn đầu đài, qua nạn đói năm Ất Dậu, Cách mạng tháng Tám cho đến khi miền Bắc ổn định thể chế Dân chủ Cộng hoà, sau cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu, đợt trừng trị nhóm trí thức Nhân văn-Giai phẩm và việc đàn áp những người thuộc phái ôn hoà trong Đảng Cộng sản. Ở quyển Hạ, khởi đi từ ba năm cuối của cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn - cụ thể hoá qua hình tượng hai anh em sinh đôi Phan Thượng Nhân, bác sĩ quân y miền Nam và Phan Thượng Dân, bộ đội chính quy miền Bắc – dòng truyện đẩy người đọc dạt qua vài tuần lễ hoang loạn của một miền Nam hấp hối, trôi dạt theo những năm tháng đói nghèo trong thù hận, lừa lọc, phản bội, thất vọng của cả nước sau chiến tranh để rồi cuốn phăng một số thân phận nhỏ nhoi ra biển cả. Những người đọc ở lớp tuổi 50-60, đồng lứa với Nhân và Dân có nhận xét: quyển Thượng "thật" hơn. Nhóm đọc giả trẻ lại thấy quyển Hạ sống động hơn, gần gũi hơn. Anh có ý kiến gì về những phản hồi ấy của độc giả?

Nam Dao: Tôi cũng nhận được những phản hồi của bạn đọc, ở nhiều lứa tuổi, cả Nam lẫn Bắc, người nhận là "quốc gia", kẻ coi mình là "cách mạng". Về quyển bạn gọi là quyển Thượng, đúng là lứa tuổi trên 50 phản ứng khen chê nhiều hơn giới trẻ. Tại sao? Họ hoặc đã trưởng thành, hoặc lớn lên trong cuộc chiến kết thúc năm 1975. Phần lớn, khi chủ động nhưng thường thì bị động, họ buộc phải trực tiếp tham gia vào một giai đoạn lịch sử đầy xáo trộn với những dằn vặt hoang mang trước chân giả đúng sai, những giây phút hào hùng tưởng đối được đời rồi những ê chề tuyệt vọng trước cái chết lên ngôi, trước chia cắt, tang thương mà đành bó tay phủ phục hứng chịu định mệnh. Với họ, tìm nguồn căn cho cái lịch sử khốn khổ đó là một nhu cầu mà quyển Thượng phần nào đáp ứng ^[1].

Ở miền Bắc, một bạn thơ gửi e-meo, bảo không ngờ còn khóc được khi đọc chương nói về thời *Cải cách ruộng đất*. Một nhà văn hoá tên tuổi, qua trao đổi với một đệ tam nhân, nói ông thay đổi một số cách nhìn sau khi tiếp cận "Bể dâu". Phê phán, có bạn than, chiến thắng Điện Biên oanh liệt thế, sao chỉ tôi đề cập thoáng qua, như thể là không "công bằng" với lịch sử. Nhân đây, xin đáp, đã có hàng trăm cuốn sách nói về Điện Biên. Và tôi không phải là sử gia. Viết tiểu thuyết, tôi không thấy cần phải nêu lên những gương anh dũng này nọ để công bằng. Sự công bằng, nếu phải có, là công bằng với những thân phận con người truân chuyên qua sự cổ lịch sử mà dấu tang thương là điều nhà văn tự nguyện lấy trách nhiệm lưu giữ như chứng nhân. Quyển Hạ, bối cảnh lịch sử dàn trải từ 1972 đến 1990 ^[2]. Ở hai chiến tuyến, Nhân và Dân may mắn không phải giết nhau, mà cứu được nhau, trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Nhưng ở phía thắng hay bại, họ cũng chỉ là những nạn nhân bị thể cuộc nghiền ra trong vòng xoay của đủ thứ quyền lực, đôi khi thật vô lý, thường thì vô cảm, bất nhân. Bạn đọc nhận xét: cả hai phía đều có người tốt kẻ xấu; những nhân vật nạn nhân bị chà đạp tìm cách đứng dậy, nhưng không bao giờ găm căm hận vào lòng, và tội nghiệp nhất là thân phận nữ qua những Thắm, Huyền, Dao Ánh... Có người cho rằng tác giả không đề cao đầy đủ những con người tiếp tục giữ được nhân tính ngay cả khi phải lao vào cuộc chém giết tương tàn. Xin đáp : tôi nghĩ là có đấy chứ. Tình yêu luôn luôn hiện diện. Rồi tình đồng đội. Lòng thương xót đồng loại trước chết chóc, huỷ diệt... Quan trọng hơn, có những người lính chiến đấu khi cần, và khi không cần, phải chằng rất nhiều người trong số họ đã hạ súng để tránh thiệt hại cho dân cũng như quân. Sau này, tôi ước ao ngày 30-04-1975 này sẽ được tưởng nhớ đến như ngày thiết lập lại hoà bình sau một trận chém giết vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nội chiến.

Tiếc là thời ngay sau hậu chiến chẳng mấy tốt đẹp: chuyện học tập cải tạo, đổi tiền, đánh tư sản... đưa đến thảm cảnh vượt biên khiến vết nứt rạn trong tâm thế người Việt Nam càng sâu

mà cho đến nay những lời kêu gọi hoà hợp hoà giải vẫn cứ như gió thoảng qua tai. Cứ thế này, nghi kị giữa người trong nước và hải ngoại không khéo sẽ trở thành một thứ thuộc tính khó thay đổi, và cái tiềm lực của "khúc ruột ngàn dặm" chỉ còn, như cho đến nay, thể hiện qua những đồng đô la tươi cóp nhật gửi về giúp người thân (thế mà cũng đến gần 6 tỉ) chứ không có tính rộng khắp và hệ thống để xây dựng và phát triển đất nước một cách xứng đáng.

Thời hậu chiến, chính quyền đối mặt với sự tan rã của khối XHCN cuối năm 1990, tức đã 17 năm nay. Những chuyện lèo lái ở Việt Nam sau biến cố cực kỳ quan trọng này không nằm trong "Bể dâu". Thời đó, nhiều người mang hy vọng xã hội Việt Nam sẽ thực hiện tiêu chí in trên công văn, giấy tờ từ rất nhiều năm, là: Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc. Quốc gia thế là có độc lập chính trị rồi (dĩ nhiên ở cái thế tương quan với các nước khác trên thế giới). Còn tự do? Phải hiểu tự do là môi trường xã hội cho phép mọi cá nhân phát triển, và đó là điều kiện cần để mỗi người thực hiện hạnh phúc riêng tư trong một qui ước xã hội đồng thuận. Tự do đầu tiên là tự do tư duy, một yếu tính của con người (như cây sậy "biết nghĩ" theo cách nói của Blaise Pascal). Nó cũng như đôi cánh để chim bay, vì thế Dân đi mở tất cả những lồng chim trong sân một nhà thương tâm thần (tức cái xã hội không mấy bình thường muốn đưa tư duy vào những cái gông để kẹp lại), giải phóng để chim xô lồng, bay lên, bay đi.

Nói đến phản hồi của bạn đọc, tôi lạm lời xin kể ra 2. Một sinh viên trẻ đang du học tại Pháp gửi e-meo, viết: "Lẽ ra thế hệ cha anh phải cho chúng em biết, nhưng chắc họ sợ, lơ đi hoặc "banaliser" những thảm cảnh sau ngày 30-04, tiếp tục cứ "ngụy" với "ta", đâu có biết thế ra "ta" mới ngụy ở cái thế "ta" có thể hành xử nhân ái hơn mà không làm...". Một bạn khác, bên Mỹ, thì: "... em cầu nguyện cho không bao giờ nước ta lâm vào nội chiến tương tàn, mãi mãi hoà bình, và gột bỏ được mọi hận thù quá khứ..." Nếu viết "Bể dâu" để có được những thông cảm như vừa kể, tôi nghĩ là cũng đáng công, nhất là với thế hệ trẻ.

talawas: *Để xây dựng các nhân vật trung tâm: Phan Thượng Chính, Huyền, Nhân, Dân, anh có dựa vào những mẫu người nào của đời sống thực không? Có lúc nào anh tự "đồng hoá" với một trong những nhân vật của mình không?*

Nam Dao: Chuyện xây dựng nhân vật, tôi đã nói sơ trong phần trả lời trên : nhân vật hư cấu là tổng hợp những mảnh thật của những con người có thật mà tác giả có cái duyên may gặp gỡ. Về vé thứ hai, tôi thiết nghĩ người viết nào chẳng "nhập vai" những nhân vật của mình, cả chính cũng như phụ? Tôi không là một ngoại lệ. Nhưng hoá thân sống bằng tâm thế những nhân vật bạn vừa kể tên "gay" lắm, nhiều khi muốn phát điên lên được. Viết như vậy chẳng khác gì "trút nghiệp", như Phó Đức Chính lấy roi tự quất vào mình trong chương 2... Đau vô cùng, nhưng khi đã thành được "lời" thì tâm nhẹ nhõm. Đó là phần thưởng tôi nhận được ngay trước cả lúc sách in ra, rồi sau là khen chê, bình phẩm, phê phán... Cho đến nay, phản hồi trên "Bể dâu" thường vẫn nhấn mạnh mặt nhận thức chính trị, trong khi tôi lại viết văn! Cơ khổ... Ấy, tiểu thuyết lịch sử với một giai đoạn còn hằn dấu vết ân oán tang thương tất phải vậy mà thôi. Biết trước thế, mà tôi vẫn cứ phải làm...

talawas: *Các nhân vật "nhà thơ", "bà lão áo vàng, đứa cháu áo trắng và con chim chào mào" lúc ẩn lúc hiện trong suốt ngàn trang sách của "Bể dâu". Qua họ, anh muốn gửi những thông điệp gì đến người đọc? Hình tượng "nhà thơ" khiến độc giả liên tưởng đến Bùi Giáng. Nhưng đó có phải là "tiên thân" của Dân, nhân vật đã biến mất ở cuối truyện, sau khi sống một thời gian dài trong nhà thương điên? Có phải ý anh muốn Dân sẽ tiếp tục sứ mạng của nhà thơ trong những bể dâu sắp tới của đất nước, đi khắp nơi để cảnh giác và đánh thức lương tri người Việt Nam?*

Nam Dao: Bà lão áo vàng, đứa bé áo trắng và con chim chào mào thể hiện thế giới tâm linh song song tồn hữu với cái thực tại nhìn thấy, nghe thấy, sờ được... của thế giới vật chất hiện tượng. Thế giới tâm linh kia phi thời gian, gộp một lúc cả quá khứ, hiện tại và tương lai... Bạn

để ý, cứ một khi thế giới vật chất gãy đổ thì thế giới tâm linh kia xuất hiện, khi như một cảnh báo, khi như một lời than! Còn những nhà thơ. Qua kinh nghiệm tiếp xúc riêng, tôi thấy họ là những người hồn nhiên và trong sáng, có khả năng linh cảm tương lai rất nhạy bén. Trong những tiểu thuyết tôi đã viết, họ lúc nào cũng có mặt, giữa hư và thực, giữa minh triết và rồ dại, mỗi khi lương tri cần được đánh thức từ những cơn mộng mị cướp đi nhân tính giữa những con người với nhau. Nhà thơ vô danh đi vòng bờ hồ, là nhà thơ. Bùi Giáng huýt còi chỉ đường xe chạy, là nhà thơ. Và Dân, cũng là nhà thơ, với cái sứ mệnh đánh thức lương tri như tôi vừa nói. Phân Dân, như cánh những con chim bay ra từ những chiếc lồng chính anh bẻ gãy cửa, anh bay, có lẽ đã xa, đến được đâu và đến khi nào...thì tôi không biết. Bay là chức năng của chim xỏ lồng, như tư duy tự do, là chức năng của chúng ta, những con người còn biết thêm một cánh chim bay.

talawas: Trong hàng trăm nhân vật của "Bể dâu", người ta thấy có Việt Quốc, Việt Cách, Việt Minh, bộ đội miền Bắc, lính tráng miền Nam, du kích, công an, nằm vùng, "ba mươi tháng tư", sĩ quan Nhật, tướng lãnh Pháp, quân Tưởng, nhưng lại thiếu vắng hình bóng người Mỹ. Vì sao, thưa anh?

Nam Dao: Đây là một điều khiến tôi xé đi hơn trăm trang của tập bản thảo "Bể dâu", trong đó có những nhân vật người Mỹ. Một cậu non choẹt học Đại Học Kentucky bị bắt lính, ngỡ ngàng khi hiểu ra mình chẳng sang Việt Nam để "bảo vệ" thế giới tự do mà là giết người, viết thư cho cậu em khiến cậu này phản chiến, biểu tình rồi bị bắn chết. Trung Úy Caley, kẻ châm lửa đốt nhà ở Mỹ Lai, mang hoang tưởng trở thành Satan để, ở mặt phản diện, đứng ngang hàng Thượng Đế định đoạt sống chết... Viết xong, tôi mới tự hỏi viết thế để làm gì, và nhất là viết cho ai? Để kết tội Đế quốc xâm lăng, vạch mặt cuộc chiến tranh "lạnh" giữa những siêu cường hai phe, và... biết bao nhiêu điều người ta đã viết, kể đi biện minh, người thì bác bỏ tính chính nghĩa - chính danh, sự phi nhân, cuồng bạo... của cuộc chiến Việt Nam? Chuyện này, hàng trăm người đã làm! Tôi tự thấy mình quá ôm đồm với những nhân vật người Mỹ. Thậm chí, tôi có thể làm lạc mất cái hướng tôi muốn đi: cảnh báo sự nhẹ dạ, tính bốc đồng, và cách hành xử thuần bản năng "anh hùng" rất dễ bị kích động, để làm sao người Việt Nam chúng ta bình tĩnh tìm lại được nhau, và cùng nhau tạo dựng một nền cộng hoà, nghĩa là một xã hội hài hoà đồng thuận trên nền tảng đạo lý giữa người với người, nhất là những con người sau một cơn dẫu bể kinh hoàng. Đấy, lý do hình bóng người Mỹ chỉ lura thưa trong "Bể dâu" là thế!

talawas: Sau "Bể dâu", anh có chuẩn bị giới thiệu đến độc giả tác phẩm mới nào nữa không? Sẽ có thêm tiểu thuyết lịch sử của Nam Dao trong thời gian sắp tới, hay anh sẽ chuyển hướng viết sang một thể loại khác?

Nam Dao: Tôi vừa viết xong "Trắng nguyên sơ", một tiểu thuyết kết hợp thể Kịch, Phóng sự và cả chương Kim Dung, tức là lấu "hậu hậu hiện đại" với những bước ngoe nguẩy rồi nhảy vọt của thời gian, kèm vào những không gian phi tuyến tính cực kỳ "bác học"... Tôi sẽ không bao giờ viết tiểu thuyết lịch sử nữa.

talawas: Xin cảm ơn anh đã trả lời phỏng vấn của talawas và mong sẽ được đọc thêm nhiều tác phẩm có giá trị của anh trong thời gian sắp tới.

© Talawas 2008

^[1]Sau mỗi phần của "Bể dâu", tôi có tóm gọn những sự cố lịch sử, xin trình bày lại một cách cô đọng ở đây hầu độc giả:

Đầu thế kỷ trước, giành độc lập từ chế độ thực dân Pháp đúng với truyền thống yêu nước của người Việt là một điều gần như tự nhiên. Hai con đường chính, một là dùng sách lược quân sự

bạo động theo chủ trương của cụ Phan Bội Châu, và hai là sách lược cải cách chính trị ôn hoà theo chủ trương của cụ Phan Chu Trinh. Sách lược quân sự, định dựa vào ngoại bang, cụ thể Nhật Bản và Trung Quốc, thật mà nói là thất bại (với khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng, và với Xô-Viết Nghệ Tĩnh của Thanh niên, tiền thân Đảng Cộng sản Đông Dương). Sách lược cải cách chính trị cũng không đi đến đâu, thực dân Pháp đóng cửa Đông Kinh nghĩa thực, thời những năm 20 không cho phép Nguyễn Thái Học mở những lớp truyền bá quốc ngữ, thậm chí cấm cả việc tổ chức câu lạc bộ Thể thao, đẩy những người yêu nước không có con đường nào khác là dùng bạo lực, với ý thức bi tráng rằng "không thành công thì thành nhân". Phải chờ đến Thế Chiến 2, vận hội cho cuộc giải phóng dân tộc, giành chủ quyền quốc gia mới khai mở. Ông Hồ Chí Minh, một người cộng sản, đã khôn ngoan nắm bắt thời cơ, tuyên bố độc lập và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH) ngay khi chiến tranh kết thúc, nhưng gặp lực cản đến từ thỏa thuận phân chia địa giới chính trị giữa những cường quốc ăn chia sau khi chiến thắng phát-xít Đức - Nhật. Không hề có sự hỗ trợ nào, chính phủ VNDCCH cuối cùng phải lên chiến khu kháng chiến, tiếp tục sách lược quân sự vì bất khả kháng, và cũng chẳng có được một sự trợ lực nào từ Đệ tam quốc tế. Thắng lợi của Mao cuối năm 1949 đã tạo ra một bước ngoặt cho phép lực lượng kháng chiến đoạt thời cơ giành thế thượng phong về mặt quân sự sau chiến dịch biên giới, và cuối cùng đưa đến chiến thắng Điện Biên. Nhưng giá phải trả là gì? Là VNDCCH xoay theo vòng quay của Trung Quốc, bị áp đặt một mô hình xã hội và chính trị kiểu Mao-ít, với "Cải cách ruộng đất" (CCRĐ) và "Chỉnh quân chỉnh huấn" ngay sau năm 52. Tôi cho rằng chính CCRĐ (chứ không phải cuộc cụ Huỳnh Thúc Kháng gọi là "đảng tranh" năm 46) nhằm tiêu huỷ xã hội làng xã truyền thống đã khiến rạn nứt giữa những người quốc gia và những người cộng sản trở thành khó hàn gắn được. Hiện tượng di cư ồ ạt từ Bắc vào Nam năm 1954 là một hậu quả!

Mặc dầu VNDCCH chiến thắng về mặt quân sự, những thế lực quốc tế đã chia cắt Việt Nam thành hai miền Nam, Bắc. Mỗi miền, có thể chế và Nhà nước riêng, đầy rạn nứt nói trên trở thành một phức hợp tạp nham có ý thức hệ, có quyền lực, và quyền lợi ở mức độ cả quốc gia lẫn quốc tế. Ở miền Bắc, mô hình Mao-ít cũng "Trăm hoa đua nở" sau khi Krút-Xép kế vị Stalin ở Liên Xô, đưa đến cuộc đàn áp bịt miệng trí thức và văn nghệ sĩ Nhân Văn-Giai Phẩm, và cuối cùng là thiết lập một hệ thống toàn trị. Thật ra, để củng cố hệ thống này, những người làm chính trị không chỉ dựa vào ý thức đấu tranh giai cấp để "chuyên chính vô sản" mà lại, quan trọng hơn, là dựa trên truyền thống yêu nước và tinh thần độc lập mà người Việt Nam đã kinh qua trong chiều dài của lịch sử kể từ thời Ngô, Tiền Lê. Để làm thế, công cuộc có tên là "Giải phóng miền Nam" được tung ra, trong một bối cảnh cực kỳ phức tạp. Một mặt, Đế quốc Mỹ đâu có phải chỉ là một con hổ "giấy" mà có tiền và kỹ thuật và công nghệ chiến tranh. Mặt khác, hai nước đàn anh trong "phe ta" là Trung Quốc và Liên Xô cạnh cựa, kẻ hồ chung sống hoà bình, kẻ đòi đánh nhau với Đế quốc Mỹ đến người (Việt Nam?!) cuối cùng.

Ở miền Nam, cũng phức tạp chẳng kém. Chống lại miền Bắc, miền Nam dựa vào Mỹ, không thể nêu lên hai chữ giải phóng dân tộc đã được triệt để "lạm dụng" bởi đối phương, đành đưa ra ý thức hệ "thế giới tự do", và ngay hai chữ tự do cũng được hiểu rất mù mờ như đối sách với, tức phản ứng chống lại, "gông xiềng" cộng sản mà chưa đầy đến ý thức tự do như điều kiện cho mỗi một cá nhân có quyền, và có môi trường phát triển, trong một xã hội cộng hoà ở nghĩa ít nhất là đồng thuận tuân thủ một qui ước xã hội xác quyết trong hiến pháp. Thế là chỉ dăm năm sau, đủ thứ hiện tượng của một xã hội phong kiến từ lâu đời "tái xuất giang hồ", nào là "gia đình trị", khủng hoảng vì biệt đãi một tôn giáo, vv... để đối phương khôn ngoan tận dụng làm khí giới đấu tranh. Đến khi lính Mỹ ào ạt xéo lên miền Nam thì cái khẩu hiệu miền Bắc hô ban đầu là "Giải phóng miền Nam" thành máu thành thịt, trở nên một thứ hiện thực khó bác bỏ. Lớp đặc tuyển chính trị miền Nam dưới tay "cơ", từ đó xoay trở rất khó khăn trên mặt trận truyền thông, cả trong cũng như ngoài nước!

Tóm gọn, cho cả hai miền Nam lẫn Bắc, phần tự quyết không nhiều so với ảnh hưởng phụ thuộc vào những thế lực ngoại bang trong tiến trình của lịch sử cận đại. Cứ mỗi lần bị động như thế, xã hội Việt Nam bị tách khỏi diễn biến có tính tiến hoá từ một xã hội truyền thống, bị đẩy văng vào những quỹ đạo như những con bông vụ, chẳng khác gì "người nhà quê ra tỉnh". Cứ "lành" như người Lào, "nhũn" (nhưng lấu cá) như người Thái, bốt "nhẹ dạ" và "anh hùng" (như người Việt), lắm khi lại đỡ khổ hơn là "đũa đoan". Ngày nay, Việt Nam tiếp tục đánh đu giữa Mỹ-Tây Âu và Trung Quốc. Mỹ "vũ như cần" sa lầy với Irak, Tây Âu chưa đủ mạnh, nội tình còn rối rắm, trọng lượng kinh tế-chính trị chưa thể biết ra sao trên bàn cờ thế giới. Và Trung Quốc, với thuộc tính bành trướng bá quyền còn hằn dấu vết trong lịch sử những nước nhỏ cận kề, đang bán cái ảo vọng trên đường trở thành một quyền lực quốc tế, từng bước lấn chiếm biển Đông ở Á Châu, thâm nhập Phi Châu và châu Mỹ Latinh, chắc chắn sẽ chẳng để ai yên. Việt Nam phải có một chính sách đối ngoại thế nào đây? Nếu rập khuôn mô hình Trung Quốc của Đặng và những người kế thừa, thành mèo đen và trắng đi bắt chuột, thì Việt Nam tự nguyện quay về thời quận huyện Giao Châu? Nếu không, liệu Việt Nam có con đường nào khác là tách dần ra khỏi ảnh hưởng Trung Quốc để đến gần một thế giới văn minh hơn, dân chủ hơn?

^[2] Một vài bạn đọc chê tôi "bỏ qua" biến cố Mậu Thân, một bước ngoặt của cuộc chiến. Thật ra, nào tôi có "bỏ qua" đâu, tôi chỉ đề cập gián tiếp qua phản ứng của những nhân vật và dân chúng sau biến cố đó. Đến nay, đã khá rõ là cuộc "Tổng công kích và Nổi dậy" năm 68 là một thất bại quân sự-chính trị tại Việt Nam, nhưng ngay "bộ xâu" miền Bắc cũng không ngờ rằng nó tạo ra một chiến thắng "ngoại giao" quan trọng khiến tổng thống Mỹ Jonhson thời đó chấp nhận hoà đàm, hứa rút quân... Chiến trường là Việt Nam, nhưng chiến thắng thì gặt hái được trong campus những đại học như Berkeley, Havard... và trên phố phường Washington, New York, Boston (điều này tôi cũng nêu rõ trong Phụ lục của tập "Ba đào"). Lại có người phê, tôi chẳng đề cập đến những cố gắng của chính quyền non trẻ miền Nam trong việc xây dựng một thể chế dân chủ tự do. Thưa rằng, những chính quyền này chưa gì đã mắc vào vòng "gia đình trị", sai lầm rất ấu trĩ với chuyện đàn áp Phật giáo, và nền đệ nhị Cộng hoà thì "ăn ảnh" với một vị lãnh đạo xuất thân từ một ông tướng có râu, đeo súng lục, hô "Bắc tiến" và lái máy bay trinh sát ra Bắc. Đến khi nửa triệu quân Mỹ và đồng minh ồ vào phía Nam vĩ tuyến 17 thì, ôi thôi, thể chế là chuyện hạ hồi, chiến tranh hẳn phải là chuyện ưu tiên. Tôi đề cập như vậy, chỉ thêm một lời phê phán chẳng mới lạ gì, liệu có cần không?

Bạn đọc miền Bắc thì kêu, vai trò quân Mỹ xâm lược không được khai triển đầy đủ. Xin thưa, có, nhưng tôi lập lại làm gì hàng trăm cuốn sách tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt...? Có bạn lại cần nhắc, phải phân biệt chiến tranh giải phóng Đế quốc, chiến tranh "chuyển nhượng" (by procuration) với một cuộc nội chiến. Vâng, điều này đúng: không có Mỹ và Tây Âu, miền Nam lấy gì để lao vào chiến tranh? Và không có khối những nước XHCN "anh em", miền Bắc lấy gì để đi giải phóng miền Nam? Nhưng sau khi Nixon "Việt Nam hóa" chiến tranh (Pignon thời Pháp từng làm), sau sự rạn nứt khó hàn gắn nêu lên trong cuộc chú 1 thời điểm "di cư" năm 54, thì dù vũ khí được chế tạo bất cứ đâu (Nga, Tiệp, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp...), người Việt Nam, và chỉ người Việt Nam thôi, cũng đã bắn vào nhau ở mặt trận Quảng Trị trước khi hiệp định Paris ký kết! Khốn thay, đây chẳng phải lần đầu. Từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh 5 thế kỷ trước, người Việt Nam đã chém giết lẫn nhau. Nội chiến thời chưa có Tên lửa, B52... tồn thất còn ít, nhưng ngày nay, khó mà tưởng tượng được nó sẽ thế nào. Cái ám ảnh nội chiến khiến tôi viết "Gió lửa".

Xin thú thật: ám ảnh đó tiếp tục với những biến cố trong chiến tranh Việt Nam vừa qua. Và ngay sau khi thiết lập lại hòa bình năm 75, có những thời điểm nền hòa bình đó khá mỏng mảnh!

Ba đào

Kinh viếng Nguyễn Hữu Đang

Qua hè, Hà Nội vẫn chưa hết ngỡ ngác với những trận gió đông, nhưng Bắc Kinh đã sang mùa. Mao vừa tung ra phong trào “ trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Sự việc hạ bệ Stalin độc đoán khiến cán cân công lý lệch về phía có tự do. Và nhất là phía pháp luật công minh, không thể cứ nhân danh chuyên chính vô sản để khép tội bất cứ ai, rồi đẩy đi đày ở những trại tập trung cải tạo. Cải Cách Ruộng Đất đợt năm chững lại. Gió đã căng, dây nơm ra. Mềm thì nắn, rắn phải buông. Khi cần, những kẻ nắm quyền lực nghĩ đến chuyện kéo cờ xuống trong tinh thần trường kỳ mai phục đợi thời cơ. Mềm đã nắn rồi, nắn khiến tiếng ca thán khắp nơi nổi lên. Cán bộ bị đánh trong chính đống gửi đơn về khiếu nại. Đấu tranh cho giai cấp nông dân mà nông dân nổi loạn thì sao? Rắn, phải buông thôi! Nguyễn Hữu Đang bảo, nhưng người buông thì ta nắm lấy cái cán cò ta có thể nắm được. Lê Đạt, thường trực báo Văn Nghệ, đồng ý. Báo phải hoàn toàn do tư nhân. Lo từ giấy in, mực in. Trần Thiệu Bảo chủ nhà in Minh Đức đứng ra đảm nhiệm. Khi làm công tác nội thành trước Tổng Khởi Nghĩa, Đang có nhiều quan hệ với đủ giới. Việc phải chạy, chạy được, không khó. Bông hoa Giai Phẩm Mùa Xuân nở lại vào đầu hè, mang phấn son tươi tắn sau một lần gió dập mưa sa, tỏa ra hương bí ẩn của thứ quá cấm đến tay. Người ta chuyền tay nhau Giai Phẩm Mùa Xuân xưa bị cấm đoán thu hồi. Nay, dân Thủ Đô đọc cho nhau nghe, “ ... tôi vẫn đi, không thấy phố, không thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ”.

Bắt đầu có những cuộc học tập về vấn đề dân chủ. Người ta đổi giọng, phê phán văn nghệ giáo điều, văn nghệ công thức. Nguyễn Hữu Đang đọc một bài tham luận về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Bài tham luận nẩy lửa. Lửa lém vào những con chữ khiến chúng nhảy múa, không co ro như khi còn gió mùa đông ủa vào các trang giấy. Sinh viên đại học rục rịch. Người thêm thờ quyền góp cả tiền mang đến nhà in tạo điều kiện cho trăm nhà đua tiếng. Tháng sáu, biến động ở Ba Lan, nơi gió xoay chiều hữu khuynh. Những người nắm quyền lực ở Hà Nội tức tốc tuyên bố hoàn thành Cải Cách Ruộng Đất. Nhưng nhận có sai, nên sẽ sửa sai. Hội Nghị X của Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam sẽ kiểm điểm những sai lầm của Cải Cách Ruộng Đất.

Từ một bụng mẹ, đứa em Giai Phẩm Mùa Xuân mang tên Giai Phẩm Mùa Thu số một ra đời, với cái tát choáng mặt của bài “ Phê bình lãnh đạo Văn Nghệ” ký tên Phan Khôi. Nguyễn Hữu Đang tập hợp được không chỉ văn nghệ sĩ mà còn những trí thức khoa bảng. Ngày 15 tháng 9, Nhân Văn số một ra đời. Phan Khôi là chủ nhiệm với một ban biên tập gồm Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm. Cầm viết “ Con người Trần Dần”, đòi tiến đến việc xét xử lại một vụ án Văn Học. Nguyễn Sáng, họa sĩ, vẽ một Trần Dần có vết sẹo ở cổ. Lê Đạt bồi vào “ Nhân câu chuyện những người tự tử”. Ngày 2 tháng 10, ban thường vụ Hội Văn Nghệ Việt Nam ra thông cáo thừa nhận sai lầm trong việc phê bình “ Nhất định thắng” của Trần Dần. Một tuần sau, Giai Phẩm Mùa Xuân tái bản. Rồi tuần sau đó, Giai Phẩm Mùa Thu số hai mở mắt chào bình minh một buổi sang mùa.

Cải Cách Ruộng Đất khiến nông dân ca thán, làng mạc khắp nơi âm ỉ thứ lửa chỉ một que diêm bật lên là thành đám cháy. Cán bộ ở cơ sở bị bắt bị giết trong Chính Đồn Tổ Chức kêu oan đến Trung Ương. Đảng họp Mặt Trận. Nguyễn Mạnh Tường đọc báo cáo trong Mặt Trận Tổ Quốc đề nghị một xã hội dựa trên cơ sở pháp trị, tòa án xử theo pháp lý chứ không chỉ đáp ứng nhu cầu chính trị thống soái nhân danh nền chuyên chính vô sản. Trần Đức Thảo bàn về khái niệm dân chủ xã hội, Đào Duy Anh trả lời phỏng vấn trên vấn đề mở rộng tự do và dân chủ...Đại Hội Trung ương lần thứ 10 họp trong một không khí hoảng loạn. Lửa còn âm ỉ, cứu là dội nước, và dội có liều lượng. Trường Chinh mất chức Tổng Bí Thư, nhưng thành chủ tịch Quốc Hội. Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương ra khỏi bộ Chính Trị, nhưng kẻ được chỉ định phụ trách Công Đoàn, người trở thành Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Ông Hồ giữ trách nhiệm

Tổng Bí Thư, và Lê Duẩn được cử làm Bí Thư thứ nhất trong bộ Chính Trị. Cuộc sắp đặt lại nhân sự hé mở những cánh cửa hứa hẹn chút nắng mới. Nắng chập chững đầu ô khi Võ Nguyên Giáp công khai nhận những sai lầm trước nhân dân vào tháng 10 năm 1956.

*

Nhận công tác báo chí và văn hóa ở Thành Ủy, Chính được phân một căn hộ khu Cửa Bắc. Chiều chiều, thả bộ quanh quần khu Ngũ Xã ven chợ Châu Long, Chính hồi tưởng lại những ngày chiến đấu giữ Thủ Đô mười năm trước. Số người xưa Chính quen biết nay tứ tán cũng nhiều. Có kẻ di cư vào Nam. Có người về quê quán vì sinh nhai trong thành phố nay mỗi ngày một khó. Nơi Chính hay sà vào là một cái quán trông ra hồ Trúc Bạch. Chủ quán là anh chị Thìn, con hai đứa, đứa lớn lên bảy, đứa nhỏ còn phải ẵm. Anh Thìn vốn là thợ mộc, xung vào tự vệ chiến đấu, sau tản cư thì về phục vụ một đơn vị địa phương trên Sơn Tây cho đến ngày hòa bình lập lại. Anh nhìn chị, vừa cười vừa kể :

- Em nói bác đừng cười, nhà em nó nhà quê nhà mùa, không đuổi thẳng Tây thì còn khuya mới được ra tỉnh. Ấy, em bị Tây càn, chạy dạt xuống từ Bát Bạt, du kích dẫn về ẩn vào những gia đình cơ sở, và thế là em gặp nhà em... Kể thì đúng có duyên có số cả. Tây đến càn nên phải giấu con gái, các cụ đẩy nhà em vào hầm bí mật, mà lại chỉ có mình em... hà hà...

Chị Thìn đỏ mặt, quay đi nói như dối :

- Ôi thôi, cứ mang ra kể mãi mà không biết xấu!

Cười hèn hèn, anh Thìn oang oang :

- Bác đây xưa chỉ huy chúng tớ, chứ có bạ ai lạ đâu mà sợ! Đấy, nhà em nó xuống là chui tọt ngay vào lòng em...

- Nói bậy! Cái hầm nó bé bằng tí...

- Ừ thì bé... Trên đầu giầy săng đá nó dận còm cộp, bác ạ! Lát sau thì yên, và thế là... Thế là về sau em có dịp lại thỉnh thoảng ghé về, cho đến khi... nhà em chữa thẳng bé đầu lòng. Em xin cưới, ông bà cụ bên nhà em thì phải cho đứt đi rồi. Nhưng đơn vị em kỷ luật em... Ôi chà, gớm lắm, cứ kiểm thảo đi kiểm thảo lại. Cuối cùng, em tự phê, em là con chó. Lại chó đói. Đói tình đấy... hà hà...

Chính không nhìn được, bật cười :

- Đói cho đến ngày hòa bình lập lại, rồi mới thêm được con bé đang ẵm kia, phải không?

Thìn gật, lại ê a :

- Dạ... nhưng chẳng suôn sẻ thế đâu! Phải xuất ngũ đã. Ông bà cụ bên nhà em có tí ruộng "thành phần" nên phải lên Hà Nội mua cái nhà này, đến "sửa sai" xong thì mới lại trở về quê! Đấy - nhìn vợ đang lờm mình, Thìn nheo mắt - em lấy vợ vất vả thế đấy, bác ạ!

Thìn lại cười, với điệu cày chằm đóm, rít sòng sọc. Qua làn khói xanh um, hồ Trúc Bạch chao đảo như say thuốc Lào chỉ chực ngã xuống. Chính chột buồn. Vất vả thế, nhưng Thìn có đôi có lứa, con cái ở bên. Còn mình, Huyền bây giờ xa lắc xa lơ. Con hai đứa, một theo mẹ. Đứa kia, phải ở với bà, bố đẻ ra mà không dám nhận con. Nghĩ đến đấy, Chính cảm thấy mình hèn hạ. Tham gia Cách Mạng hơn hai mươi lăm năm qua, có bao giờ mình chùn lòng trước khó khăn nguy hiểm đâu? Từ ngày đánh chiếm Nam Đàn tới khởi nghĩa Yên Bái, rồi thời gian hoạt động nội thành cho đến khi chiến đấu bảo vệ Thủ Đô, sau trong Kháng Chiến thì bôn ba hết chiến khu III đến chiến khu IV, mình nào sợ gì dẫu thực dân Pháp có quân đội, có súng ống? Thế mà bây giờ, phải nhận là mình sợ. Sợ gì chính mình không hẳn rõ, nhưng cái sợ làm mình co rút dần và nay biến ra một thứ ốc đảo. Cứ thế mình ngậm miệng, im lặng thành cách đối trá với đồng loại, riết rồi đối trá với cả chính mình lúc nào không hay.

Thìn lên tiếng mời ở lại dùng cơm. Từ chối, Chính đứng dậy kiếu vợ chồng Thìn. Chàng đạp xe trên con đê Yên Phụ, bỏ lại sau lưng Hà Nội, nhưng không sao dứt khỏi trí óc câu hỏi, này Chính ơi, sao mi lại hèn hạ đến thế? Mi sợ, nhưng sợ gì? Chính nhớ lời cha dặn ngày xưa "...nam nhi thì con ạ, uy vũ bất năng khuất. Làm việc nước phải dụng Trí, trên căn bản chữ Nhân, nhưng đừng quên chữ Dũng. Thiếu Dũng, sẽ chẳng thành người!". Đúng thế, cứ sợ, mi sẽ không thành người được.

*

Vũ Đình Huỳnh lấy tay nhấn mạnh vào bụng, mặt nhăn nhó, không nói gì. Đồng chí lái xe bóp còi rẽ sang phố Trần Hưng Đạo. Chiếc xe Jeep chở Vương Thừa Vũ đi thẳng. Vũ ngoái cổ, giơ tay vẫy, miệng nhếch lên cười. Huỳnh khẽ rên, nhưng kìm lại.

- Anh lên cơn đau bụng à? Chính hỏi

Huỳnh gật. Tưởng về thẳng nhà, bất ngờ Huỳnh nói đồng chí lái xe chạy thẳng lại Phủ Chủ tịch. Tay vẫn ôm bụng, Huỳnh bảo đợi, rồi bước thấp bước cao, chống gậy đi thẳng vào.

Khi ra, Huỳnh cau có, nét mặt không vui. Rủ Chính về ăn cơm tối, Huỳnh bảo, cậu độc thân đi đâu mà chẳng được. Bước vào nhà, Chính đã thấy Đặng Kim Giang và Nguyễn Hữu Đang.

Giang nắm cánh tay trái của Chính, vồn vã :

- Phục hồi được bao nhiêu phần trăm?

- Mười, mười lăm gì đó! Nếu tai qua mà nạn không tới may ra phục hồi được độ sáu mươi phần trăm!

Thấy mọi người ngạc nhiên nhìn mình, Chính giải thích :

- Ấy, tai là bom Tây, còn nạn là tôi bị một cậu đội trưởng đội Cải Cách xã quật cho một hèo...

- ???

- ...mình về quê, nghe là mẹ bị qui địa chủ. Nhưng vừa về đến nơi thì bị chộp ngay. Không muốn nói gì thêm, Chính nói lảng - chuyện tôi thì cũng giống chuyện Vương Thừa Vũ trưa nay, không có anh Huỳnh thì chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra!

Huỳnh kể, sáng nay tình cờ một cán bộ trẻ sở Văn Hóa từ Thanh Hóa về kể việc một chiếc xe Jeep bị dân quân chặn lại bắt, trói giật cánh khuỷu một thiếu tướng mặc quân phục lẫn đồng chí lái xe và đồng chí hậu cần. Anh cán bộ này vốn là Tự Vệ Thành ngày xưa, nhận ra Vương Thừa Vũ, vội báo cho Chính. Hoảng hốt, Chính lập tức điện thoại cho Huỳnh, người trách nhiệm Đại Đoàn Cải Cách ven đô. Thế là hai người đi thẳng ra Hà Đông, "giải cứu" cho vị tướng vừa được phong là Anh hùng Quân Đội sau chiến dịch Điện Biên Phủ. Huỳnh tiếp :

- Trăm chuyện thì cũng vì cái nghị quyết chỉnh đốn tổ chức. Nhân đó, lộng lên cứ muốn làm gì thì làm. Mặt lại nhăn, Huỳnh tiếp - mình vào gặp Ông Cự, hỏi người ta đang giết đồng chí mình mà Bác ngồi yên được sao?

Đang chen vào :

- Thế Ông Cự nói thế nào?

Không đáp câu hỏi, Huỳnh bực bội :

- Nói thì chỉnh đốn tổ chức cấp Xã, sau leo lên Huyện và không cản lại ngay thì rồi sẽ Tỉnh, sẽ Trung Ương...

Giọng mỉa mai, Đang dậm ngang :

- Thì Ông Cự bảo, tổ chức cũ là tổ kén không nên dựa vào mà!

Giang vẫn ở trong quân đội, nay đã thăng Thiếu Tướng, từ tốn :

- Quả là sau Tổng Khởi nghĩa chỉ độ hai ba tháng, khi những Ủy Ban hành chính thường là những người đã được vận động đi đánh cướp kho gạo của Nhật thì ... khó kiểm soát thật. Dân nhiều nơi bị các vị này sách nhiễu, từng ca thán...

- Anh đúng nếu đó là tình hình cuối năm 45, đầu 46. Khi Kháng Chiến Toàn Quốc năm 47, ta rút vào bí mật. Ở những vùng tề - ngụy thì đám lao đao "dinh tề" nhiều, chỉ cán bộ trung kiên mới trụ lại. Đó là cái bây giờ người ta gọi là "tổ chức cũ"!

Đang chép miệng, tiếp :

- Tôi không nói ai cũng tốt, nhưng cứ đổ đồng ra mà đánh toàn bộ thì không tránh được đánh oan. Rồi chẳng biết thế nào mà hô chủ trương "sai còn hơn sót"! Nhưng tránh sót một, mà sai thì sai bao nhiêu? Nhất là những kẻ được đi đánh đều là loại mới kết nạp. Các anh biết đấy, rẽ rồi chuỗi ở nông thôn bây giờ là đại đa số đảng viên. Có nơi thi đua đấu tố kết hợp với "thi đua kết nạp". Địa chủ, phải "nóng" lên cho đủ năm phần trăm, thì kết nạp tất cũng năm phần trăm đảng viên. Có vùng những kẻ "lên" đảng làm lễ tạ ơn gia tiên, bắt cả làng đóng góp liên hoan, mổ trâu mổ lợn...

Huỳnh lại nhăn mặt, tay chặn vào bụng. Chị Huỳnh nhỏ nhẹ hỏi chồng :

- Lại đau à! Anh uống thuốc không?

Lắc đầu, Huỳnh xoa tay, gượng cười, nói với bạn bè :

- Cái gan tôi ấy mà! Nó hành từ cả tháng nay...

Đang châm chọc :

- A cái thòi gan không còn, mặt cũng mất!

- Anh là chúa khiêu khích. Coi chừng, Huỳnh lại cười, có kẻ gọi anh là *agent provocateur* đi khiêu khích đấy!

Thật thà, Giang dặn :

- Ủ... anh Huỳnh không nói đùa đâu. Khéo mà vạ miệng!

Bấy giờ, nhìn đám đồng chí xưa đã hoạt động nội thành thời cướp chính quyền, Đang nghiêm trang :

- Sắp tới, anh em trong báo Văn Nghệ nơi tôi công tác xì xào là cũng sẽ có đấu tố. Hiện, đã bí mật "diễn tập" từ khi thu hồi Giai Phẩm Mùa Xuân. Anh Chính nay về sở Văn Hóa, anh có biết gì hơn không?

Chính cẩn thận :

- Tôi cũng nghe, nhưng chuyện đấu tố thì chưa! Tôi biết, Trung Ương bảo phải uốn nắn, thế thôi... Quay qua Huỳnh và Giang, Chính hỏi, các anh đọc Giai Phẩm Mùa Xuân chưa?

Giang gật, lo lắng :

- Đấu tố là đấu tố thế nào? Có phải Cải Cách Ruộng Đất đâu...

- Thì Cải Cách cái đầu. Đầu bùn có khác gì ruộng đất - Đang lại dậm ngang - Các anh biết chuyện Hồ Phong bên Trung Quốc năm ngoái chứ?

Huỳnh lắc đầu.

- Hồ Phong công khai tự phê. Mấy tháng sau, bị bắt đi lao cải...

Chị Huỳnh trước cùng hoạt động với chồng, nay công tác phụ nữ, xen vào, giọng có chút trách móc :

- Thôi, các anh ơi... Một đồn mười, mười đồn trăm, là rồi cứ rối tinh lên. Mới tiếp quản có già một năm, chấp chừng là đương nhiên, sai đâu sửa đấy!

Chính bật cười :

- Nhưng chị ạ, dân người ta có câu hỏi, sai **đấy** sửa đâu, thì trả lời thế nào hả chị!

*

Ba ngày trước, Đang giúi vào tay Chính một sấp giấy pơ-luya, dặn, cậu đọc đi rồi cho tôi ý kiến, tôi sẽ ghé nhà cậu. Truyện kể Kim Bông, một con ngựa chiến về già kéo xe trong phủ Chúa, tủi phận tôi đòi, xin ra chạy thi với những con ngựa non, đứt ruột mà chết trong cái thế "cao đầu phong vĩ". Chính đọc xong, ngỡ ngàng một buổi, đi đến đâu cũng như Kim Bông, nhìn "những cảnh vật trước mắt đều nhỏ lại, và trắng tấp", và "...cây cỏ, núi đồi cho đến màu gời xanh cũng chỉ là một đường thẳng".

Khi có tiếng gọi cửa, Chính ra mở, ngạc nhiên khi thấy Phùng Cung cười, sau lưng là Đang vừa dựng xe đạp vào vách nhà vừa nói :

- Có chuyện gấp, phải đến cậu ngay!

Nhớ những ngày hoạt động nội thành trước Tổng Khởi Nghĩa, Chính đón hai người vào nhà, giọng bỗ bã :

- Anh thì có lúc nào mà chuyện không gấp!

Chưa ngồi xuống, Đang hỏi :

- Cậu đọc truyện của Cung chưa?

Gật đầu, Chính nhìn Cung. Rót nước trà từ phích vào hai cái tách, Chính chậm rãi :

- Hôm nay tiếp đến hai con Kim Bông, tôi sợ cứ một đường chạy thẳng thì chưa đứt ruột mà đã đâm đầu xuống vực!

Cung ngược nhìn, mắt ánh lên vẻ thách thức. Đang trầm giọng :

- Nhân Văn số tới định đăng "Con ngựa già của chúa Trịnh" đấy. Nhìn Cung, Đang hắng giọng, truyện đầu tay của anh chàng này... cậu thấy thế nào?

Không trả lời ngay, Chính hồi tưởng lại những cuộc họp trong ban văn hóa-báo chí của Thành Ủy. Từ ngày Hồ Chí Minh giữ trách nhiệm Tổng Bí Thư, không khí có cởi mở hơn, nhưng trong nội bộ đã có những va chạm giữa những người lãnh đạo. Khi chuyện Hiệp Thương và Tổng Tuyển Cử để thống nhất Bắc-Nam vỡ ra như bong bóng, đám chủ trương cải cách ôn hòa mất dần thế đứng. Trong bối cảnh xe tăng Liên Xô vào Budapest để bảo vệ xã hội chủ nghĩa sau những biến động chính trị gây ra từ bản báo cáo về tệ sùng bái cái nhân Stalin của Krút-Sốp, phe tả khuynh ở Hà Nội tăng áp lực chống "thỏa hiệp giai cấp" trong một xã hội có hơi hướng cải cách tư bản chủ nghĩa. Khâu tư tưởng trở nên then chốt, và báo chí thành tuyến lửa giữa hai khuynh hướng hữu - tả. Chính biết, gió đã lên và đang đổi chiều, con diều nào bay càng cao thì chắc sẽ rơi càng nhanh. Phùng Cung lại ngước nhìn, mắt hấp háy, miệng mím lại :

- Anh thấy thế nào ?

Chính ngần ngừ :

- Câu hỏi là hỏi một cá nhân tôi, hay là hỏi một cán bộ Thành? Không đợi Cung đáp, Chính tiếp

- Nếu là cá nhân, thì tôi rất thích cái ngụ ngôn tân thời này vì có thể chia xẻ đôi điều...

Cung cắt ngang :

- Còn như một cán bộ?

Chính chậm rãi :

- Trước Tổng Khởi Nghĩa, tôi làm công tác báo chí của Đảng trong nội thành, cũng như anh Đàng. Nhìn Đàng, Chính tiếp, và chúng tôi dặn nhau, phải hết sức cẩn thận, không để Tây nó bắt, tránh lộ diện khi chưa chắc nắm được phần thắng.

Đàng giơ tay chặn :

- Đúng, nhưng đây là với địch. Bây giờ, chỉ có ta...

- Ta thì có ta thế này, ta thế kia! Chính ngần ngừ, nhẹ giọng.

- ...

- Nhưng vẫn là ta với nhau, Chính nói vớt, như tự bào chữa.

Cung bực bội :

- Chịu anh! Ta với nhau cả với bọn "mạ" Đảng để vinh thân à ! Chúng nó chỉ bề ngoài, cạo ra là thấy bản chất một bọn kèn mạ bạc, bọn vong nô cho quyền lực !

Chính xen vào, giọng khẩn khoản :

- Nhưng quyền lực thì là sắt, mạ mặt ngoài thế nào thì mạ nhưng trong vẫn cứ là sắt. Gần đây, "người ta" bảo các đồng chí tập kết đòi về giải phóng miền Nam, hô lên thống nhất đất nước là nhiệm vụ hàng đầu. Chính Ông Cự cũng phải lùi...

Đàng thờ ra :

- Với cái khẩu hiệu giải phóng miền Nam đó thì Lê Duẩn nhắm củng cố quyền lực. Nó lại hợp với khẩu vị đám Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hồ Viết Thắng. Quay sang Chính, Đàng hỏi - còn Lê Văn Lương? Lương nay thế nào?

Chính bật cười, ngao ngán :

- Lương thì trước sao, sau vậy! Nhưng này...Chính tiếp, chuyện đó có gì là gấp như anh nói hồi nãy nào...

- Hừm, mới đây thấy ông ấy ôm hôn mấy đồng chí Liên Xô sang thăm hữu nghị ta. Cung trề môi hóm hỉnh - mấy đồng chí trông cũng béo tốt có kém gì Tây "đoan" ngày xưa đâu!

Chính ngắt :

- Thôi bây giờ các anh đến thật ra là có việc gì?

Đàng xoa tay :

- Nhân Văn nhờ cậu tìm cho ít giấy để in báo số tới. Bây giờ, bị chặn khắp nẻo, anh Bảo nhà in Minh Đức nay chịu không tìm đâu ra giấy. Vì thế, tôi mới nghĩ đến việc nhờ cậu!

Chính nhăn mặt. Từ hai tháng nay, cơ quan chàng được chỉ đạo phải thu mua giấy trên thị trường, và kiểm soát bằng cách phân phối trực tiếp, có cân đong cẩn thận. Nghe Chính kể thế, Cung buột miệng :

- Báo chí tự do, nhưng giấy in báo thì kiểm soát. Thật là quá thời Tây ngày xưa! Thì ra chống Stalin là chống cái mồm thôi... Mồm nói một đàng, tay làm một nẻo!

- Thế anh có giúp được không? Đang gặng

Lắc đầu, Chính lạnh lùng đáp :

- Không! Tôi không thể làm vậy. Tôi có trách nhiệm...

Đang bật dậy :

- Trách nhiệm, hừ! Trách nhiệm bây giờ là chống bọn Stalinít... Anh sợ thì có! Dấn thân đi Cách Mạng một phần tư thế kỷ, anh không sợ... Sao bây giờ lại thế!

Chính nhần nha :

- Anh nói đúng! Tôi sợ. Sợ thật!

- Anh sợ cái gì? Anh sợ ai?

Chính nhìn xuống chân, nhỏ nhẹ :

- Tôi sợ chúng ta. Tôi cũng xin các anh đừng lao xuống vực. Tôi nhắc, như ngày kháng chiến chống Pháp trong nội thành, phải cẩn thận. Với địch, cái thế sống - chết dễ. Với ta, khó và phức tạp hơn nhiều. Chuyện Chính Đồn Tổ Chức vừa xảy ra, các anh nhớ hộ cho ...

Đang kéo Cung đứng lên, sáng :

- Thôi mình đi về! Mất thì giờ vô ích...

- Quên, nói để các anh biết. Chúng tôi đang học đường lối, và bên Tuyên Huấn mang cái phát biểu của anh Nguyễn Mạnh Tường ở Mặt Trận Tổ Quốc tháng mười một năm ngoái, phê là điển hình của tổ chức xã hội lai căng theo chủ nghĩa tư bản Tây phương. Tháng vừa rồi, ngày nào tôi cũng nghe rằng tư bản đang giãy chết. Và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thì dân chủ gấp trăm lần cái nền dân chủ hình thức bên Mỹ, Anh, Pháp...

Quay sang Cung, Chính hạ giọng :

- ... còn với anh, một nhà văn, thì đừng sợ tác phẩm mình sẽ mai một. Tác phẩm phải viết, cứ viết. Viết rồi, tác phẩm sẽ mang thân phận của nó. Và kéo theo phía sau định mệnh của nhà văn như một hệ quả!

*

Hữu Loan tay xách chai rượu, tay kia mở cửa, cất tiếng gọi. Chính choàng dậy. Trời đã chập choạng tối, gió thốc cái lạnh cuối thu ùa vào. Mở chạn, Loan tìm hai cái ly nhỏ, miệng cười :

- Nào, dậy làm một ly. "Anh ơi ly rượu nhỏ. Rượu nhỏ một ly thôi. Uống lên cho đỡ mặt. Cho lên hương cuộc đời..."

Chính bỡ ngỡ :

- Có chuyện gì vui mà rượu thế?

- Nhân Văn số mới ra rồi. Được lắm! Cậu có biết anh chàng Phùng Cung là ai không? Viết rất ghê...

Chính gạt gù, tay đỡ ly rượu đưa lên môi, đáp :

- Có... mà này, nghe đâu Đại Sứ Ba Lan phàn nàn bài nhận định của Nhân Văn với bên Ngoại Giao. Vừa rồi, những biến cố ở Hung Gia Lợi làm cho "ta" bị động. Trên Ban Bí Thư Đảng đang bàn, và chỉ ngày một ngày hai là sẽ có Sắc lệnh về chế độ báo chí.

- Sắc lệnh thế nào?

- Một trong những vấn đề gai góc là chế độ kiểm duyệt thông tin và báo chí tư nhân. Trong bối cảnh quốc tế đang dao động, và trước cái khả năng không thể thống nhất đất nước qua Tổng Tuyển Cử theo Hiệp Định Genève, ta phải coi mục đích giữ chính quyền hiện nay như giữ con người trong mắt...

- Ồ! Nhất là sau Cải Cách Ruộng Đất... Nay có những kẻ bất mãn hô giống kiêu Hoàng Cầm hay Trần Dần, cứ túm lấy lưng quần phục xuống mà đánh vào Đảng! Loan trầm ngâm - Thế là cứ rối tinh lên. Đám sinh viên vừa ra từ Đất Mới, cậu đã đọc chưa ?

Chính gạt, rồi trầm ngâm :

- Nếu động chạm mạnh, sẽ gặp phản ứng gay gắt. Cậu viết lách gì cũng nên cẩn thận. Tuyên Huấn - Tuyên Giáo đang sửa soạn đối phó đấy! Họ còn bị cái "trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng" kìm chân kìm tay, đợi xem bên Trung Quốc tình hình diễn biến thế nào rồi mới phản ứng.

Hai người rủ nhau ra ngoài đi ăn. Chính đưa Loan đến chỗ phở gánh chợ Châu Long ngon có tiếng. Ăn xong, cả hai đến quán nước anh Thìn. Vừa thấy Chính, anh vồn vã :

- Chào bác! Mời hai bác vào xơi nước...

Kéo tay Chính, Thìn tiếp :

- Cái nhà bác người thấp thấp đấy, đến lấy rồi. Móc túi lấy một tờ giấy đưa vào tay Chính, anh xởi lởi - biên lai đấy, bác xem!

Liếc qua, Chính nhét nhanh mảnh giấy vào túi quần, cười như không có chuyện gì. Loan nhăn mặt, nhìn ra chỗ khác. Vừa ngồi xuống, một cụ già ở phía sau hiện ra. Cụ chào, rồi kéo chiếc điều cày, tay nhồi thuốc vào nõ, Thìn vừa rót nước, vừa nói :

- Đây là ông cụ thân sinh nhà em. Ông bà nay lại về ở với chúng em.

Chính ngạc nhiên :

- Sao độ trước anh nói các cụ về quê mà!

Ông cụ thở khói thuốc, khẽ ngật cổ, ề à :

- Dạ đúng! Chúng tôi về quê xin lại nhà, lại đất. Ủy Ban Xã bảo chờ, hãy tạm trú tại nhà ông anh họ. Chờ cả mấy tháng, nhưng nhà đất chúng tôi thì có người chiếm mất rồi. Không thể đuổi họ được, họ thành phần cơ bản cả, lại có con là liệt sĩ!

Loan nhướng mắt :

- Nhưng đã có lệnh sửa sai cơ mà!

- Dạ vâng! Có sai, có sửa. Nhưng mà trên Ủy Ban Xã chỗ chúng tôi, họ bảo sửa rồi lại sai, thì sửa mãi à...Thế là phải có kế hoạch. Mà các ông biết đấy, kế hoạch thì phải thông qua các ngành, các đơn vị, rồi quần chúng. Thôi thì, tôi bàn với nhà tôi, lên Hà Nội với các cháu vậy. Lên đến đây, xin nhập hộ khẩu lại không được. Nhà này chúng tôi mua, khi đi có lên Ủy Ban hành chính Quận làm giấy nhượng lại cho vợ chồng nhà Thìn đây, nhưng cho đến bây giờ giấy tờ cũng chưa xong...

Anh Thìn xen vào :

- Vợ chồng em cũng vẫn chưa có hộ khẩu các bác ạ! Nhưng mà các đồng chí trên Ủy Ban bảo, cứ yên tâm. Em lại xin mở cái xưởng mộc sau nhà để sản xuất, được động viên tích cực, không lo...

Thìn hềnh hếch cười, tiếp :

- Hai bác xem cái bàn làm việc em đang đóng để mừng thượng thọ Bác Hồ. Các anh trên Ủy Ban thích lắm! Kéo tay Chính và Loan, Thìn đưa - đóng xong bàn là có hộ khẩu cho cả nhà...

Mời các bác xem!

Thìn đi trước, tay cầm đèn măng-xông, miệng sục sọt :

- Gỗ gụ quý lắm, lại không dùng đến một cái đinh nào, chỉ đục chân mộng với tua mà vững như bàn thạch!

Tay chỉ, Thìn nghiêm trang :

- Bác xem cái mặt bàn đây, chỉ một nước bào cuối là nổi mặt lưa. Gỗ có hồn của gỗ, hai bác ạ! Em định ghép một hàng chữ mừng Bác Hồ, nhưng chẳng học hành được bao nhiêu, nên xin hai bác cho ít chữ... Xưa em học nghề với thầy em, cũng có khi phải giát chữ, nhưng toàn là khẩu hiệu phong kiến, như Công Thành Danh Toại. Giờ thì khác, các bác cho cái chữ gì nó Cách Mạng cơ! Em nghĩ, ý người nhưng lòng gỗ. Gụ là thứ gỗ bền vững nghìn năm, như đá như vàng. Ý với lòng phải đi với nhau mới được!

Loan buột miệng :

- Thì cứ Cần - Kiệm - Liêm - Chính

Thình lình, quay sang Chính, Loan hỏi giọng lạnh lùng :

- Này, giấy ký nhận gì đấy? Việc công hay việc tư?

Chính giật mình. Chết chưa, đến một người như Loan đã là bạn mình trên dưới ba mươi năm không hiểu sao nay giọng cũng đầy ngờ vực. Chỉ hai năm sau hòa bình lập lại, chuyện gì đã xảy ra trong cái xã hội đang còn chênh vênh này? Nghiến răng, Chính lôi mảnh giấy ra. Dưới ánh đèn, Loan đọc "Đã nhận" và ký MĐ. Trước ánh mắt dò hỏi của Loan, Chính nói nhỏ :

- MĐ là Minh Đức. Nhờ thế mà cậu mới đọc Phùng Cung và mang rượu đến uống với mình đấy!

Khi bước khỏi quán nước, Chính buồn bã :

- Không có cậu thì chắc tôi đã xanh mòm ở Bù Chu ba năm trước rồi. Nhưng có những chuyện nói ra chỉ thêm phiền cho người nghe, chứ chẳng phải tôi không tin cậu đâu. Mới đây, ta là ta, địch là địch. Bây giờ, ta với địch như xôi với đậu. Nói riêng với cậu là Ủy Ban hành chính Thành Phố đã làm việc với Đàng và Lê Đạt. Họ kết Đàng cái tội kêu gọi biểu tình, có ý phá hoại chính trị, và chỉ đợi sắc lệnh báo chí ra là đình bản tờ Nhân Văn.

Loan vỗ vai Chính, như để xin lỗi. Chàng nghĩ đến tiền đồ và ngừng lên nhìn vào màn đêm đặc sệt.

Hà Nội năm nay chỉ rét đủ để nhắc mùa Đông thành linh đổ một cơn mưa phùn. Mưa ngày qua ngày, đêm qua đêm, rỉ rả, dai dẳng, chẳng khác trận khóc hờn một đứa trẻ đợi mẹ. Về đêm, những ngọn đèn đường lờ mờ ẩm ướt. Góc phố Trần Hưng Đạo, tường nhà Hỏa Lò dài ra heo hút, nhìn càng lạnh lùng, càng li lợm. Hàng cây từa lên những cái cành cụt màu nâu, đóm lá còn ngắc ngoải giải những chấm xanh loang lổ trên những mái nhà khắp khểnh cao thấp. Chính quyết định không về ăn Tết với con ở Kiến Thụy như năm ngoái. Chàng cảm thấy mình bị rình rập, nhất là sau khi đến chứng kiến cái chết của người đàn bà tên Xuân. Hữu Loan cũng không về quê. Vừa "đi học" về, Loan có vẻ chưa "đã thông", hay cáu bẳn gắt gỏng. Đến nhà, Loan rủ Chính ra ngoài, giọng cay sè, bảo là đi du xuân. Cả hai đến vườn hoa Chí Linh. Có đào, có cúc, trông ra cũng Tết nhất nhưng đạm bạc. Loan dẫu túng vẫn nhất định mua một cành đào đốt gốc, nụ dăm cái đã bắt đầu chúm chím nở. Quay về đến nhà, mới biết không có bình để mà cắm. "...Thôi, Chính cười, mang lại quán nhà Thìn!"

Quán xá vẫn vậy. Chiếc bàn mộc với ba bốn cái ghế đẩu. Ngọn đèn hoa kỳ bắc rút nhỏ, dăm cái đóm, điều cây và hộp thuốc lào để cạnh lọ kẹo lạc. Kẹo là dành cho ngày Tết, chứ thường ra chỉ có nước chè suông. Chị Thìn lễ mễ ôm cành hoa cắm vào một cái bình con, miệng cười :

- Cám ơn hai bác. Nhà em nay lo xưởng mộc, em thì lo cái quán.

- Các cụ đâu? Chính hỏi.

- Thầy bu em ở đằng sau nhà. Đạo này các cụ yếu lắm, lại phiền muộn, chẳng muốn gặp ai?

- Có chuyện gì mà phiền muộn? Loan hỏi.

- Ấy... chị Thìn đáp, giọng uể oải - vẫn cái hộ khẩu. Thầy bu em lên đây thì trên Ủy Ban hành chính Phường họ bảo đã về quê, phải có giấy Ủy Ban Xã cho phép mới được lên thành phố. Còn gia đình chúng em đến nay vẫn chưa có giấy sang nhượng căn hộ này, nên cũng không có hộ khẩu. Các bác biết, căn vườn đằng sau lại dùng làm xưởng mộc của hợp tác xã nên trên Ủy Ban họ lằng nhằng, bảo chưa có chính sách phân chia cái gì là của công, cái gì là của tư, nên lại càng rắc rối. Nhất là đang cải tạo công thương nghiệp, chẳng ai dám quyết định một cái gì cả...

Chính thờ ra, tần ngần nhìn. Anh Thìn nghe tiếng vợ ới, chạy lên. Thấy Chính, Thìn đơn đả :

- Gớm, mãi giờ mới thấy hai bác. Năm mới, em chúc gì các bác đây?

Nhếch mép, Loan cười gượng :

- Thì ta cứ chúc cho mưa thuận gió hòa và cải tạo thắng lợi?

Thìn ngập ngừng :

- Ấy, cải tạo thì... gay go lắm! Cứ lấy điển hình chỗ em...

Trước ánh mắt dò hỏi, Thìn kể, tổ hợp tác xưởng mộc rất phức tạp. Đi vào công nghiệp "hiện đại", là có phân công và có hạch toán do phòng Kinh Tế của Phường đưa xuống trợ giúp anh em công nhân. Ngày trước, tổ sản xuất bàn, ghế, giường tủ đều là những thành phẩm cần có tay nghề. Học được từ cha mình là Phó Lãm, Thìn chăm chút từ cái mộc, cái thứ gỗ, và theo truyền thống, ngâm rồi phơi gỗ thế nào rồi mới xẻ, cắt, uốn, lên khung, đóng cạnh, vào khớp và theo yêu cầu phải trạm, phải trổ. Công nhiều, và nay chia công thì phải đánh giá mỗi công để trả thợ. Chuyện thêm phức tạp ở chỗ thợ so đo, tranh nhau làm những việc dễ, làm sao không tốn thời giờ. Thế là thôi, dùng đinh thay mộc cho nhanh. Gỗ không cần ngâm, cứ thế mà làm, sau có cong có nẻ cũng mặc. Rồi tranh nhau việc làm chân bàn, chân giường. Còn cái mặt bàn

hay cái thành giường, người mua thường nhìn nhõi, cần phải cẩn thận, phải có thẩm mỹ, công nhiều nên ai cũng tránh, hạ giá “bình bầu” xuống cho rẻ... Chưa hết, hạch toán mới ghê. Thợ nghe hai chữ khấu hao, không hiểu gì. Mãi mới biết, khấu hao là tiền để tái đầu tư thiết bị, nghĩa là mua dụng cụ như cưa, xẻ, búa... Tiền khấu hao, tính vào giá thành sản vật. Giá thành này là giá công lao động, cộng giá vật liệu do ty Kinh Tế cung cấp, rồi cộng cả tiền đảm phụ xây dựng xã hội... Kết cục, thợ cố ý phá thiết bị sản xuất cho hỏng nhằm nâng khấu hao lên, phân bổ công thế nào để làm ít ăn nhiều. Sản vật không chất lượng mà giá thành hạch toán cao, bán không được, nên từ từ thu nhập giảm dần cả năm nay...

Thìn thờ dài :

- Công việc càng khó, thì càng cãi cọ xích mích, chỉ khổ cái thân em là tổ trưởng! Bây giờ tổ sản xuất chỉ làm quan tài, bán ở hàng Hòm... Em xin đóng cửa hợp tác, nhưng “trên” không cho, kêu là kinh tế xã hội chủ nghĩa nay có kế hoạch, không cứ đóng, mở tùy tiện được! Giọng ngao ngán, Thìn tiếp - hai bác chúc cải tạo thắng lợi, em xin cảm ơn, nhưng chẳng biết chỗ em thắng lợi nó là cái gì!

Chị Thìn xen vào :

- Làm ăn thế nên hục hặc, rồi rượu, hai bác ạ! Năm mới hai bác chúc nhà em bớt uống đi cho em nhờ. Cứ rượu vào, lời ra, họa lúc nào chẳng biết. Say là nhà em chửi vung tí mẹt lên! Đã lên công an rồi đấy!

Anh Thìn ngưng ngưng, nạt :

- Người ta lên công an là chuyện khác... Nhìn Chính, Thìn hạ giọng - Nhà em nói mới nhớ ra, phải nói với bác. Tuần trước, công an họ hỏi em, có biết ai là Minh Đức không? Em bảo không. Họ lại bảo, ông ta làm nhà in, ăn cắp giấy và khai là đến lấy ở nhà em. Em nhận là từ năm ngoái có trao cho một người hai cái bao tải, nhưng chẳng biết là gì trong đó. Em chỉ đòi giấy ký nhận vì là người quen nhờ, thế thôi...

Chính thót bụng, cổ trầm tĩnh :

- Thế họ có hỏi người quen là ai không?

- Có chứ!

- ...

- Em chưa nói gì thì họ nói ngay tên bác, em đành gật đầu!

Chết điếng đi, cổ họng Chính tắc lại. Nỗi sợ ập đến khiến Chính như tê liệt, đầu bồng thành một khoảng trống không có chỗ nương tựa, lơ lửng, kinh hoàng. Loan làm như không có chuyện gì, vỗ vai Thìn :

- Úi giào... mà công an ở đâu? Phường hay Quận?

- Em lên trụ sở cơ quan gì ở căn nhà to lắm trên phố Trần Bình Trọng cơ, không biết có phải là quận không?

Thìn không biết thật nhưng cả Loan và Chính đều hiểu cơ quan đó là Bộ Nội Vụ.

*

Lớp học Thái Hà, gần mộ Hoàng Cao Khải. Cái hồn ma tên bán nước đã đầu hàng thực dân Pháp ở đâu về ám ảnh nhắc nhở răn đe những kẻ phản bội. Tất cả ba trăm lẻ bốn người, đảng viên và quần chúng tốt. Những Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Thụy An, Trần Duy... không được gọi đi học. Án gần như đã kết, dẫu chưa có người xét xử.

Học viên chia thành tổ. Sáng, họp tất cả. Đầu tiên, nghiên cứu những văn kiện. Nhiệm vụ là phát hiện những gì đi ngược lại thời kỳ quá độ chủ nghĩa tư bản để tiến lên chủ nghĩa xã hội từ ngày hòa bình lập lại. Phát hiện rồi tự kiểm thảo. Cứ thế, một tháng ròn họp tổ, từ sáng đến chiều, từ chiều đến tối. Vẫn chưa thông. Chưa thành khẩn. Lại phát hiện. Lại kiểm thảo. Cứ thế, vòng vèo như một cuộn chỉ rối, lộn lẹo, đảo ngược từng tế bào cân não. Từ cuộc đời riêng mỗi người cho đến cả nền văn học chung, phải triệt tiêu những ung nhọt đang ngấp nghé khai sinh. Trong ba năm qua, anh đã đứng ở đâu, ủng hộ ai và phản đối cái gì? Đồng chí chỉ đạo Học vụ giơ tay thét, phải kiên quyết phát hiện cái sai để sửa. Đảng cho ta cái ân huệ này, cơ hội trong tầm tay mà không làm thì đời đời kiếp kiếp thành kẻ phản dân hại nước... Thế là :

Phát hiện : Tôi thấy Lê Đạt, mỗi lần đi vệ sinh, đều xé báo Nhân Dân ra chùi!

Lê Đạt : chẳng nhẽ chùi bằng tay ư?

Đả đảo, đả đảo... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh)

Phát hiện : Lê Đạt miệng nói hời hởi, nhưng đêm, bên cạnh tôi còn trần trọc nghĩ đến những cái tội ấy thì hần đã ngáy o o !

Đả đảo, đả đảo...

Học ủy : Xin báo một tin cho tất cả các đồng chí. Học ủy kịp thời phát hiện và ngăn chặn được việc đồng chí Tám Danh, tập kết, đã vác búa đi tìm Lê Đạt và những kẻ viết lách tác động xấu lên công cuộc thống nhất đất nước chúng ta. Chúng ta hiểu động cơ của đồng chí Danh, nhưng cũng nhấn mạnh rằng giữa chúng ta, đả thông là phương pháp, chưa đến nỗi phải dùng " bạo lực Cách Mạng".

Hoan hô... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh)

Hoàng Cầm run rẩy, mặt tái đi. Phùng Cung giơ tay, dùng ngôn ngữ Cải Cách Ruộng Đất, giọng lạnh như tiền :

- Tôi xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo đã "giải phóng" nỗi sợ "cao độ" của tôi dựa trên một cái " vấn đề cơ sở" là tình yêu thương giai cấp...

Hội trường ngỡ ngác, không biết hoan hô hay đả đảo cái lối xỏ xiên không che đậy ấy. Giờ nghĩ giải lao, Trần Dần thì vào tai Cung :

- Chết vì vạ mồm đấy!

Cung lắc đầu, nói cho mọi người nghe thấy :

- Nhục bỏ mẹ!

Lại phát hiện : Hoàng Cầm đi *pum*, tức là hút thuốc phiện. Lấy "cô hàng xóm răng đen" tên Xuyên trong kháng chiến, về Hà Nội là đòi bỏ, hiện gian díu với một người đàn bà có chồng. Thật là bất chính! Đúng quân đòi trụ! Có hay không?

Hoàng Cầm (cúi đầu) : có...

Đả đảo, đả đảo.

Hoàng Cầm (lí nhí) :

- Nhưng tôi yêu thành thực...

- A, cái tình yêu của chủ nghĩa Tư Bản lãng nhãng, không có tính giai cấp, không xây dựng, làm như nhuốc bưóc quá độ của "chúng ta" lên xã hội chủ nghĩa...

Hoan hô, hoan hô... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh).

Trần Lê Văn khều Quang Dũng nói nhỏ :

- Tình yêu có tính giai cấp liệu cho phép ngủ với nhau không?

Dũng không đáp, quay sang Hữu Loan, đùa đọc câu thơ :

- Hay chỉ " yêu nàng như tình yêu em gái"...

Loan buông giọng, như than :

- Cái bài này dân Thanh - Nghệ hàng năm mang ra hát xẩm xin ăn vào những lúc đói, các cậu ạ!

Có tiếng sục sục. Hoàng Cầm ủ rũ :

- Tôi chót yêu mất rồi...

Đả đảo, đả đảo... (quần chúng văn nghệ sĩ hô, rồi cười hô hố)

Phát hiện : trong bài thơ Nhất Định Thắng, chữ Người viết hoa, có phải Trần Dần ám chỉ Người đây là bác Hồ kính yêu của chúng ta không?

Trần Dần :

- ...thưa các đồng chí, chữ Người viết hoa chỉ con người hiểu ở cái nghĩa đích thực...

- Ngoan có! Nếu thế thì tại sao : *Người quên mất Mỹ là sư tử giấy!* Người như thế, phải là người lãnh đạo chính trị, mới phát ngôn về Đế Quốc Mỹ và biết đồng chí Mao Trạch Đông chỉ coi nó là con sư tử giấy. Như vậy, Trần Dần dùng thủ pháp ám chỉ, rồi dạy dỗ bác Hồ *Người chưa có dạ lim tim sắt. Người mở to đôi mắt mà trông!*

Phùng Quán giơ tay, đứng lên :

- Bây giờ có Bác rồi, chữ Người đừng bao giờ viết hoa nữa, thế là xong...

Hoan hô, hoan hô... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh).

Học ủy chặn, chúng ta không hoan hô tùy tiện. Hội trường lại đồng thanh : đã đảo...

Học ủy : chúng ta có thêm một thắng lợi...

Hội trường im lặng. Chỉ có tiếng phạt phành phạch và tiếng đập cánh vo vo của lũ nhặng quanh cái cổng bốc mùi những hôm trời nồm.

Học ủy tiếp :

- Lực lượng công an đã bắt Nguyễn Hữu Đang và Thụy An. Tên Đang trốn xuống Hải Phòng, tìm đường trốn vào Nam, rõ là người Mỹ - Diệm cài vào hàng ngũ " chúng ta"...

Hội trường vỡ ra : hoan hô, hoan hô...

Học ủy hân hoan :

- ...nó không biết người móc nối nó lại là một đồng chí công an của ta. Hiện nó đã khai hết về cái vụ Nhân Văn. Ai liên quan, hãy thành khẩn.

Hoan hô công an

Đả đảo Nhân Văn, đả đảo Giai Phẩm.

Trần Dần lảm bảm :

- Đúng là toàn thắng ắt về ta! Nông dân là quân chủ lực...

Lê Đạt nhìn Phùng Cung, nói nhỏ :

- Trấn áp tinh thần đấy. Kỹ thuật đấu mà ỉ!

Phùng Cung bĩu môi. Đặng Đình Hưng bắn khoăn :

- Không thấy nhắc đến Phan Khôi, Trần Duy!

Cung bực tức :

- Ông Khôi ông ấy bảo tôi, hỏi thì cứ khai hết cho ông ấy. Ông ấy dặn, " các cậu còn trẻ, phải sống. Sống nhục cũng phải sống. Bây giờ chết là chết hèn. Còn tôi, già rồi, chẳng thêm gì tiếc gì nữa!".

Sau buổi học, Tố Hữu đến gần Lê Đạt, giọng rành rẽ :

- Tội của anh cũng nặng như tội của Nguyễn Hữu Đang. Lẽ ra, anh cũng bị đi tù. Nhưng mà Đảng chiếu cố đến vì anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể hữu ích cho đời nên Đảng khoan hồng với anh thôi, chứ anh đừng nên nghĩ rằng anh tội nhẹ!

Đạt tái mặt, đầu cúi gằm xuống.

Tối, làm bài khai. Tổ thông qua mới được đưa ra hội trường. Hội trường thông, thì xong. Không, lại tiếp tục. Từ ngày này qua ngày kia. Thành khẩn. Kết tội mình. Không thấy tội, thì tự tìm ra tội. Vu cho mình, tội càng lớn thì mình càng thành khẩn. Làm sao để thuyết phục là đã thực thà moi gan móc ruột ra làm đồ nhắm cho tập thể trong một cuộc đảo đồng chữ nghĩa.

Bây giờ, ngày đi tố, đêm về khai. Tố bạn. Tố chính mình. Những tình bạn tưởng keo sơn bỗng rạn nứt như lớp sơn khô phơi nắng. Những sự kính mến chợt rã ra như bột hồ nay chỉ còn dăm vết trắng nhợt nhạt nhân nghĩa. Học tuy đông, nhưng đấu tố chỉ tập trung vào mười, mười lăm đối tượng Nhân Văn Giai Phẩm. Nguyễn Huy Tưởng an ủi "...học xong, đã thông tư tưởng rồi ta lại là anh em với nhau như xưa". Nguyễn Khải, cây viết đang lên, nghiêm giọng "...tôi thì tôi phân biệt ra ta với địch!". Xuân Diệu đồng dạc " không giao dịch với Lê Đạt là một vấn đề nguyên tắc".

Tự sỉ vả không phải là việc dễ làm. Xé mình rồi bôi bấn thành một mảnh rẻ rách đòi hỏi thứ nghệ thuật xưa nay nhân loại chưa từng thử nghiệm. Người viết, viết để giết cái tôi của mình, nhưng trước khi hạ dao phải lột truồng mình ra để biện minh cho nhát chém cuối cùng mà chính mình là đao phủ thủ. Hãy chém treo ngành. Chém cho thật ngọt, thật thuyết phục. Rồi ngửa mặt nhỏ để nước bọt rơi trên mặt cái xác chính mình. Thật thành khẩn. Hoàng Cầm tự phê, tôi là thuốc độc tẩm đường, dán nhãn hiệu dân tộc, bôi đen thực tại rồi bọc giấy bóng kính màu... vân vân. Lê Đạt : cái câu " nhân đọc báo Nhân Dân số 822" mở đầu bài thơ " Chuyện mấy người tự tử" là một âm mưu của tôi dùng Đảng để đánh Đảng... vân vân. Trần Dần : tôi là giặc bút, là viên đạn xét lại, mũi tên độc của chủ nghĩa cá nhân đòi truy, của vô chính phủ. Tất cả những cái « Đi tìm cái mới » hay « chống công thức » chỉ là bộ áo khoác lên che cho chủ nghĩa xét lại và tư tưởng Trốt-kít... vân vân.

Không! Chưa thành khẩn vì còn trù tượng quá. Cần một cái gì nó gần gũi, thực dụng, và nằm ngay trong ý thức của mọi người. Cần "tố" hăng, càng hăng càng có thiện chí. Hai "tên" thơ phản động Trần Dần và Lê Đạt vẫn chưa chịu nói hết. Chúng có ý đồ gì? Có ai đằng sau xúi bẩy? Chúng cuối cùng thú nhận là có ý đồ "cướp cờ của anh Tố Hữu". Thế là hoan hô, thành khẩn rồi đó. Tranh đoạt gì chứ quyền lực thì mọi người trong hội trường hiểu dễ dàng. Hoan hô sự thành khẩn. Đả đảo bọn phản cách mạng. Và thế là hội nghị kết thúc thắng lợi.

Nhìn cách Loan bước vào nhà, Chính đoán chắc có sự chẳng lành. Hàm hàm, Loan quăng tờ Nhân Dân lên bàn rồi văng tục. Chưa nghe Loan nói hết, Chính chặn lại, giọng hoảng hốt:
- Không nên thế! Họ sẽ ghép vào tội vô kỷ luật. Vả lại, bỏ đi như thế là bỏ Đảng. Cậu nghĩ lại đi! Người ta có thể kết tội phản Đảng, gay lắm...

- Hừ, Hữu Loan cưỡi gàn - tôi nghĩ nát ra rồi. Đi "thực tế" ở Chí Linh, họ ra ơn, kể vẫn ăn lương Hội, lại được thâm nhập đời sống lao động hầu thoát cái xác tiểu tư sản thành thị để mà viết với yêu cầu Cách Mạng. Nhưng như thế viết có nghĩa là gì? Là làm công trả nợ. Tôi thì chịu...

- Đi Chí Linh, cậu đi với ai?

- Tổ sáu thằng. Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, và tôi. Toàn là bọn "đầu sỏ"!

- Tại sao lại thế? Cậu bị có một năm thôi mà?

- Ờ! Cái bài « Cùng những thằng nịnh hót » trong báo Văn bị chúng nó bảo tôi giả chống quan liêu mà thật ra là để chống lãnh đạo. Chúng nó còn lôi cả "Màu tím hoa sim" ra, rồi tố là thời chống Pháp tôi có ý đồ làm nhụt lòng bộ đội, ê a những "được tin em gái chết, trước tin em lấy chồng" để gây ra chán nản, và như thế là tiếp tay cho thực dân đánh phá ta...

Chính thở dài, rót nước cho Loan. Hai người im lặng nhìn ra ngoài trời. Chớm thu, gió đã se se lạnh. Có tiếng rao hàng đầu ngõ, hai tiếng "ai... mua" nhừa nhựa kéo dài ra như một lời than van. Chút nắng rơi lại cuối ngày co mình đợi cơn rét đầu mùa lung linh trên tàn cây hoa sữa bắt đầu rụng lá. Chính nhìn bạn :

- Về quê, cậu sẽ làm gì?

- Cũng chưa biết! Tôi định xin dạy học. Nếu không được thì sức dài vai rộng, mình đi thò, làm phu... cái gì cũng được!

- Với địa phương, cậu quan hệ thế nào?

- Đám quen biết và cùng công tác từ thời kỳ kháng chiến không còn bao nhiêu sau Chính Đồn Tổ Chức. Bây giờ, phần đông là mặt lạ cả. Nhưng trời sinh voi, sinh cỏ, chẳng có gì phải lo.

- Bỏ về quê, cậu đi tự tiện nên sẽ không có giấy giới thiệu của cơ quan ở Hà Nội. Chắc với địa phương cậu sẽ có vấn đề! Đạo này, chỗ nào cũng ngăn sông cách chợ, cứ « không phận sự miễn vào ». Mà miễn vào là tắc...

Loan gục gặc, vẻ khinh mạn bất cần đời, đứng lên. Rủ Chính đi thăm Thìn, Loan bước ra cửa. Hai người đi bên nhau, không ai nói với ai một lời. Họ vòng xuống chợ, rồi men đê ngược về Hồ Tây. Đây, những con đường xưa. Lên cái dốc, cây cổ thụ này là cây bàng điện Cai Năm năm xưa tự vệ Thành đã đục lỗ nhét chất nổ để đánh đổ thời bảo vệ Thủ Đô. Dây dẫn lửa không cháy nên nó vẫn trơ trơ còn đó. Phía bên kia, ngôi chùa Hòe Nhại. Trong cái bóng xẫm tối một hoàng hôn đến vội, Chính thấy một tà áo trắng lúc ẩn lúc hiện, lòng bỗng chạnh nỗi nhớ đến Huyền ngày xưa đã từng cư ngụ ở ngôi chùa này. Chính cay mắt, đưa tay lên giụi.

- Cậu làm sao vậy? Loan hỏi.

- Gió thổi. Bụi vào mắt, cay se! Chính đáp, cố nhếch miệng lên cười.

Hai người rẽ vào phố Trấn Vũ. Bên kia hồ Trúc Bạch quán nước nhà Thìn chia ra lẻ đường. Hai người bước vào. Vẫn ngọn đèn hoa kỳ bắc khêu vừa đủ hắt hiu một đóm lửa xanh lè. Vẫn cái điều cày nhãn nhục và phích nước chè chơ vơ trên chiếc bàn lè tè sát đất. Nhưng không một ai tiếp khách. Chính cất tiếng gọi. Bà mẹ chị Thìn lê ra, lưng còng xuống làm thành một vòng cung nặng nhọc. Bà háp háy ngược đôi mắt ướt nhèm lên nhìn, miệng kêu có khách. Hai đứa bé ở trong chập chững bước ra nhìn, đi sau là chị Thìn. Ở kia, cả ba đều quần khăn tang trên đầu. Chị Thìn thốt, a hai bác... rồi òa lên khóc.

- Hai bác đến chơi tuần trước thì nhà em còn. Bây giờ... bây giờ... chị nức nở. Chính lặng người. Ô hay, ba tháng trước anh Thìn còn đưa Chính vào xưởng, khoe cái bàn gỗ gụ mặt có khảm bốn chữ Càn - Kiệm - Liêm - Chính do anh tự tay đóng làm quà sinh nhật cho bác Hồ cơ mà.

- Khổ lắm cơ hai bác! Anh có linh thiêng thì về, hai bác đến thăm đây này, ối anh Thìn ơi... Hai đứa bé thấy mẹ khóc, cũng ngoác miệng ré lên. Chị Thìn sụp xuống, ôm lấy con. Khi đó, ông cụ cha chị Thìn đi ra, nhìn Loan và Chính, rồi lại lặng lẽ đi vào, không chào không hỏi. Đợi chị Thìn nguôi đi, Chính hỏi, giọng nghèn nghẹn :

- Anh mất thế nào?

- Nhà em trước khi mất ngày nào cũng phải lên công an Phường, tiếng là về cái việc người ta bảo đem giấy đi bán cho phản động in báo chí chống Cách Mạng. Nhưng thật ra, chuyện chính là Ủy Ban Phường đang động viên nhà em cống hiến cái xưởng mộc sau vườn cho hợp tác xã. Uất lên, nhà em về đập nát cái bàn định dâng lên mừng thọ bác Hồ. Nghe báo, Phường lại hoạnh hoẹ, làm thế là có phản ứng chống đối, không thành tâm " cải tạo công-thương nghiệp", và nhất là bất kính vị cha già dân tộc!

Loan lắc đầu, nhìn Chính ngẩn ngơ như mất hồn. Đẩy cửa ra sau vườn, chị Thìn miệng mời chân bước khiến Chính sực tỉnh, kéo Loan đi theo. Mở cửa xưởng, chị trở tay vào một góc. Mặt bàn gụ bị bổ vỡ làm ba mảnh, bốn chân long mất hai, nằm lỏng chỏng nghếch lên thách thức.

- Đây! Cái cột này. Các bác nhìn vệt máu lau mãi mà không sạch đây... Chị Thìn run lên – nhà em phát rồ, nửa đêm dậy uống rượu, lấy cái đinh hai mươi phân để vào lỗ tai, rồi đập đầu vào cái cột. Đinh xuyên ngang, lòi ra cái gò má bên kia, máu me phọt bắn tứ tung... Nhà em lại không chết ngay cho được, cứ nằm cục cựa rên rỉ đến sáng thì thở hắt ra!

Ngồi thụp xuống chân cột, chị Thìn thỉnh thoảng gầm lên:

-... anh sống khôn chết thiêng, về đây mà báo oán, giờ có mắt không hả giờ?

Chính lặng người không nói được một câu. Hữu Loan quay đi, mặt sa sầm, tiếng chửi chực chồm ra khỏi đôi môi mím chặt, móc túi có bao nhiêu tiền đưa hết cho bà mẹ chị Thìn vẫn đứng háp háy nhìn. Chính để nhẹ tay lên vai chị Thìn, lầm rầm nhắc đi nhắc lại câu an ủi thừa thãi. Đi theo Loan ra ngoài phố, Chính không nói, cúi mặt lầm lũi bước. Đêm sập xuống. Đàng trước là bóng tối. Đàng sau, cũng thế. Và gió rít lên qua những tàn lá bàng vừa nhuốm sắc đỏ buổi vào thu. Khi đến trước cửa nhà Chính, Loan hỏi :

- Cái chuyện bán giấy in Nhân Văn, công an hỏi cậu chưa?

- Chưa! Nhưng rồi sẽ hỏi, chẳng biết lúc nào thôi. Bao giờ cậu đi?

- Hai ngày nữa!

- Cậu về Thanh, nếu tìm được thêm một chỗ dạy học thì báo tôi. Tôi cũng sẽ xin chuyển công tác. Tôi ớn đất kinh thành này lắm rồi!

Loan cười nhạt :

- Không phải ớn đất... mà là ớn những con người này lắm rồi. Nguyên Hồng bỏ về Bắc Giang. Trong bữa tiệc chia tay với bạn bè, anh ấy vừa khóc vừa chửi "... Tiên sư cha thằng Câu Tiễn! Ông thì không, Nguyên Hồng thì không. Ông về Nhã Nam, ông đéo chơi với chúng mày nữa...".

Bút ký
Nam Dao

Phụ đính:



Nam Dao 2010

Văn học, nội lực, trong-ngoài, và vài tra vấn với nhà văn Nguyễn Ngọc

Nhà văn Nguyễn Ngọc tên thật là Nguyễn văn Báu, sinh năm 1932 tại Đà Nẵng, sống tại Hội An, còn có bút hiệu là Nguyễn Trung Thành. Ông tham dự hai cuộc chiến tranh, nguyên Đại Tá QĐND Việt Nam, lăn lộn trên chiến trường miền Nam, Tây Nguyên và chiến khu V cho đến ngày hòa bình. Không hỏi, ông chỉ nói mình đã từng là Bí Thư xã, một chức vụ có lẽ ít người mang ra khoe. Hỏi, ông mỉm cười (ngược ngạo ?) nhận đã từng là Đại biểu Quốc Hội khóa VI, Phó tổng thư ký Hội Nhà Văn Việt Nam (79-86). Những chức vụ đó thường thuộc loại hữu danh nhưng ít khi (thiết) «thực». Ông dĩ dóm kể, suốt thời gian làm Đại Biểu Quốc Hội, ông phát biểu có đúng một lần, về vấn đề tự do báo chí...

Nam Dao

- Thưa anh, anh đã làm Tổng biên tập tuần báo Văn Nghệ từ 1987 cho đến 1989. Anh có thể kể sơ qua cho độc giả Hợp Lưu cái nhân duyên nào đã khiến anh nhận cái trách nhiệm “cởi trói” cho văn nghệ thời đó không ?
- Cái thời đó báo Văn Nghệ ế lắm, ra đâu được hai mươi hay hai mươi lăm ngàn số gì đó, đọc thì chán nên bán không ai mua, ngân sách thâm thủng, lại đèo bồng một ban biên tập ăn không ngồi rồi đông lắm...Tìm Tổng biên, chẳng ai «xung phong». Thế rồi có một ai đó gióng lên tên tôi ...Anh em họ bảo, cũng được đấy, cũng tốt thôi. Anh Trần Độ lúc đó là Trưởng ban Văn Hóa Văn Nghệ nghe, rất đồng ý. Anh Nguyễn Đình Thi lúc đó là Tổng thư ký Hội Nhà Văn ban đầu cũng vun vào, nhưng sau nghĩ lại lại ngại ngừng thế nào đó nên dưng dưng. Thế nhưng bên văn phòng ông Độ, người ta cứ điện thoại giục mãi cho nên cuối cùng thì rồi... cũng tốt thôi. Cái thuở ban đầu lằng nhằng ấy (chứ không phải là lưu luyến gì nhé), việc cần làm ngay (nói kiểu khẩu hiệu lúc bấy giờ) là mời đâu đến gần nửa số anh em trong Ban Biên Tập là cứ lãnh lương nhưng không phải đến cơ quan, để yên cho người khác làm việc...
- Có những nghề là nghề không làm gì cả. Có những nghề chuyên thọc gậy bánh xe (thơ Nguyễn Duy) !
- Ờ (cười)...Sau những cái linh tinh, đến đoạn phải chọn, phải tìm bài. Tôi lục đống bản thảo báo Văn Nghệ đã từ chối, thấy có Tương Về Hưu của Nguyễn Huy Thiệp, quả là chuyện nhân duyên! Sau một thời gian ngắn, người đọc rất tinh lập tức nhận ra báo Văn Nghệ đã có sự chuyển hướng rõ rệt, quyết nhìn thẳng vào các vấn đề xã hội nóng bỏng, liền quay lại với tờ báo, thật sự coi đó là tiếng nói tâm huyết và trung thực của họ, báo phát hành đến trăm năm

mười ngàn số mà vẫn thiếu. Anh Nguyễn Khắc Viện ở Sài Gòn về, bảo anh ấy từng sống bên Tây mấy mươi năm, nhưng chưa bao giờ anh ấy thấy cái cảnh người ta đứng chờ ở sạp báo rồi thuê để đọc, đọc xong trả lại, có người khác thuê ngay... Đó là thời có Cái Đêm hôm ấy Đêm gì của Phùng Gia Lộc, Tiếng đất của Hoàng Hữu Cát, Người đàn bà quý của Xuân Ba, Lời khai của bị can của Trần Huy Quang, người ít lâu sau đó sẽ viết Linh Nghiệm là những sáng tác thật sự gây chấn động.

- Thời Văn Nghệ bị phê là "làm" văn nghệ ần dụ và ám chỉ ?

- Ở ... người ta mang ra họp và hỏi những nhà văn nhà thơ, Linh Nghiệm thế này có đúng là ám chỉ Bác Hồ không ? Nguyễn Duy nó bảo không, chẳng thấy Bác đâu, chắc cái anh mang tới Linh Nghiệm có tính ám chỉ mới là cái anh xấu, cứ để nói mãi thì rồi đọc mãi cũng thấy có ám chỉ thật ...

- Thế còn chuyện cởi trói?

- A, cái từ sau này thường được nhắc đi nhắc lại, là "cởi trói", và "cởi trói cho văn nghệ"! Tôi thì tôi cho rằng cách nói thế là không hoàn toàn đúng. Nói như vậy là cho rằng bấy giờ đã có một ai đó, do có lòng tốt (thiện chí), do thấy thương hại, động lòng mà cởi trói và văn nghệ được hàm ơn nên rồi đã đổi mới. Sự thực, không phải như vậy. Chẳng ai có lòng tốt cả. Và trong những việc này, lòng tốt chẳng có ích dụng gì. Cuộc sống không phát triển do lòng tốt may rủi của một ai đó. Sự thật diễn ra thời ấy không phải như vậy. Ngược lại.

- Ngược lại ? Xin anh khai triển thêm...

- Sự thật bấy giờ là sự sống bị dồn nén lâu dài, do sức mạnh nội sinh tích lũy, cuối cùng đã phá vỡ làm bật tung những ràng buộc vô lý, phi tự nhiên. Cuộc sống tự nó phá trói, mở đường đi tới. Những trói buộc đã bị bật tung vì chúng không đủ sức kìm hãm nữa. Nói cách khác, sự đi tới của cái tự nhiên, qua dồn nén lâu ngày, đã mạnh hơn cái phi tự nhiên. Đây mới chính là bản chất của "Đổi Mới". Như chúng ta biết, đổi mới đã được bắt đầu trong kinh tế, trước hết là trong nông nghiệp (với sự kiện khoán chui ở Vĩnh Phú cuối thập niên 60). Rõ ràng là nông dân đã tự phá trói chứ không phải lãnh đạo, do có lòng tốt mà chủ động cởi trói cho nông dân. Tất nhiên tôi hiểu và công nhận vai trò của những cá nhân cụ thể. Sự xuất hiện đúng lúc của họ tạo kích tố cho sự sống bung ra và phát triển nhanh hơn, thuận lợi hơn. Nhưng nghĩ cho cùng thì chính sức mạnh bị dồn nén đến lúc bứt phá đã "đề" ra họ vào đúng thời điểm đó. Tôi cho rằng cần nhìn như vậy để hiểu rằng thời kỳ văn học 1986-1991 là có tính qui luật.

- Điểm qua thời đó, có những Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Quang Lập, Dương Thu Hương, Nhật Tuấn, Dương Hương, Nguyễn Khắc Trường, Ma Văn Kháng, Tạ Duy Anh, Ngô Ngọc Bội... gây sự kiện đổi mới trong văn học. Sự bùng nổ này, anh cho là có qui luật. Thế thì vì sao nó ngưng lại từ 1992?

- Nói đến tính qui luật cũng dễ thấy nếu sau đó nó lại bị khựng lại, thì nói cho cùng, cũng là khó tránh khỏi, là tất yếu, là qui luật. Và cũng dễ tin rằng, đến một lúc nào đó, cũng sẽ tất yếu diễn ra một cuộc phá trói mới. Nói tóm lại, mọi diễn biến của văn học, bứt ra, tiến lên, hay dừng lại, đều chủ yếu là do nội lực của nó. Không thể khác được.

- Nội lực của văn học? Thuật ngữ này nhắc tôi chuyện một văn hữu nhắn hỏi anh tại sao mà những nhà văn nước ta cứ như Trình Giảo Kim, chém đúng ba búa là rồi bỏ chạy dài dài... Cái «mệnh văn» của nhà văn An Nam, cụ Nguyễn Tuân than thở, nó yếu thế nào ấy. Trong văn học ta từ 92, rõ là thiếu sự kiện và hiện tượng. Không có thành tựu trong tác phẩm. Xin hỏi

anh, tại sao có hiện tượng chợ chiều này trong khi những vấn nạn và vấn đề mới mẻ trong xã hội thì đầy rẫy, nào là định hướng thị trường của cái XHCN oặt oẹo, sự bơ vơ ý thức hệ, xã hội trên đà mất (hay đang tìm...?) đạo đức (mới...?) ? Cái gì đã cản trở ? Có phải là vấn đề tự do sáng tác không ?

- Muốn hiểu vì sao có tình trạng chợ chiều hôm nay cũng không có cách gì khác hơn là nhìn lại thực chất nội lực của văn học. Văn học thời Đổi Mới đã bứt phá ra được vì nội lực của nó qua dồn nén lâu dài đã đến lúc trở nên mạnh hơn những lực lượng kìm hãm. Nhưng trong cuộc bứt phá đó nó đã «tiêu xài» hết nội lực có được, như chiếc xe cạn xăng, sức đuối dần đi, đến khi dừng lại hẳn như hiện nay.

Trong sự dừng lại hiện nay, có nguyên nhân của sự cản trở không ? Có chứ. Nhưng thử nghĩ xem bao giờ mà không có sự cản trở. Các lực lượng kìm hãm thì thời nào chỗ nào cũng không thiếu. Vấn đề là anh có đủ sức phá nó ra không ? Vấn đề hiện nay là tự anh đã yếu đi, do đã tiêu hết nội lực có thật của mình. Tôi cho rằng những hiện tượng như Nguyễn Huy Thiệp đã dừng lại, Bảo Ninh thì hầu như không còn viết gì đáng chú ý nữa ...đều có thể nói là tất yếu. Họ đã «xài» hết cái «trời cho», tức tài năng bẩm sinh của họ cộng với «vốn sống», tức sự trải nghiệm của họ. Họ đã trở nên hụt hẫng.

- Có thể đây là một vấn đề quan trọng nhất của sự phát triển văn học Việt Nam nên xin anh đi sâu hơn nữa vào vấn đề này.

- Vâng...một nhà văn viết bằng cái gì ? Theo tôi, có ba cái chính : tài năng «trời cho», sự trải nghiệm, hay «vốn sống» và cái thứ ba là nền tảng văn hoá dân tộc và nhân loại mà anh ta có được , anh ta «đứng» trên đó để tiếp tục đi tới.

Lớp người trẻ cầm bút ở Việt Nam hiện nay thiếu hụt hơn cả chính là cái thứ ba này. Thử nhìn lại cha ông chúng ta, những Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Cao bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Đoàn thị Điểm, Hồ xuân Hương...mà xem. Khi họ cầm bút thì đằng sau lưng họ là cả một cái vốn văn hóa khổng lồ của phương Đông. Nền giáo dục thời đó đã cho phép họ chiếm lĩnh gần như toàn bộ những đỉnh cao nhất của văn hóa nhân loại (hiểu ở nghĩa đối với chúng ta thời ấy chỉ bao gồm Trung Hoa và Án Độ, với Nho Giáo và Phật Giáo). Chính trên cái nền tảng vĩ đại đó mà họ đã phát huy tài năng trời cho và vốn trải nghiệm sâu sắc của họ, tạo nên những tác phẩm có tầm mức kinh điển của thời đại họ. Qua đến thế hệ nhà văn thời Pháp thuộc thì nền tảng của họ là truyền thống văn hóa cũ cộng với tri thức mới do nền Tây học mang lại. Họ cũng có những đóng góp tầm cỡ, như Thơ Mới, Tiểu Thuyết...Sự hụt hẫng của lớp người cầm bút hiện nay ở Việt Nam chính bởi toàn bộ cái vốn văn hóa dân tộc và nhân loại mà các thế hệ trước có thì đến nay họ không còn có được nữa. Ở đây đương nhiên có vấn đề của nền giáo dục trong nước suốt nhiều chục năm qua. Đó là thời gian có thể nói là chúng ta gần như không có Đại Học thực sự. Anh Hoàng Ngọc Hiến gọi rất đúng Đại Học trong nước là trường «phổ thông cấp bốn». Chỉ xin lấy một ví dụ : trong nền giáo dục ở mọi cấp, gần như hoàn toàn không dạy triết học. Tất nhiên có môn gọi là «triết học Mác-Lênin», nhưng môn này không được giảng như triết học mà chỉ là những khóa huấn luyện chính trị rất sơ đẳng. Thế cho nên những người cầm bút thuộc thế hệ trẻ trong nước hiện nay có thể nói là hoàn toàn không hề được tiếp cận với di sản triết học nhân loại, cả phương Đông lẫn phương Tây. Thật khó mà tưởng tượng được một nhà văn mà không có chút vốn triết học nào !

- Còn vấn đề tự do sáng tác ? Cái mà ta gọi là một nền văn nghệ «minh họa» phải chăng đã cản trở không để cho những tài năng phát triển một cách bình thường ?

- Đương nhiên có vấn đề tự do sáng tác. Nhưng thử nghĩ giá như bây giờ không còn sự gò bó hạn chế tự do nào nữa thì có ngay được sáng tác lớn không ? Tôi không tin rằng sẽ có cái gì đáng kể ngay đâu. Cởi trói, hay đúng hơn phá trói những năm 86-91 đã tạo ra được một thời

kỳ phát triển khá tốt đẹp với Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, vv... Nhưng ta đã thấy những tài năng đó không «hậu» được. Và hàng chục năm qua rồi, không có hiện tượng nối tiếp đáng kể. Tức là, tôi muốn nói, phải nhìn lại và đặt vấn đề phát triển nền văn học của chúng ta một cách cơ bản, rất cơ bản, để mong có thể đi xa, đến một tương lai văn học mà chúng ta đều mong đợi.

- Vấn đề đặt rộng như thế đòi hỏi rà soát lại toàn bộ cơ cấu văn hóa của Việt Nam, từ thời Cựu học với chữ Hán- Nôm, rồi qua Tây học với chữ Quốc ngữ đã loại bỏ hình tượng mà chỉ giữ âm thanh trong ngôn ngữ. Với một thời gian quá ngắn, Tây học chưa đủ căn cơ thì cả nước đã lao vào chiến tranh, và từ đây văn học miền Bắc phát triển theo hướng tuyên truyền huấn dụ. Văn học «tuyên huấn» là công cụ chính trị nên ít khi phát huy được tính văn học như một nghệ thuật. Dĩ nhiên không cứ có tự do nghĩa là có nghệ thuật. Anh đã dịch Kundera, và anh có nhắc đến 3 khả năng của một nhà văn theo Kundera, là kể, tả và suy nghĩ một câu chuyện. Phải chăng nhà văn ta chỉ kể, rồi tả, nhưng không đến được, như Kundera phân loại, mức « nghĩ» một câu chuyện? Tại sao lại thiếu « nghĩ» trong trường hợp văn học nước ta?

- Nhà văn ta kể thì họ có nhiều chuyện để kể, tả (nghĩa là có văn phong riêng) đã ít hẳn đi, và đến «nghĩ» thì trở nên thật hiếm hoi. Thực ra, họ biết rằng phải «nghĩ» chứ không thể dừng ở mức «kể» và «tả». Chỉ có điều khó có thể có một sức nghĩ sâu trên nền tảng văn hóa triết học cận như đã nói. Hình như trong văn học ta thường có hiện tượng ba búa Trình Giảo Kim, như anh nói : các tài năng xuất hiện rất sớm như Chế Lan Viên, Nguyên Hồng ở tuổi 16, 17...như những ánh chớp, nhiều khi thật sáng loé, nhưng sau đó không đi được xa, sớm lụi, hoặc kéo dài mãi tình trạng le lói lờ mờ. (Giọng nhỏ đi, thờ dài) Nguyễn Tuân than như anh kể thế là đáng than lắm, anh à! Đây, lại vấn đề nội lực...

- Làm cách nào tăng nội lực ?

- Mở ra, tiếp cận trước rồi hội nhập với nền văn hóa của thế giới. Nhưng làm thế nào. Những anh em trẻ cầm bút trong nước rất ít khả năng sinh ngữ để đọc và thẩm thấu văn chương nước ngoài. Trong đám anh em tôi biết ở Hà Nội, số có trình độ đọc được trực tiếp văn học thế giới bằng ngoại ngữ có thể đếm, và không hết năm ngón trên 1 bàn tay! Vậy trước mắt, phải dịch. Việc này là việc rất nghiêm túc, đòi hỏi tay nghề, là dịch thuật văn học chứ không phải dịch chỉ để “lái sách” tung ra bán kiếm lời trên thị trường. Trong nước cũng đã có người thấy tình trạng này, mong muốn có một chương trình dịch sách văn học có nguyên tắc và tiêu chuẩn, sách dịch để đến 50 năm cũng chưa hết, nhưng không tìm ra tiền. Mà nước mình, dầu là nước nghèo thì nghèo thật, nhưng không phải không có khả năng bỏ tiền vào một đề án như vậy nếu Nhà Nước biết bớt đi những thứ chi tiêu ba lãng nhăng (thờ dài, chép miệng)...Tôi cố gắng góp thữ một tiếng nói bằng cách dịch một vài tác phẩm lý luận văn học của Kundera, hiện có thể đọc một phần trên Talawas. Và một tác phẩm của Roland Barthes (mỉm cười). Hiện có nhà xuất bản Đông Tây ở Hà Nội làm công việc dịch thuật là nơi rất đáng cộng tác và khuyến khích. Vấn đề của họ vẫn là có tiền để làm những việc văn hóa vô vụ lợi. Nhưng đây là vấn đề cho tất cả những người đứng đắn và lương thiện...

- Có lẽ trước mắt chỉ có con đường dịch tác phẩm nước ngoài để người viết trong nước tiếp cận với văn học thế giới. Nhưng dịch, như một phương cách tiếp cận để cách tân hay bắt chước ? Nếu chỉ bắt chước, sẽ đi đến đâu ? Tiếp tục sùng bái hàng ngoại, và làm giả loại thứ phẩm hàng nội, để bán rẻ ? Để đánh lừa nhau ?

- Gần đây, một số cây bút trẻ dường như đang cố phá vỡ những nếp viết cũ, háo hức đi tìm cách viết mới, khác, ra ngoài truyền thống và cũ mòn. Về cơ bản, đó là những cố gắng lành mạnh, đáng trân trọng. Tuy nhiên, quả thật có hiện tượng : tôi có cảm giác những tìm tòi phá vỡ

này còn thiếu một cái gì đó để có thể thành công. Có lẽ phải chăng vì nó thiếu một nền tảng cơ bản, và như vậy thì rất dễ rơi vào tình trạng «học đòi», bắt chước, lúng túng, chấp vá... Đây là một vấn đề rất nghiêm túc, đòi hỏi một sự nhìn lại toàn diện cho những triển vọng lâu dài và bền vững của văn học ta.

- *Hiện nay có vẻ có những giọng điệu mới trong văn học, và hình như người ta, trong cũng như ngoài nước, cho rằng cái chuyện kể kể không quan trọng bằng hình thức nhà văn dùng để kể những chuyện ấy. Nội dung là hình thức? Hình thức không chỉ chuyên chở mà bao gồm nội dung trong nó? Số Hợp Lưu 73 này mang chủ đề Tiểu Thuyết Việt Nam. Nhân đây, xin anh cho biết ý anh về cái cặp biện chứng nội dung-hình thức ám ảnh ngàn đời những nhà văn, nhất trong là nền tiểu thuyết Việt Nam đang có đòi hỏi hồi sinh sau những quày hàng ế buổi chợ tàn nắng vẫn !*

- Tôi quan niệm Tiểu thuyết không chỉ là một thể loại văn học. Hơn thế rất nhiều, đó là một bước phát triển quan trọng và cơ bản trong tư duy của con người về thế giới, là một thời đại mới trong tư duy của con người. Có thể kể những đặc điểm của tư duy ấy là tính không tất định của cuộc sống, phi tuyến tính, thoát ra khỏi tư duy cơ giới vốn coi những điều hợp lý như một cỗ máy, biết nguyên nhân thì rõ hậu quả, cái trước cái sau...

- *Nói thế thì tiểu thuyết đang hóa thân thành cái kiếp sau của Vật Lý học nửa đầu thế kỷ 20 ư ? Thật ra, có thể văn chương đã đi trước, anh ạ...Chỗ đứng của văn chương cạnh khoa học và triết học còn là việc phải bàn cãi sau. Nhưng ta hãy tạm gác bàn cãi này lại...*

- Nói cho đúng hơn thì văn học (và nghệ thuật) với vật lý (và khoa học tự nhiên nói chung) là những bổ sung thiết yếu để con người có thể làm chủ được tự nhiên đồng thời vẫn luôn giữ được chất người của mình... Thế giới vật chất đã phức tạp như thế, thì ở cõi nhân sinh làm gì có một chân lý độc tôn, mà luôn có nhiều chân lý trái ngược cùng tồn tại, đan chéo vào nhau, chồng chất lên nhau. Tiểu thuyết là nền nghệ thuật có khả năng thể hiện điều đó. Khi không làm được, thì văn học chỉ có truyện kể, chưa thực sự có tiểu thuyết. Chúng ta chờ đợi tiểu thuyết Việt Nam chuyển sang một kiểu tư duy mới, tức một «nội dung» mới, chứ không phải chỉ kể chuyện mới. Trong nghệ thuật, muốn có nội dung mới thì phải có hình thức mới. Thật ra, phân biệt nội dung và hình thức chỉ là một cách nói. Trong nghệ thuật, nội dung và hình thức là một. Chúng ta chờ một sự phá vỡ đưa đến những tiểu thuyết mới.

- *Bây giờ, trong văn học ta đầy Thơ và Truyện Ngắn, rất ít tiểu thuyết, khác với thời Tự Lực Văn Đoàn, thời Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyên Hồng. Tại sao ? Có phải vì tiểu thuyết không có độc giả vì nay cuộc sống tất bật, không ai có thì giờ đọc hàng trăm trang...*

- Không, tôi không nghĩ vậy. Không có tiểu thuyết hay thì đúng hơn. Tài hoa như Nguyễn đình Thi nhưng Võ Bờ của anh ấy không thành công...

- *Nhớ cách đây hai mươi năm, tôi được nghe anh Nguyên Hồng kể trong một đêm giáng sinh ở Hà Nội, có cả Nguyễn Tuân, Văn Cao ở nhà anh chị Lân. Anh Thi đưa anh ấy đọc Võ Bờ rồi hỏi, so với Chiến Tranh và Hoà Bình của Lev Tolstoi thì thế nào? Nguyên Hồng đáp, cái lép-tôn- ông không so được cái lép- tôn- tôi ! (cười)... Thoắt một cái mà các anh ấy đã đều thành những người muôn năm cũ...*

- Sóng Gầm của Nguyên Hồng đậm chất sử thi nhưng chưa phải là tiểu thuyết. Sau, có Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh là một thành công. Hiện nay, Nguyễn Bình Phương đang thử nghiệm một số đột phá nhưng phải chờ thêm thời gian. Vâng, đúng như anh nói, ta kém về mặt tiểu thuyết... Có lẽ ta ít truyền thống tiểu thuyết. Ở ta, truyền kỳ thì có, nhưng cũng chỉ loãng

thoáng, đếm ra chưa quá số ngón hai bàn tay. Trung Quốc khác, họ có truyền thống. Và nay, với những Trương Hiền Lương, Vương Sóc, Mạc Ngôn...tiểu thuyết của họ đang rộ nở. ..

- Vào thế kỷ thứ 1, Trung Quốc đã có 1380 truyện dân gian, góp thành 15 quyển. Đến thời Ngụy Tấn, hai thể tiểu thuyết chí quái và đặt sự đã rất thịnh hành, ghi chuyện lạ và chuyện qui thần. Đời Đường, truyện truyền kỳ phổ biến rộng và sang đời Tống/Nguyên, truyện bình dân hóa đến độ có nghề đi kể truyện với các thể loại như sử, tôn giáo, kiếm hiệp, tình yêu, liêu trai...Ở ta, Truyện Thầy Lazaro Phiền của Nguyễn Trọng Quản là cuốn tiểu thuyết văn xuôi đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ in năm 1887. Phải đợi đến thời 1930-45 tiểu thuyết mới được mùa. Nhưng từ đó cho đến nay, tiểu thuyết Việt Nam vẫn ngừng ở chủ nghĩa lãng mạn và hiện thực, chậm mất gần 100 năm so với tiểu thuyết phương Tây. Sở dĩ so được như thế là vì tiểu thuyết Ta có vẻ như một thứ sản phẩm bậc hai, một thứ phó phẩm, của tiểu thuyết Tây. Ở Trung Quốc, Nhật Bản...tiểu thuyết hiện đại của họ có phong cách đặc thù, vì thế nhanh hay chậm không so được và không thành vấn đề. Như vậy, đúng là ta ít truyền thống. Ở bình diện văn học, chúng ta rất lệ thuộc vào cấu trúc tiểu thuyết Tây phương. Các nhà lý luận văn học dùng phần lớn những điển mẫu thẩm mỹ Á châu trong tiểu thuyết để kêu gọi những nhà văn Việt Nam «cách tân», vinh danh những á thánh mới như Derrida, Foucault, và vân vân, với những trào lưu nào là Tân Tiểu Thuyết, Hậu Hiện Đại ...Những tương quan giữa ngôn ngữ, văn hóa (nói rộng) và thẩm mỹ ít được quan tâm, cho nên có lẽ vì thế sản phẩm văn học của chúng ta đến nay chưa đạt được một phong cách thẩm mỹ riêng tư, một phong cách mà nói đến ai cũng có thể bảo là phong cách Việt Nam ...

- Đã đành... Đói thiếu thì chỗ nào vay được là vay thôi, nhất là chả thấy ai bắt trả tiền lời ngay! Nhưng mặt khác, anh cứ để ý mà xem, nhìn đình chùa thành quách nước mình thì so ra hình như ta thích cái gì tinh xảo nhỏ nhỏ. Tinh xảo đấy, nhưng chỉ nhỏ nhỏ thôi. Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên trong vòng ảnh hưởng Nho giáo nhưng khác ta : họ có những công trình cả vật chất lẫn tinh thần to tát hơn, lâu dài hơn của ta... Thơ và Truyện Ngắn là những cái tinh xảo, trong khi Tiểu Thuyết thì ắt công phu hơn (nhưng không phải là khó hơn. Cái gì hay cũng khó như nhau cả!), dài hơi hơn, rộng trải hơn...Nhưng cũng phải nói, nhà văn những nước vừa kể này có điều kiện sáng tác thoải mái hơn những nhà văn nước ta ... (giọng buồn đi) Nhưng thôi, nói mãi, biết rồi, khổ lắm...

- Thưa anh, đúng là khổ lắm...Chúng ta qua một vấn đề khác nhé. Có nên và có cần phân chia ra một nền văn học hải ngoại và một nền văn học quốc nội không? Hay là cứ viết tiếng Việt thì là văn học Việt Nam mà thôi, không hàng nội hàng ngoại gì nữa?

- Vấn đề này không mới. Cách đây hơn mười năm, vào khoảng năm 1990. trả lời tạp chí Cửa Việt tôi có nói rằng theo tôi, một tác phẩm viết bằng tiếng Việt dù của bất cứ ai, viết bất cứ ở đâu, vào bất cứ thời gian nào, miễn là nó hay, thì đều là tài sản chung của dân tộc Việt Nam, không ai có quyền tước đi của nhân dân Việt Nam tài sản tinh thần đó. Tất nhiên hồi bấy giờ, và ngay cả hiện nay, có nhiều người không tán thành ý kiến của tôi, thậm chí phản đối nó quyết liệt. Đó là quyền của họ. Còn tôi, tôi vẫn giữ ý kiến của tôi. Hơn mười năm qua rồi, tôi nghĩ rằng ý kiến đó càng đúng.

Chưa bao giờ trong lịch sử chúng ta lại có hơn hai triệu người ở nước ngoài như hiện nay. Tôi không thảo luận về nguyên nhân của thực tế này, chỉ nhấn mạnh rằng đó là một thực tế lịch sử sống động và to lớn. Những người Việt Nam ở nước ngoài trong mấy chục năm qua đã hoàn thành một khối lượng văn học không thể phủ nhận được. Đó là một bộ phận của văn học Việt Nam hiện đại, chẳng có gì phải bàn cãi. Cùng với văn học trong nước, văn học hải ngoại làm nên diện mạo của văn học Việt Nam ngày nay. Sẽ cực kỳ thiếu sót nếu biết văn học Việt Nam ngày nay mà không biết văn học Việt Nam hải ngoại. Vấn đề có lẽ chủ yếu là ở những chỗ này :

ssự đóng góp đáng kể nhất của bộ phận văn học này đối với nền văn học Việt Nam hiện đại là ở chỗ nào ? Và triển vọng của nó ra sao ?

Về điểm thứ nhất, theo tôi, bộ phận văn học này phản ánh số phận của một thành phần quan trọng trong dân tộc mà những người viết trong nước khó có khả năng tiếp cận, hiểu và viết được. Thiếu nó, thì văn học chúng ta sẽ khuyết đi một mảng rất lớn và rất quan trọng của khuôn mặt con người Việt trong thời sóng gió hung bạo của lịch sử dân tộc như chúng ta đã, và đang, trải qua. Văn học Việt Nam do vậy sẽ què quặt.

Bộ phận văn học này có thể còn có một đóng góp quan trọng khác : nó đem đến cho văn học ta những kinh nghiệm của văn học hiện đại thế giới mà văn học trong nước, do những hạn chế khách quan và chủ quan, khó có được.

Vấn đề là làm thế nào cho hai bộ phận văn học trong và ngoài nước «thông thương» được với nhau, phá đi mọi cản trở vô lý giữa hai bộ phận của một cơ thể văn học thật ra là thống nhất.

- *Đồng ý 100%. Đã có Hợp Lưu bên ngoài, bây giờ phải có “Thông Thương” trong nước, đối với văn hóa thì thôi đừng ngăn sông cách chợ như quyền lực đã từng ứng xử với khâu kinh tế. Nhưng anh ơi, có một nhà văn về nước chỉ dám khai mình là thợ tiện- cái nghề kiếm sống- mà lờ đi nhà văn, là chức năng của anh ấy, vì có thể mới thuộc giai cấp công nhân tiên tiến, và nhất là không mang cái hơi hướng “diễn biến hòa bình” trên người. Và nói chơi mà thật nhé, tôi đi khắp nơi, từ Á sang Âu, Mỹ, Phi, qua đến hàng dặm ba chục cái phi cảng nhưng mỗi lần về đến Tân Sơn Nhất hay Nội Bài là lần nào lần ấy tôi cứ len lét, như đồng bào tôi, mà chẳng hề ăn cắp ăn trộm hay ăn cướp gì cả...*

- (Cười, ngất)...Dạo này cũng có khá hơn trước. Nhưng cứ phải về thôi...

- *... nếu không còn phân biệt trong-ngoài như anh nói, “thông thương”, hay gọi khác đi là hiệp thông, đòi hỏi hai chiều trên cơ sở bình đẳng. Nay hải ngoại đã in và phát hành những tác phẩm trong nước, nhưng ngược lại thì vẫn chưa thấy gì. Vậy in ấn và phổ biến những tác phẩm của bộ phận văn học hải ngoại cần phát huy như thế nào?*

- Trong nước đã in Nguyễn Văn Thọ, Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh...

- *Dạ...nhưng như thế vẫn là “cây nhà lá vườn”, thương nhà nhớ nước, sản phẩm bộ đội Trường Sơn và Trường «cấp bốn» khoa Văn Hà Nội!*

- Tôi được biết đang in Hợp Âm Vùng Sân Khuất của Mai Ninh nữa đấy. Mai Ninh thì chất Âu Châu chứ, có cái mới, lạ...

- *...và không có vấn đề “nổi” để xếp vào thể loại diễn biến hòa bình (cười).*

- Ờ...ở ta thì cái gì cũng dần dần, anh biết rồi...(vừa cười, vừa thờ ra) Mới lạ cũng là vấn đề, nhưng may mà ít ai bắt bẻ...

- *Đã chỉ có một nền văn hoá thì còn một hệ luận : đối với những nhà văn, nhà thơ có đóng góp trong thời Việt Nam Cộng Hoà như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Cung Tích Biền....đang ở trong nước, những Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Tô Thùy Yên...ở ngoài, làm sao để «phục hồi» chỗ đứng nhà văn của họ ?*

- Chúng tôi mong mỗi các anh chị trong nước quay lại sinh hoạt với chúng tôi một cách bình thường, như mọi người ...Còn «phục hồi» thì nói cho cùng, thời gian sẽ gạn lọc và phục hồi tất cả những gì có giá trị văn học. Sự phục hồi đó mới đích thực.

- Quay sang vấn đề triển vọng. Văn học hải ngoại là một bộ phận hiện có một số giới hạn : từ dăm năm nay, số người viết và số người đọc rơi rụng dần. Lý do thứ nhất là, như anh Trần Dần hay nói, chẳng có ai chống được cái kim đồng hồ, từng bước cái thế hệ thứ nhất đi về thiên cổ . Lý do thứ nhì, nói thì buồn nhưng phải nói, cái thế hệ thứ hai, nghĩa là con cái bọn chúng tôi, không còn khả năng đọc chứ chưa nói đến viết... Hiện một đầu sách có in trung bình cũng chỉ từ 3 đến 5 trăm quyển, bày bán có khi 3,4 năm mới ...chưa hết thì đem biếu bạn bè để khỏi mất chi phí tồn kho. Các tạp chí văn học cũng vậy vậy. Vừa rồi tạp chí Chủ Đề, vốn rất nghiêm túc tìm đường làm mới văn học, phải «sập tiệm», không có người viết, và có viết thì cũng chỉ đọc với nhau. Cứ thế này, chỉ độ năm ba năm nữa chắc văn học hải ngoại sẽ xơ xác như con ve sầu cuối hạ thôi...

- Đương nhiên có vấn đề về triển vọng của bộ phận văn học này. Tôi không muốn và cũng không dám làm thầy bói. Nhưng theo tôi, có lẽ một việc quan trọng có thể cố gắng làm hiện nay là tạo điều kiện cho các nhà văn đang sống và viết ở nước ngoài có được độc giả trong nước trong số này có tới 80 triệu người. Điều đó là hết sức quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của bộ phận văn học hải ngoại. Như vừa nói, đã có một số tác phẩm hải ngoại được in trong nước. Việc này diễn ra rất chậm, quá chậm. Nhưng dấu sao cũng đã bắt đầu...

- Xin anh chia xẻ điều vừa nói với nhà văn (chứ không phải là trình lên ông quan) Nguyễn Khoa Điềm, chắc sẽ có một sự cảm thông nhất định. Anh nhắn họ rằng cứ đợi «về hưu» rồi mới nói thì «hơi bị» muộn, vì thế thì chỉ nói chứ chẳng làm được gì ...

- (Cười khà)...văn học gần như là cái duy nhất có khả năng vượt lên trên những định kiến chính trị, đến với mọi con người Việt Nam, dù ở đâu. Tôi quan niệm : văn học đương nhiên không thể không phản ánh chính trị của một thời đại trong đó nó tồn tại, nhưng mục tiêu của nó cao hơn chính trị. Nó vì con người.

- Anh đã từng đề cập đến sự bức thiết của một nền văn học tự vấn. Tự vấn trong một nền văn hóa (nói chung) và văn học (nói riêng) : Nhưng tự vấn gì? Có phải đặt vấn đề Minh (thân phận con người, xã hội, lịch sử) là gì ? là ai? thực sự có gì, mất gì, được gì trong cơn dâu bể của cuộc tồn sinh? Tóm gọn, đây có phải là văn hóa trong chiều dài lịch sử của dân tộc?

- Tự vấn là một nhu cầu hướng nội – không chỉ là hướng nội cá nhân mà là hướng nội dân tộc của toàn xã hội. Nhìn lại mình, lịch sử của mình, từ gần đến xa. Từ lịch sử văn hóa, đứng kẹp giữa hai nền văn hóa Trung Hoa và Án Độ thì ta tiếp thu gì, của ai, tiếp thu thế nào, vận động ra sao để Việt hóa... Rồi đến lịch sử chiến tranh- chính trị, thời đánh giặc thì quá nhiều, thời xây dựng quá ít...

- Qua trao đổi của anh với François Julien Viện Trưởng Viện Tư Tưởng Hiện Đại ở Đại Học Paris 7 về vấn đề «Tiêu cực là gì» và «Làm gì đây với nó», anh cho rằng ở Việt Nam tiêu cực quả là vấn đề thời sự và chống lại tiêu cực hiện nay trong hòa bình còn ác liệt và phức tạp hơn cả trong thời chiến tranh. Nếu nhà văn viết, và chỉ viết về những tiêu cực xã hội như Phùng gia Lộc đã đánh động một thời, có đủ không? Và nếu không, anh có thể đào sâu thêm cái hướng «văn học tự vấn» này là thế nào ? Trong phạm trù nào? Trên những vấn đề cấp thiết nào ? Có hay không luồng gió Tự Vấn từ người Việt sinh sống ở Đông Âu thổi về Việt Nam ?

- Năm ngoái ở Paris tôi có nói đến chuyện xu hướng «văn học tự vấn». Trước hết, theo tôi, văn học bất cứ thời nào, và nói theo một cách nào đó, cũng là một sự tự vấn của xã hội, của con người. Thử nghĩ xem : xã hội sinh ra nhà văn là để làm gì? Tại sao xã hội lại “lãng phí” một bộ phận khá lớn tài năng và trí tuệ của mình cho một công việc trông chừng “vô bổ” không làm

ra của cái vật chất gì cả như vậy? Áy chính là vì trong khi đi tới, xã hội và con người luôn luôn có yêu cầu tự nhìn lại mình. Văn học là sự nhìn lại đó. Song nếu bây giờ ta nói đến văn học tự vấn thì không chỉ theo cái chức năng thường trực đó mà còn là một sự bức thiết trong tình trạng hiện tại. Quả thực hiện nay cần có một sự tự vấn của toàn xã hội, toàn dân tộc hơn bao giờ hết.

Tôi thường hay nghĩ về “số phận” của dân tộc ta. Do những điều kiện đặc thù nào đó mà dân tộc ta có những trầm luân rất đặc biệt. Trong suốt mấy nghìn năm, thử xem có một trăm năm nào chúng ta có được hoàn toàn yên tĩnh để xây dựng đâu. Chiến tranh triền miên. Mỗi lần vừa giành được độc lập và mới định bắt tay vào xây dựng một cái gì đó cho lâu dài thì đã phải lao vào một cuộc chiến tranh mới. Chúng ta có quá ít kinh nghiệm xây dựng, nhưng có thừa thãi kinh nghiệm chiến tranh! Sau 1975, muốn xây dựng đất nước, dân tộc thì đúng như anh nói, cần một cuộc rà soát lại toàn bộ lịch sử văn hoá, bản lĩnh, chỗ mạnh, chỗ yếu của mình. Lịch sử văn hoá đó trước đây đã được diễn đạt, theo tôi, có lẽ không hoàn toàn khách quan do những nhu cầu bức thiết của chiến tranh.

Chẳng hạn thử nghĩ chúng ta là một nước có mấy nghìn cây số bờ biển. Vậy mà chúng ta chỉ quanh quẩn ven bờ, trong khi, như ta biết, chính những khám phá hàng hải vĩ đại của các quốc gia Âu Châu từ thế kỷ 15,16 đã thúc đẩy sự phát triển củ họ như thế nào. Người Việt Nam sợ biển. Đây là một điều thật lạ, và có lẽ là một trong những hạn chế rất lớn đến lịch sử phát triển của dân tộc. Chúng ta đã cố thủ mãi với mảnh đất bé nhỏ, có một lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt, nhưng cũng vì như thế, đâm có một lịch sử thật bất hạnh. Cứ nhìn xem, qua hàng nghìn năm nhưng chúng ta có để lại công trình xây dựng vật chất nào đáng kể đâu. Và không chỉ công trình vật chất. Cả những công trình tinh thần kể ra cũng khá nghèo nàn.

Nằm kẹp giữa hai nền văn hóa Hoa và Aán thật vĩ đại, một trong những kinh nghiệm văn hóa của ông cha ta là để tồn tại trong điều kiện đó và giữ được bản sắc của mình thì phải chủ trương một chính sách văn hóa mở chứ không đóng. Đóng, sẽ bị tiêu diệt. Mở ra với mọi phía, để tiếp nhận và tiêu hóa : chính khả năng đó đã làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Ngôn ngữ của ta, 60 đến 70% tiếp nhận từ chữ Hán, Việt hóa và đồng thời giữ phần Việt mường. Đến khi gặp phương Tây, chúng ta chấp nhận Quốc ngữ, và cũng hành xử tương tự. Tiếp nhận là phương thức tồn tại chủ yếu, là chỗ mạnh đặc sắc của văn hóa Việt Nam .

Nhưng chính trong chỗ mạnh này lại chứa đựng những cái yếu : đối với những nền văn hóa lớn, chúng ta hầu như chỉ tiếp nhận những gì có thể vận dụng ngay cho yêu cầu tồn tại, “hớt lầy”, học ngay, học cho nhanh những gì cần nhất, chưa bao giờ đi đến tận cùng những nền văn hóa đó. Với cách tiếp nhận tức thì, thực dụng và vụ lợi, chúng chưa bao giờ tạo điều kiện đủ để xây dựng được một nề nếp triết học tư tưởng riêng tư và cá thù. Nói cách khác, sự tiếp nhận của chúng ta thiếu triệt để. Phải chăng đó là một chỗ yếu quan trọng của văn hóa Việt Nam, của con người Việt Nam ?

Chưa bao giờ việc tự vấn, xét lại những vấn đề như trên lại cấp thiết bằng lúc này. Để xây dựng. Vận dụng cấp thời như cha ông ta đã làm chỉ đủ để đánh giặc ngoại xâm, nhưng thật là thiếu khi giặc là giặc nội, là một phần trong ta, ý thức được hay không ý thức được. Tôi nghĩ rằng văn học chúng ta hiện nay cần và phải tham gia vào sự tự vấn toàn bộ như đã trình bày. Đương nhiên, nó cũng phải tự vấn chính nó và lịch sử của nó. Rất có thể nó có khả năng xây dựng được chính nó thông qua sự tự vấn này.

- Trong những điều anh vừa trình bày, rõ là có những giả thiết thật lý thú. Sự tự vấn, hay nói chính xác hơn, một cuộc tra vấn toàn bộ, sẽ rất đòi hỏi, cần tính khoa học và đồng thời một công trình tổng hợp những tri thức nhân văn sâu và rộng. Nhân đây, Talawas có nghĩa Ta là Ai? Đây là một diễn đàn đã lên đường làm cuộc tra vấn này ở mức báo chí thông tin. Lạy vua Từ Hải lạy vãi Giác Duyên lạy tiên Thúy Kiều, bói mãi cứ vẫn một câu “đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh”, nên cầu chúc anh và những người chia xẻ cách anh nghĩ, công việc anh làm, cứ chân cứng đá mềm.

- (Mắt sáng lên, hóm hỉnh) Cám ơn anh. Cũng chúc anh như vậy!

- Trước khi chia tay với độc giả, tí nữa tôi quên nhắc, nhà văn Nguyễn Ngọc là tác giả của Đất nước đứng lên (1956), Rẻo cao (1960), Mạch nước ngầm (1961), Rừng xà nu (1965), Đất Quảng (1971), Có một con đường trên biển Đông (2000) và Cát Cháy (2002). Nhưng hiểu con người và đánh giá văn nghiệp không ai bằng Xuân Sách. Ông tai đã nhại nhà thơ Tố Hữu bằng câu «Máu ở chiến trường, hoa ở đây» để nhắc tác phẩm “Việt Nam: Máu và Hoa”, và nhà thơ Chế Lan Viên bằng câu « Ôi ! điều tàn mà chẳng phải điều tàn. Ta đã tính vàng sao từ thuở ấy » để nhớ tác phẩm Điều Tàn. Tôi biết Xuân Sách có làm hai câu về nhà văn Nguyễn Ngọc. Anh có thể cho độc giả Hợp Lưu và anh em cầm bút chia sẻ với anh không ?

- Xuân Sách cho tôi những bốn câu cơ chứ không phải hai, đối với tôi anh ấy quả có ưu ái và đầy thông cảm, pha đôi chút mỉa mai. Nguyên văn như thế này :

Mấy lần Đất nước đứng lên
Đứng lâu cũng mỏi cho nên phải nằm
Hại thay một Mạch nước ngầm
Cuốn phẳng Đất Quảng lẫn Rừng Xà nu!

- Cám ơn nhà văn Nguyễn Ngọc!

Ghi 3-07, Chép 31-07-2003

Nguyễn Ngọc nhuận chỉnh 7-08-2003

Sống lại

Trước mặt căn nhà ẩn trong lõm đất bờ tây kênh Gai, chiếc quan tài bằng gỗ thô nằm trơ trọi trên mặt đất nứt toạc vết chân những con ó vào thuở hồng hoang. Mặt trời lên đỉnh ngọn tre đổ một chảo lửa xuống đầu thế gian. Dưới gốc cây sung, hai con chó thè lưỡi thờ hồng học. Đàn gà chúi vào hàng đậu cạnh giàn mướp, thỉnh thoảng kêu chiêm chiếp. Dưới nắng chang chang, hai người đàn bà ngồi bất động. Người có tuổi, mắt sưng vù, miệng thỉnh thoảng lẩm nhẩm. Người kia còn trẻ, đầu khoảng mười sáu mười bảy, mặt căng cứng, môi mím lại. Chỉ có tiếng đập cánh vo ve của ruồi, của nhặng. Những con ruồi trâu trũi to bằng đầu ngón tay chúc đầu lao vào nắp quan còn đây hồ. Nhặng xanh, bụng chấm trắng, sà xuống những vũng nước vàng nhọt rỉ ra từ khe gỗ, mùi thối hoắc thốc không khí bay lên đâm xộc vào mũi đến nghẹt thở.

Đồ Cữu từ trong nhà bước ra. Đi về phía chiếc quan tài, Cữu chột khựng lại, đưa tay bịt lấy miệng. Ruồi, nhặng vù vù bay tóe lên. Đồ Cữu phẩy tay xua, hấp tấp đi vào, gọi to Văn ơi, Triều ơi. lát sau, Cữu cùng hai đứa con tuổi chạc lên chín lên mười mang ra một chiếc màn tuyn màu cháo lòng. Ba cha con lăm lăm đóng bốn cái cọc, rồi buông màn phủ chiếc quan tài. Đến bên hai người đàn bà, Đồ Cữu trầm giọng :

- Mẹ nó với cháu vào nhà đi. Ngồi nắng thế này thì ốm mất!

Hai người đàn bà vẫn bất động. Đồ Cữu lặng lẽ bước ra cổng, nhìn về phía bãi tha ma. Cách nhà không đầy trăm thước là mộ cha mình. Cạnh lỗ huyệt đã đào sẵn, đất hất lên xung quanh thành mộ, cuốc xèng còn ngổn ngang. Trên trạc cây ổi gần đó, một con chim chào mào cất tiếng riu rít. Nó về đậu ở đấy đã hai ngày, từ khi Cữu nhận cái xác người nằm trước sân và đang đợi phép chôn cất. Hương tuần đi cùng xã trưởng đến căn dặn, quan Tây trên Huyện sẽ về giảng nghiệm, không được chôn ngay, phải đợi. Hết ngày thứ nhất, mùi hôi thối bay từ thôn

Bùi Chu lan ra khắp vùng khiến giáo dân Giáp Đoài đến cầu cứu cha xứ. Người ta khát, xác nổi trên sông Cả, vớt lên đã trương sinh, đến phải hai cái chiếu mới bọc được mang về. Cứ xem như cái áo quan rộng gấp rưỡi khổ thường thì đủ hiểu. Cha xứ cũng bó tay chịu lệnh trên huyện, chỉ làm lễ và cùng giáo dân đọc kinh Vực Sâu, rồi kính Kính Mừng.

Vừa đọc Kính mừng Maria ... thì thốt nhiên mùi hôi thối không bay vào nhà Chung. Đọc đến Đức Mẹ Chúa Trời... là hương thơm tỏa ra từ tượng Đức Mẹ. Cầu cho chúng tôi là kẻ có tội thì con chim chào mào trên trạc ôi bay vào đậu dưới chân tượng. Rồi có một đứa gái đồng trinh thừa với Cha xứ rằng nó đã hứng được một giọt nước mắt nhỏ từ mắt Đức Mẹ lúc giáo dân đồng xưng Amen. Giọt nước mắt trắng tinh đọng lại thành một vì sao bay tít tắp lên trời vào đúng nửa đêm. Bọn trẻ con rêu rao, mỗi vì sao trên trời là một giọt nước mắt Đức Mẹ

*

Bà cụ ngồi trên mô đất bờ kênh. Bên cạnh, một đứa bé tóc để chỏm, quần trắng, áo trắng, đầu buộc một giải khăn sô. Bà cụ gầy gò trong chiếc áo thụng màu vàng tươi, tóc bạc phơ, miệng ngậm như một sợi chỉ chằng ngang khuôn mặt còm cõi, quét trầu đỏ ứa ra màu máu vừa khô. Nắng chói, sáng đến hoa mắt. Hai bà cháu ngồi bên nhau im lặng đưa mắt nhìn về phía chiếc quan tài đã được buông màn phủ quanh. Không một ai để ý đến họ. Trừ Nguyễn Trường Văn. Nó lấy tay che mắt háp háp nhìn lên bờ kênh, ngạc nhiên nhưng chẳng nói gì. Một cánh diều trắng từ cuối trời bay vút lên. Tiếng sáo xa đưa vắng lại, dập diu.

Một đám người nháp nhô đi. Bóng ai đó cao lêu nghêu như chực ngã xuống bờ kênh. Họ đi ngang mô đất, nơi bà cụ và đứa bé ngồi. Bà cụ nhỏ nước bọt. Đứa bé ngược lên nhìn trần trần. Nhưng không một ai có vẻ gì để ý đến họ. Đàng xa, gió bỗng thốc lên xoay tròn. Chiếc màn tuyền trắng phủ quan tài theo gió vờn vào khoảng trống không một điệu múa lạ thường. Ruồi nặng lại cất cánh bay, tiếng đập vo vo điên dại. Hai bà cháu đứng dậy. Lúc ấy mới thấy thằng bé ôm trong tay một con chim. Hình như chào mào, chắc vậy. Hai bà cháu đi theo đám người, chân đạp vào không khí thành những vết bước rói sáng. Nguyễn Trường Văn trở mát, cố nhớ nhưng không nhận hai bà cháu kia là lạ hay quen. Khi một anh lính khố xanh trượt chân loạng choạng sắp ngã, bà cụ chìa cây gậy ra đỡ. Anh lính lấy lại thăng bằng, lảm bảm chửi.

Xế trưa, tiếng phèng la nổi lên đầu xã. Lý Trường đi đầu, theo sau là thầy Thông, vị quan Tây, hai người lính khố đỏ và cuối cùng là đám hương tuần và thầy Lục-sự do quan Huyện phái đến. Cha Xứ cùng thầy Tứ ra đón đoàn người ở đoạn giữa con đê vòng vào bờ kênh nay sắp cạn, nước nhờ nhờ trên lớp bùn trông như máu đang đông lại. Vị quan Tây rút chiếc mùi-xoa ra bịt mũi, mặt nhăn lại, miệng xì xồ với thầy Thông, tay chỉ trở. Căn nhà Đồ Cửu cuối chân đê thấp thoáng sau rặng cây xanh rì. Từ xa, chiếc màn trắng buông quanh áo quan nhìn như một ngôi mộ lát cẩm thạch im lìm dưới nắng. Đàn ruồi, đàn nặng vẫn còn đó, vo ve, bay quanh vạch một vòng tròn, tủa lên rồi văng ra khi đám người sắp gần. Mùi thối lúc một nồng nặc. Vị quan Tây thình lình gập người nôn thốc nôn tháo. Đồ Cửu nghiêng mình chấp tay khế vái. Vị quan Tây lại xì xồ với thầy Thông. Thầy nhìn Đồ Cửu, dịch :

- Ông là cha của Nguyễn Trường Võ?

Đồ Cửu gật đầu. Trên xác chết dạt vào bờ sông Cả, người ta tìm được giấy tùy thân trong túi áo có ghi tên, ghi nơi cư ngụ, mang trình lên huyện trước khi đem về Giáp Đoài. Quan Tây lại xì xồ. Thầy Thông nghe, rồi lại hỏi :

- Ông có biết Nguyễn Trường Võ đi đâu, làm gì và chết ra sao không ?

Đồ Cửu lắc đầu. Quan Tây phát tay. Hai người lính khố đỏ và một anh hương tuần quần khăn bịt mũi bịt mồm đến kéo cửa màn. Đàn ruồi, đàn nhặng lao vào, bu lại. Quan Tây sấp gàn, mặt lại quay đi, nhổ phì phì. Thầy Thông bị quan Tây xô lưng đẩy vào. Nấp áo quan mở ra. Thầy Thông xua tay, vội vã lùi lại, nói xì xồ với quan Tây. Ông ta kêu nhỏ, Oh mon Dieu... ! Con chim chào mào không biết từ đâu bay tới. Nó kêu chúu chúu, chao qua liệng lại khiến ruồi nhặng tản ra, nhưng rồi lại tiếp tục chúi đầu xông vào.

Lúc ấy, người đàn bà đứng tuổi đứng lên. Bà chậm rãi đi từng bước. Đồ Cửu nắm lấy vai bà, nói nhỏ :

- Mẹ nó, đừng !

Bà gạt tay, thốt từng tiếng, giọng lạnh băng :

- Tôi muốn thấy mặt con tôi !

Người con gái nãy giờ ngồi cạnh bà vùng lên chạy ào vào nơi đặt áo quan. Người ta nghe tiếng gào, ối anh ơi là anh ơi, rồi cô ta ngã vật xuống ngất đi. Có tiếng hai đứa trẻ bật miệng khóc ì ì. Cha Xứ làm dấu thánh, ghé vào tai quan Tây nói nhỏ. Quan Tây gạt đầu. Bấy giờ, cái xác chết trôi mới được phép trở về cùng cát bụi.

Bà cụ và đứa bé trên bờ kênh đã đến tận hồi nào, im lặng đứng nhìn từ góc vườn. Nguyễn Trường Văn đến bên đứa bé, hỏi :

- Sao mày lại để đại tang? Có phải bố mày đâu !

Đứa bé ngược mắt, giọng buồn bã :

- Bố tao đấy !

Bà cụ miệng mấp máy, quét trầu ứa thành vệt nhiều xuống cằm, ngửa mặt nói vào thính không :

- Không là bố thì sao lại chết cho chúng mày! Rõ hay...

Vấn ngắt, giọng bực tức :

- Cụ ơi, anh Võ nhà cháu đã bao giờ vợ con gì đâu...

Bà cụ xua tay nắc lên, nghẹn ngào :

- Mày thì biết gì! Có ai biết được...

Đứa bé vùng mình đứng dậy, gào, bố ơi! bố! Nhưng hình như chẳng ai nghe thấy tiếng gào. Tất cả tiếp tục đi, đứng, khóc, lạnh lùng hay nghiêm trang tùy theo vị thế từng người, không có gì đáng ngạc nhiên. Trong ánh nắng mỗi lúc một chói chan, bà cụ và đứa bé nhòa vào sắc cầu vồng từ phía chân trời ngút mắt vạch một vòng bảy sắc trên không. Vấn giụi mắt. Tai vẫn văng vẳng tiếng khóc và tiếng gọi bố, nhưng nó thấy bà cụ và đứa bé nhòa đi rồi lẫn vào những sợi khói bay từ đầu bó nhang ai đó đã cắm trên mặt đất.

Lúc con chào mào cắm đầu lao vào lỗ huyết cùng vỏ đất đầu tiên rào rào rơi trên nắp áo quan

chôn Nguyễn Trường Võ, chớp loé sáng nhòa chân trời. Cha Xứ đồng dạc, ơn Thiên Chúa trên trời, cho sống cho chết, quyền lực vô biên. Tiếng âm ì đục vỡ khoảng không rỗng ra mệnh mang rồi đổ sập xuống. Con giông thổi tốc những vòm cây oi nồng, và chỉ lát sau mưa ào xuống trắng xoá bãi tha ma hiu quạnh. Đò Cừu vượt nước mưa trên mặt, miệng giục lấp đất. Những nhát xẻng vung lên vội vã xối xả. Nhìn Đò Cừu hai tay nhấc lên nắm mồ mới đắp cây thánh giá bằng gỗ sơn trắng, món quà cuối cùng nhà Chung xã Đoài gửi đến một Kitô hữu về nước Chúa, cha Xứ làm dấu thánh rồi chậm rãi bước về phía bà đồ và người con gái còn phủ phục dưới đất.

Người con gái lặn vào quan tài trước khi hạ huyết tên Xoan, con gái út bà Phó, nằng nặc xin với vợ chồng Đò Cừu cho chít khăn để tang người quá cố. Đò Cừu không nỡ nói không, cũng không nỡ nói có, vì hai đứa trẻ dẫu có gấm ghé nhưng đã cưới hỏi gì đâu. Xoan nắm tay ông, khóc :

- Con lạy cha, cha cho con làm vợ anh ấy, sống cũng như chết, nghĩa tử là nghĩa tận.

Bà Phó khẽ gật, mũi sụt sịt, đưa tay lên chùi nước mắt. Đò Cừu chít vành khăn trắng lên đầu Xoan, biết mình vừa chôn đời một đứa con gái. Giọng chua xót, ông thở dài :

- Từ nay, con là dâu nhà này!

Xoan sụp xuống lạy. Bà đồ ôm Xoan đỡ dậy, vẫn không một lời, mắt nhìn trừng trừng vào lỗ huyết.

*

Sau khi chôn cất Võ, bà đồ kiệt sức, nằm liệt giường liệt chiếu. Đò Cừu đau đớn trong bụng nhưng bề ngoài bình tĩnh tiếp những người đến viếng. Có kẻ phao lên Võ rủ đồng bọn đi ăn cướp. Có người đồn rằng Võ đã nổi nghĩa quân đánh giặc xâm lăng. Xã Nghi Diên chia làm hai phe, phe nào cũng có chứng cứ, nhưng không một ai cậy được rằng Đò Cừu. Cừu lạnh lùng nhắc lại chỉ một câu, tôi không biết!

Ba ngày sau, Xoan xin phép đáo qua nhà mình thu xếp rồi về làm dâu để trọn phận vợ góa của cái xác chết đã vùi sâu chôn chặt. Người xấu miệng trong xã thì thảo, con bé nó có chữa, thà là lấy người chết còn hơn là bị gọt đầu bôi vôi. Xoan nghe, nhếch miệng cười khinh, không hé răng. Chỉ khi bà đồ hỏi, Xoan mới lẳng lặng lắc đầu, nước mắt ứa ra. Bà đồ nắm tay Xoan thủ thỉ:

- Mẹ mất đứa con trai, nhưng ơn Chúa, lại được đứa con dâu. Chỉ có điều là thương cho con chẳng được như vợ như chồng người ta. Con như con gái thày mẹ, ở đây được lúc nào thì ở, khi muốn về nhà mẹ con, con cứ về...Sau này dẫu có thế nào...thì con vẫn cứ là con gái nhà họ Nguyễn này!

Nghe câu ... sau này dẫu có thế nào, Xoan động lòng ứa nước mắt. Dẫu chẳng sắc nước hương trời nhưng nàng cũng xinh đẹp, lại hát dặm nổi tiếng khắp một huyện Hưng Nguyên, cứ lẽ thường thì chẳng có lý gì để nàng suốt một đời phải chung thủy tiết trinh với một cái bóng ma. Nhưng ai nào biết sự bí mật chỉ có Võ chia sẻ với nàng. Nắm tay bà đồ, Xoan thưa:

- Con đã phát nguyện với Đức Mẹ là suốt đời con chỉ có anh con là chồng...Mẹ đừng suy nghĩ chi thêm cho nhọc lòng cả mẹ lẫn con...

Nàng trầm nghĩ, bố công trang điểm má hồng răng đen cũng có năm bảy đường. Đêm đêm nàng nằm trên chiếc trống xưa Võ đã từng nằm, gối trên chiếc gối Võ đã từng gối, đắp tấm chăn đơn Võ đã từng đắp. Nghe tiếng mọt kẹt, áp mặt tìm hơi, Xoan thiếp đi, và Võ vẫn đó, ôm ấp vuốt ve, thì thầm to nhỏ với nàng những câu hát đêm nao. Cái đêm hôm ấy là đêm hai đứa trốn ra bờ kênh Sắt, trước ngày Võ lên đường vào Vinh. Cái đêm hôm ấy chớm Thu, gió se se lạnh mơn trớn tạo vật dưới ánh trăng non lấp lánh giải lên những thửa ruộng mạ mới trở màu xanh mơ huyền ảo. Nhìn vào mắt Xoan, Võ âu yếm, Trăng vàng trắng bạc trên cao, hỏi em biết ánh trăng nào của em? Khúc khích cười, Xoan lẳng lơ, đôi, Trăng nào chẳng mọc về đêm. Xin chàng mở cửa em đem trăng vào. Võ lẳng lơ ôm lấy vai Xoan. Cuối tầm mắt là nghĩa địa xã Đoài, ánh lân tinh yếu ớt chập chờn bay lượn trên những nấm mồ nhấp nhô những linh hồn còn thao thức. Xoan thở dài "anh đi Tết mới lại về nhỉ?" Võ không đáp, tay ghì lấy Xoan. Nhìn lơ đãng lên trời, Xoan hỏi "Học xong anh làm gì?". Võ ngơ ngàng. Cũng câu hỏi này, bạn chí thiết của Võ là Nguyễn Hữu Loan cũng đã đặt ra cho cả hai người hè vừa qua. Làm gì? Thành ông Thông, ông Phán? Tệ hơn, ông Ký ga xe lửa? Chẳng nhẽ tương lai lũ chúng mình, Hữu Loan than, lại chỉ là làm đầy tớ cho người ta sai, thứ đầy tớ cao cấp! Võ thở dài "anh cũng chưa biết. Xoan muốn anh làm gì?" Lắc đầu, Xoan bảo anh muốn làm gì thì làm, cứ gần anh là đủ. Nắm tay Võ, nàng đưa lên miệng, hôn dịu dàng rồi hé răng cắn nhẹ vào đầu những ngón tay Võ sần sùi mạnh bạo. Võ xoay người Xoan, nhìn vào khuôn mặt nàng sáng lên dưới ánh trăng, tay vuốt lên bờ môi. Xoan ngả đầu rúc vào lòng Võ, mặc cho Võ thò tay giựt giải yếm, mân mê hai đầu vú căng mọng, cong lên, rung từng chập, nung nức sức sống chỉ chực bật ra ngoài thân xác. Người Xoan nóng như thiêu, đang biến thành chất lỏng, thứ chất từ mọi lỗ châu thân ứa ra, bốc lên thoang thoang một mùi hương hoi nồng như mùi sữa. Không kìm lại được, Xoan cất tiếng rên, ôm nghiêng lấy đầu Võ kéo. Ngoạm vào bầu vú Xoan, Võ mơn trớn, há mồm áp vào bú, như một đứa trẻ thơ tìm thấy sữa nguồn, sữa nuôi nấng, sữa mến yêu biến cái thế giới đơn lẻ thành đôi, thành lứa.

Bây giờ, lạ Chúa lòng lành, Võ vẫn đấy. Trong chăn gối có hơi có mùi Võ, chàng vẫn đêm đêm ngậm đầu vú Xoan, vẫn vuốt ve, vẫn thầm thì những câu hát dậm, những lời yêu thương. Xoan vẫn biến thành chất lỏng bốc mùi sữa thần tiên, tiếp tục hưởng ân phúc của một thứ khoái lạc huyền diệu không cần một Võ bằng da bằng thịt, nhưng chỉ một Võ trong tâm tưởng của Xoan là đủ.

Bà đồ cất tiếng ho khan. Xoan vội vàng rót nước bưng lại. Bà nhấp, dần cơn ho, nói :

- Xoan này, bà Phó mẹ con cũng có tuổi. Lúc nào con muốn thì con cứ về thăm nom mẹ con, con nhé...Mà lạ lắm cơ, đêm hôm kia mẹ mơ thấy thằng Võ. Nó có vẻ vui lắm, chẳng buồn rầu chút nào! Thế là sao, hả?

Xoan không trả lời, bụng nghĩ, thì đêm nào anh ấy chả về với con. Và đêm nào con cũng làm vợ anh ấy, cũng chuyện lứa đôi, có khác gì như với một người đang sống.

Nhận trật huyện đòi, sáng sớm Đồ Cửu cùng Văn lên đường. Đến quá Ngọ, hai cha con mới đến công đường huyện Hưng Nguyên. Quan huyện, vốn cũng là lớp khoa bảng xứ Nghệ, gọi Đồ Cửu vào. Nhìn Đồ Cửu vái chào, quan huyện phát tay, gần giọng :

- Bác có biết con bác nó làm gì không?

Đồ Cửu lắc đầu.

- Nó cầm đầu một bọn đầu trâu mặt ngựa, cướp đồn Nam Đàn, giết chết quan đội Tây Lama và ông Cai...

Đồ Cửu vẫn im lặng. Quan huyện vỗ án:

- Tôi với bác vốn tình đồng môn, cùng đeo đuổi chữ nghĩa Thánh hiền, nên nể tình mới nói thẳng với bác, tội này là tội trọng, liên lụy đến cả gia đình... Trên Nam Đàn, người ta đã thu thập chứng cứ, không chối vào đâu được!

Đồ Cửu chấp tay, trầm tĩnh:

- Bẩm quan lớn, con dại cái mang đã đành. Nhưng điều duy nhất tôi biết, là xác con tôi trôi sông, huyện cho mang về chôn cất. Còn nó làm gì, chết thế nào, tôi không hay biết gì hết...

Quan huyện chia ra một mảnh giấy cho Đồ Cửu. Đồ Cửu chăm chú nhìn, đưa lại, thủng thính:

- Tờ truyền đơn này hô hào quang phục đất nước của Tân Việt đảng thì dính dính gì đến con tôi?

- Con bác làm giặc!

- Làm sao tôi biết được. Chứng cứ thế nào, bẩm quan lớn?

Quan huyện cười nhạt vẩy tay. Một người mặc áo dài, đầu đội khăn, vội vàng tiến đến bên, đầu ghé xuống nghe quan huyện dặn dò. Đứng lên, quan huyện đi ngang Đồ Cửu, ngừng lại quát:

- Cứ thế nào thì khai cho thật, sẽ có cơ mà giảm khinh, nghe chưa!

Đồ Cửu ngược lên, thấy Quan huyện mắt nhấp nháy, miệng hừ một tiếng đủ to để mọi người nghe, rồi quay quả đi thẳng.

Thầy Ký lục khăn đóng áo dài lúc đó mới vẫy Đồ Cửu. Theo chân thầy, Đồ Cửu lảng lạng bước, hai bên là hai tên lính khố xanh. Đi qua một khoảnh sân, họ tới giã nhà nơi tạm giam bọn trộm cắp bị bắt. Đẩy Đồ Cửu vào một căn phòng khá rộng, thầy Ký bảo Đồ Cửu ngồi đợi. lát sau, thầy ra với một cụ đàn bà và một người đàn ông mặt mũi tái nhợt, tay cứ đưa lên đầu gãi tai. Thầy gọi. Người đàn bà bước đến trước mặt.

- Nhà chị có mặt ở tại Nam Đàn ngày giặc đến cướp không?

Người đàn bà gật đầu.

- Bọn chúng nó độ bao nhiêu người?

- Bẩm thầy, đông lắm, dễ đến năm, bảy chục.

- Hừ, chị có biết thằng nào là thằng cầm đầu không?

- Dạ có... Cái thằng cao lớn có râu, tay sách mã tấu.

- Tên nó là gì?

- Bẩm thầy, là Võ ?

- Sao nhà chị biết là Võ...

Người đàn bà lúm lét nhìn người đàn ông mặt tái nhợt, lí nhí :

- Dạ, nhà cháu nghe loáng thoáng người ta bảo thế...

Thầy Ký quay sang người đàn ông:

- Còn nhà anh, anh là nghĩa dũng Nam Đàn, lại là người xã Đoài, anh biết mặt Nguyễn Trường Võ?

Người đàn ông gật rồi đưa tay lên gãi tai. Đồ Cửu nhận ra đó là thằng Chắt, con nhà Cả Hoạ ở cuối xã. Thầy Ký hỏi tiếp:

- Máy hôm giặc cướp trại, anh ở đâu?

- Bẩm thầy, nhà cháu ở Nam Đàn...

- Lúc trại bị giặc đến cướp, anh có trong trại không?

- Dạ bẩm thầy, không!

- Ba ngày trại bị giặc chiếm, anh có vào trại không?

- Dạ bẩm không, nhà cháu sợ lụy, dám đâu héo lánh...

- Hừm... thế làm sao anh lại bảo Võ làm giặc, thậm chí Võ là thủ lĩnh bọn giặc?

Người đàn ông tay xoa vào nhau, miệng lí nhí điều gì không ai nghe hiểu. Thầy Ký vuốt ria mép, hắng giọng:

- Nhà anh biết Võ làm giặc, sao không báo cho Huyện biết ngay mà lại đợi đến mười hôm sau khi có cái xác trôi sông kéo vào bờ, biết là xác Nguyễn Trường Võ rồi, thì nhà anh mới đến Huyện khai bẩm? Có phải vì cái khoản hai mươi đồng tiền thưởng không?

Người đàn ông đưa tay gãi đầu :

- Bẩm thầy, nhà cháu thề, trên có trời dưới có đất chứng giám cho, là...

Thầy Ký quát ngang:

- Thôi, thề bồi làm gì ! Đừng làm mất thời giờ nữa ! Thế nhà anh có tận mặt thấy Nguyễn Trường Võ giết Quan đội Lama và ông Cai không?

Người đàn ông lắc đầu. Trùng mắt, thầy Ký ra lệnh phạt những kẻ cáo gian mỗi người mười hèo. Người đàn bà lúc đó mới nước mắt nước mũi, tay xĩa xói vào mặt người đàn ông, tru tréo:

- Mà lại xui dại xui khôn làm khổ bà rồi...

Đồ Cửu dắt con ra khỏi công trường như một cái bóng. Trên đường về, khi hai cha con đi đến bờ đê sông Cả thì một người xưng là người nhà của Quan huyện đã đứng chờ. Người ấy cúi chào, tay đưa lên một cái gói, miệng thưa:

- Đây là quà của bà nhà con gửi bà nhà, trong cái lúc tang ma này!

Đêm hôm ấy, trời oi như chực mưa, không mây không gió. Trăng tù mù hơi nước phủ xuống xã Đoài một màu vàng nhợt nhạt. Đầu giờ Tuất, tiếng chó sủa lâu lâu quấy phá cái tịch mịch khuya khoắt. Gian bên cạnh, hai thằng bé đã ngủ yên. Đồ Cửu trần trọc, vén mùng quơ tay tìm điều cày, châm thuốc rít sòng sọc. Nhìn hai thằng bé, Đồ Cửu thầm nhủ, chúng là em, nhưng hoàn toàn không giống Võ, cả tính tình lẫn nhân dạng. Võ cao, ngực nở, vai bè ra như vai lực điền. Mặt xương hình chữ điền, Võ mỗi khi nói là hai mắt xéch lên, và khi gặp điều gì phải tranh cãi thì quai hàm bạnh ra, thái dương nổi gân máu, mũi phồng lên, tay nắm lại. Bóp trán, Đồ Cửu nhắm mắt hồi tưởng lại lần cuối hai cha con gặp nhau. Đó là dạo trước Tết, Võ về nhà sau vụ biểu tình 3; Vinh dịp tang lễ Tây Hồ, hiệu của Phan Châu Trinh, người Tam Kỳ, đỗ phó bảng năm Tân Sửu. Nhà nước bảo hộ đã không ngần ngại hạ lệnh bắn vào đám học sinh, sau bắt giam những kẻ cầm đầu, và rồi đui học một số người tham gia cuộc biểu tình. Chỉ nhìn bộ dạng Võ, Đồ Cửu đoán được những thôi thúc trong lòng con. Võ đi đi lại lại, khi cau có, lúc trầm ngâm, nhìn xa xôi về phía giải núi xanh lơ cuối tầm mắt. Đồ Cửu nhỏ nhẹ hỏi:

- Anh định thôi học đấy à?

Không ngờ cha đoán được tâm ý mình, Võ ngớ ngàng, tránh không nhìn cha. Mái tóc chớm bạc, những nét nhăn đui con mắt kéo dài ra, Đồ Cửu với tay lấy xe điều, lẳng lặng về thuốc bỏ vào nỏ, châm đóm. Chiều một ngụm trà, Đồ Cửu chậm rãi:

- Anh biết đấy, bác San bị bắt ở Thượng Hải, nay đang bị Tây nó quản thúc ở Huế. Kinh nghiệm cụ Phan Đình Phùng, cụ Đề Thám cho thấy rõ chuyện tự lực đậy quân chống Pháp không thể thành công nên bác mới bôn ba đông du để cầu viện. Rút cục cả Nhật Bản lẫn Trung Hoa đều kiêu nói trăm voi nhưng chẳng có lấy một bát nước sáo...

San là tên tục của Phan Bội Châu, hiệu Sào Nam, đậu Giải Nguyên năm Canh Tý, tác giả của Lưu Cầu huyết lệ tân thư vang vọng một thời, bằng hữu thường gọi là Giải San. Cũng xứ Nghệ, Giải San là bạn Đồ Cửu từ thuở thiếu niên, chung việc sách đèn và nhất là cùng đam mê hát ví, hát dặm. Theo gương cha là Nguyễn Trường Tộ, Cửu không đi thi, học thông chữ Pháp và Latin với các linh mục Kitô nhưng đồng thời cũng trau dồi kinh sử và nổi tiếng là chữ nghĩa thâm sâu. Khi San khởi sự soạn sách Ám Xã, phổ biến việc lập hội kín, lấy đấu tranh vũ trang là chính để đòi độc lập thì liên lạc giữa San và Cửu thưa thớt dần. Cửu gần gũi với phương sách Minh Xã của Phan Châu Trinh. Trinh cho rằng con đường bạo động Cần Vương vừa thiếu thực tế vừa lại lỗi thời. Đề xướng "chấn dân khí, hưng dân trí, hậu dân sinh", Trinh lập Đông Kinh Nghĩa Thục, chủ trương đấu tranh hợp pháp, đòi hỏi cải cách từng bước dân trí dân sinh. Từ quan trọng triều đình Huế, Trinh ra lập hội, xuất bản báo cổ động canh tân. Sau vụ dân biến ở Trung kỳ năm 1908, Trinh bị kết tội đã xúi giục chống phá nhà nước Bảo Hộ và bị đày ra Côn Đảo. Nhờ sự can thiệp của những người Pháp trong Liên Minh Nhân Quyền, ông được trả tự do. Sang Pháp năm 1911, Trinh cùng Phan văn Trường làm hết kiến nghị này sang kiến nghị khác gửi Chính phủ Bảo Hộ, Nội Các và Quốc Hội Pháp... Thành lập hội Đồng Bào Thân Ái tại Paris, Trinh tiếp tục đấu tranh đòi độc lập, giải ách nô lệ thực dân qua đấu tranh chính trị và ngoại giao, rồi lại bị bắt cầm tù ở Pháp. Được thả, Trinh về nước năm 1925, chỉ tháng sau thì chết. Đám tang Phan Châu Trinh được những người yêu nước tổ chức từ Nam

chí Bắc, đặc biệt là trong những trường Trung học thuộc địa, trong đó có trường Vinh.

Không thấy Võ có thái độ gì, Đồ Cửu hạ giọng:

- Trước khi anh thấy phải lấy một quyết định trọng hệ như chuyện thôi học cha vừa nói, cha chỉ xin anh một điều cho cha vui lòng...

Võ ngược lên, vẫn giữ vẻ làm lì, chờ đợi. Đồ Cửu vươn tay với bát nước chè xanh, đưa lên miệng uống, rồi rành rọt:

- Cha cùng anh vào Kinh thăm bác Giải San. Anh hầu chuyện bác và cha, nghe được cái gì thì nghe, hiểu được cái gì thì hiểu!

Hai cha con Đồ Cửu vào Huế. Viện tinh đồng học và đồng hương, Đồ Cửu xin đến thăm Giải San, phải đợi suốt một tuần mới được phép. Lúc ấy, Giải San bị quản thúc trong một căn nhà ba gian trên bến Ngự, trông già hắc đĩ, tóc bạc, râu cũng bạc, mắt hấp háy sau tròng kính trắng. Nhìn bạn, Đồ Cửu trạnh lòng. Niềm thương mến và cảm phục khiến Đồ Cửu quên cái tình thế có mặt thám kềm kẹp, ôm lấy bạn, nghẹn ngào :

- Bác còn đây là tôi mừng lắm! Đây Giải San lùi lại, Đồ Cửu ngấm rồi thốt – Người còn, tóc bạc, cái râu bạc...

Giải San cười xòa, đối :

- Chí giữ, đèn xanh, sông núi xanh.

Cuộc hàn huyên vui vẻ diễn ra dưới mắt một nhân viên mật thám được phái đến canh chừng. Giải San làm như hắc không có đấy, nhìn Võ, cười :

- Trưởng nam nhà họ Nguyễn ở Giáp Đoài đầy phỏng?

Cửu đáp thay con :

- Ngày bác đi, nó chưa sanh! Vù một cái, nó sắp trưởng thành, đến chào bác, nhân dịp học hỏi mong nên người.

Giọng có chớm buồn, Giải San đáp :

- Con chim già gãy cánh, làm sao dạy cho con chim non bay?

Võ cúi đầu, chấp tay thưa :

- Bẩm bác, chim bay là do tự nhiên truyền giống. Vả lại, tiếng đập cánh của con chim đầu đàn vẫn quạt gió thổi mây, xin bác chớ bận lòng...

Mím cười, Giải San ngó chăm chăm vào mặt Võ, thốt :

- Nếu tre già mà có ngay măng mọc thì có gì phải lo. Chỉ sợ lệch đường chim bay, định một đàng lại về một nẻo.

Suốt ngày hôm đó Đồ Cửu và Giải San chuyện trò không mệt. Thì ra Đồ Cửu khi xưa có đôi

chút hiểu lầm. Chính San đã lo cho Phan Châu Trinh đi Nhật, phối hợp với nhau rằng một mặt San cứ tìm sách giải phóng bằng võ trang bạo động, mặt kia Trinh tiếp tục hô hào đòi cải cách dân trí dân sinh. Không đứng trong cùng một tổ chức, hai bên mở hai mặt trận, tùy trường hợp mà hành động, gặp thời cơ thì phối hợp với nhau. Giải San cho biết kết hợp đấu tranh chính trị và võ trang để giải phóng những dân tộc nhược tiểu bị áp bức hiện được Đế Tam Quốc Tế Cộng Sản ủng hộ và hỗ trợ. Đồ Cửu hỏi:

- Nhưng hỗ trợ như thế thì với điều kiện gì?

San đáp :

- Thì người ta bảo...theo tinh thần Quốc Tế Vô Sản, làm Cách Mạng Thế Giới, đưa mọi xã hội lên Đại Đồng...

Giải San nói là duy vật trong quá trình lịch sử, San bảo vận động xã hội qua hình thái đấu tranh giai cấp là tất yếu. là sẽ cải tạo tới gốc rễ tập hợp những quan hệ sản xuất. Cùng thời cơ ấy, mắt sáng lên, San nắm tay, ta lợi dụng để giành độc lập và giải phóng dân tộc khỏi cái ách thực dân. Đồ Cửu lắng nghe luận thuyết đấu tranh giai cấp cho đến khi Giải San nói về vai trò tiên phong của công nhân mới buột miệng:

- Nước ta làm gì có giai cấp công nhân? Muốn có, phải qua giai đoạn tư bản, có sản xuất công nghiệp, thì mới đúng lý thuyết chứ!

Giải San chép miệng, giọng vỗ vĩa:

- Đành rằng thế...Nhưng muốn giành độc lập mà chỉ tự lực thì không xong. Đồng minh ta là những ai ? Quốc tế hóa cuộc đấu tranh giành độc lập là cần thiết. Hiện chỉ có Đế tam Quốc Tế là có đường lối rõ rệt ủng hộ những nước bị áp bức. Hội Á-tế-Á nhằm tập hợp người Nhật và người Tàu tiến bộ để gây thế liên hoàn ý dúc để cùng nhau đui bọn Tây dương, vận hội đã có cơ khai mở...Thở nhẹ, San nói như than - ... thời gian cứ qua, mà tôi thì già mất rồi ! Một đời tôi bương trải cũng chỉ vì độc lập. Rã họng cầu viện Đông Kinh rồi Trùng Khánh mà nào có xong, nay hai thứ tóc trên đầu, chỉ biết trông mong vào đám trẻ...

Giải San im lặng, tay với ly nước, nhìn ra khu vườn ngập nắng rồi lẩm bẫm :

- Nay thân mình vào vòng cầm tũa, và Tây Hồ thì đã lia cái cối này, để lại bao nhiêu dang dở. Giờ này tôi chỉ còn biết kêu, biết gào cho cái nền độc lập có lẽ tôi chẳng bao giờ thấy được.

Đồ Cửu nhìn người bạn già đã suốt một đời bôn ba nhưng chí chẳng thành, lòng chùng xuống, nhẹ nhàng:

- Nhưng thế nào là độc lập? Ngày nay, cái xu thế tương quan trên thế giới này đã trở nên một hiện thực không chối cãi được. Độc lập không phải là co mình bẻ quan tòa cảng như thời Minh Mạng, Tự Đức...

Khoát tay, San chặn, giọng chùng như mất điềm tĩnh:

- Giành độc lập trước mắt là giành quyền làm chủ để không bị bọn thực dân bóc lột và sai khiến như nô lệ...

- Đã đành, nhưng giành rồi thì phải giữ độc lập. Giữ được, phải có kiến thức, có kỹ thuật tân

tiến ...nghĩa là phải mạnh lên và cố mà bắt cho kịp những kẻ có khả năng xâm lăng ta. Ta yếu, ta lại là thứ mồi ngon cho chúng. Vì thế, vừa đấu tranh giành độc lập, ta phải cùng một lúc chấn hưng dân trí. Đưa dân trí lên theo chiều hướng nào và dự phóng một xã hội tương lai ra sao là điều kiện đủ để cuộc đấu tranh giành độc lập có ý nghĩa. Nói cho cùng, đây là một cuộc chiến văn hóa. Chiến trường là nơi cọ xát giữa những giá trị phương Đông và phương Tây. Thắng hay thua tùy vào con người sau cuộc chiến này sẽ định hình thế nào, và làm người ra sao!

- Điều này, Phan Châu Trinh đã nói hết rồi! Giải San bực bội ngắt.

Đồ Cửu cười, thủng thỉnh:

- Có nói thì thật, nhưng nói chưa hết, và có những luận điểm đáng bàn. Chẳng hạn Tây Hồ hô hào «chấn dân khí, hưng dân trí, hậu dân sinh». Nói thế thì chẳng duy vật chút nào nên để dân sinh xuống cuối cùng. Tôi thiết nghĩ, phải để « tiền dân sinh, hưng dân trí», và có thế thì ắt sẽ chấn dân khí. Người ta đã chôn Tây Hồ - Đồ Cửu nhìn Võ - và giờ đây là lúc phải có thêm năm, bảy Tây Hồ khác!

Hiểu cha muốn biết ý mình, Võ bậm môi, thưa :

- Bẩm bác, thưa cha... nhưng vẫn cần thêm những tiếng bom Sa Điện, và hàng chục hàng trăm Phạm Hồng Thái để khơi dậy hồn thiêng sông núi, đánh thức lương tri, và chấn động tim gan những kẻ lang chạ đánh đĩ với quân ngoại xâm!

Nhìn Võ, Đồ Cửu lặng thính, biết mình không thay đổi được ý con. Giải San hướng về phía Võ, khuôn mặt thoáng lên ánh hả hê. Ngưng mặt nhìn trời, Đồ Cửu buồn bã, hỏi Võ:

- Cứ cho là các anh giành độc lập và đánh đuổi được bọn thực dân đi. Nhưng sau đấy, các anh tạo ra gì? Một ông vua mới ? Một Triều đình mới và các ông quan tân thời? Hay một xã hội mới ? Dân ta đa phần là nông dân. Các anh mang lại được gì cho những người chân lấm tay bùn, đó mới là vấn đề!

Võ im lặng. Nhưng câu cha hỏi vang vọng trong tâm hồn Võ suốt một đời.

Đồ Cửu thính linh bị tiếng mõ đánh thức giữa đêm. Nghe tiếng chân rậm rịch bên ngoài, Đồ Cửu bật dậy. Bà đồ ở gian bên chằm ngọn đèn lạc, lục đục khước chân tìm guốc. Chó trong xã tru lên sủa, rồi tiếng gõ cửa. Mở ra, đám lính khố xanh lố nhố đứng. Cai Thìn bước lên chào Đồ Cửu rồi hỏi:

- Thày có nghe tiếng động tịnh gì không? Bọn phiến hình như có đưa về xã ta!

Nhìn Đồ Cửu lắc đầu, cai Thìn vái, tay vẫy lính tiếp tục cuộc lùng sục. Chó ở cuối thôn kêu ăng ẳng lẫn tiếng chân người. Dăm ba ngọn đèn lạc thấp lên, và lúc trăng chênh chếch quá đầu, đám lính và hương tuần kéo nhau trở về điểm canh. Bà đồ đun nước, bóng in lên vách đất còm xuống mang nặng nỗi đau của người mẹ vừa mất con. Bà thở dài, nhón một nhúm trà bỏ vào tích nước. Đồ Cửu im lặng nhìn vợ, khẽ bảo, "mẹ nó đi nằm đi". Ông vừa dứt lời, bà đồ bưng mặt, ảm ức. "Mẹ nó khéo lại đánh thức hai đứa bé đấy", Đồ Cửu thốt lên, buồn bã. Hai vợ chồng ngồi, không ai nhìn ai cho đến lúc tờ mờ sáng.

Khi gà đầu ô cất tiếng gáy, thày Sáu ở nhà Chung đến gõ cửa. Cha Xứ nhấc mời Đồ Cửu lên

ăn cơm trưa. Thầy Sáu tần ngần :

- Chúng sinh gửi lời chia buồn cùng gia đình, và đã cùng nhau cầu nguyện cho người được về nước Chúa.

Đồ Cửu lên đường đến nhà Chung khi mặt trời vừa cao quá hai sào. Chân bước, Cửu ngẫm nghĩ, tai ương sẽ còn nhiều. Thực dân áp bức, bóc lột phu phen, chăm chăm cướp đoạt tài nguyên, lại hồng hách khinh thị đám nhà nho thất thế. Giải San trương ngọn cờ Cần Vương, phò Cường Để cốt để cầu ngoại viện từ Nhật Bản, thất bại nên phải quay sang cậy cạnh Trung Hoa. Nhưng chẳng phải Giải San muốn hưng chấn chế độ quân chủ. Chính Đồ Cửu là kẻ đã chép lại sách của Rousseau, của Montesquieu do ông mình là Nguyễn Quốc Thư dịch từ thời Minh Mạng cho Giải San đọc trước khi Tân Thư được phổ biến bên Trung Hoa thời Cách Mạng Tân Hợi. Và chính Giải San đã chuyển lại những sách ấy cho Phan Tây Hồ rồi mới bôn ba qua Nhật hơn hai mươi năm trước. Qua chuyến đi thăm Giải San ở bến Ngự, Đồ Cửu hiểu San và Trình lập hai mặt trận theo thế ý dốc, bổ túc tương trợ cho nhau. Nay, San bị quản chế, như con chim bay trong ba gian nhà bên dòng sông Hương. Còn giấc mơ hoà hoãn nhằm tạo thời cơ để cải cách dân trí dân sinh thì phải chăng đã đóng quan hạ huyết hệt như khi người ta mới đây lấp đất chôn Tây Hồ?

Đồ Cửu ngược mắt nhìn lên đám mây trắng lững lờ trong bầu trời trơ lì phăng phắc gió. Chúa ơi, kẻ tôi Chúa đây đã già mất rồi mà bao nhiêu chuyện còn dang dở. Làm thế nào cho tư tưởng dân quyền bám rễ vào cái xã hội An Nam nghìn năm nay bị tam cương, ngũ thường ngấm vào đến xương đến tủy? Tề Nhân Thế Đạo, cuốn sách cổ tổ Cửu là Nguyễn Trọng Thức thời Tây Sơn khởi biên, đến Quốc Thư thì sao chép thêm một ít về tinh thần luật pháp theo Montesquieu, và sau này, cha Cửu không biết vì lẽ gì không tiếp tục. Tề Nhân, là ai cũng như ai. Chỉ nói thế, mấy người nghe cho thủng khi họ mở miệng ra là quân – sư – phụ. Cổ tổ kể lại, khi người Tây Dương phẩm bình, họ cho rằng xã hội An Nam chỉ là một bầy cừu có thứ bậc ! Bây giờ, phá cái thứ bậc đó từ cơ sở nào và từ đâu? Phá gia đình? Không! Phá là phá cái tinh thần gia trưởng, áp đặt từ trên xuống dưới, không cho bất cứ ai có suy nghĩ tự do nói lên được những điều mình suy nghĩ. Phá làng, phá xã? Không! Phá là phá cái cơ cấu chức quyền, mua sắc bán phẩm, tạo ra một lũ cường hào ác bá với những thứ lệ làng chỉ nhằm nô dịch hóa con người. Và đồng thời, vừa phá những thứ truyền thống hủ lậu cản bước tiến thủ, vừa lại phải đánh đuổi thực dân. Đây là những kẻ thù khôn ngoan, chẳng những chúng trì giữ mà còn khuyến khích khuyếch lên những điều hủ hậu kia. Chúng khiến chỉ ta giải phóng ta thoát khỏi hủ lậu đã khó. Nói chi đến khả năng ta đánh đổ chúng, là bọn thực dân có quân đội, có kỹ thuật, nắm kinh tế, tài nguyên, và nay tìm cách nắm cả văn hóa. Dồn ta vào cái thế “ông Nghè, ông Cống cũng nằm co” để cho bọn thất phu nay dưới sân “ngổng đầu rồng” khi trong bếp “bà đầm cong đít vịt”, bọn xâm lăng đã tước sạch vai trò và địa vị của tầng lớp cựu học. Nay, chúng dẹp thi cử, bỏ chữ Hán thay bằng chữ quốc ngữ, lớp cựu trào mất luôn khả năng tri thức, không còn mảy may ảnh hưởng gì đến lũ con em trong tương lai. Và xã hội đang hình thành một tầng lớp tân học từng bước chặt đứt với quá khứ. Nhưng họ đi đâu? Họ về đâu?

Lính Tây đã nổ súng gây thương tích cho đám học sinh trường Vinh trong tang lễ Tây Hồ, sau lại lũng bắt bỏ tù một số. Nhìn ánh lửa toé lên trong mắt Võ thuở đó, Đồ Cửu biết con mình và những kẻ đồng trang lứa đã bị đẩy đến chân tường. Câu hỏi Cửu đặt ra dạo nọ ở nhà Giải San, Võ không trả lời được ngay, nhưng sau Võ thừa, bây giờ là lúc phải hành động. Đồ Cửu hiểu Võ nói gì. Có mặt Giải San, Cửu hỏi theo lẽ đúng sai, bao nhiêu phần trăm đúng thì hành động. Bao nhiêu phần trăm sai thì chờ, sửa soạn và đợi thời. Võ nghiêng rằng, năm mươi phần trăm đúng là đủ để hành động. Nghe con nói, Đồ Cửu chua xót than, đại sự chứ có phải là chuyện may rủi đâu ! Cứ sai ba mươi phần trăm mà làm, thì chỉ là manh động!

Đến thềm nhà Chung lúc nào không hay, Đồ Cửu vượt lại áo, sửa lại khăn rồi đi về phía Chung viện. Cha Xứ nắm tay, lôi vào, vui ra mặt. Đồ Cửu đang ngạc nhiên thì Cha bảo, vào đây cơm trưa nhé. Đồ Cửu xuống tầng hầm, cha mở cửa một căn phòng. Trên chiếc bàn con, một mâm cơm với hai cái bát, hai đôi đũa. Cha bật lửa, châm đèn. Ở góc phòng, một thanh niên đứng dậy. Anh ta bước lại, giọng nghẹn ngào :

- Bẩm cha, con đây !

Lúc đó, cha Xứ khép cửa phòng đi lên tầng trên, bỏ lại đằng sau một tiếng cười.

Đồ Cửu giụi mắt, miệng há hốc :

- Võ đây à ! Cha cứ tưởng... Lạy Chúa tôi danh hằng cả sáng. Thì ra...

Nắm bàn tay gầy guộc của cha, Võ thì thào :

- Cha với mẹ tha tội cho con làm cha mẹ phải đau lòng. Nhưng con chẳng thể làm gì khác được!

Ôm lấy Võ, Đồ Cửu nghẹn ngào, sờ sờ nắn nắn như xem có phải thật là Võ hay không. Đúng, đúng là Võ, máu thịt của mình mà Cửu ngỡ đã thành nắm xương chôn cạnh mộ cha mình trong nghĩa địa xã Đoài. Hai cha con kéo nhau ngồi xuống. Đồ Cửu bảo, anh kể đi, kể cho cha nghe làm thế nào anh sống lại được thế này!

Trận đánh chiếm trại lính Nam Đàn, Võ kể, dễ như một trò đùa. Đám Nghĩa quân Tân Việt đang vận động cho trận đánh có ba mươi người, trang bị bằng một khẩu súng lục Mo-gie và bốn viên đạn. Đồn Nam Đàn nằm cạnh sông Cả do một trung đội lính khố đỏ trấn đóng, dưới quyền chỉ huy của Trung sĩ người Pháp tên là Lamarre. Quan đội Lama, theo cách gọi của lính, lấy vợ An Nam, có một đứa con gái mới chập chững biết đi, rất thích rượu và đàn bà, nhất là vào giờ nghỉ trưa, quan gọi là giờ siết (sieste). Vào giờ đó, quan cấm không được ai quấy rầy, để quan ngủ yên, dĩ nhiên là ngủ một giấc có chia chăn xê gối với phu nhân, một người đàn bà mới cặp kè hai mươi. Cũng trong giờ siết, lính thường đánh bạc với nhau, lúc thì chẵn cạ, lúc tài bàn, ăn thua nhỏ thôi nhưng cũng đủ cay cú để mê mẩn. Nghĩa quân có nội ứng tên là Thước, nên biết rõ sinh hoạt của trại binh, cách bố trí phòng thủ, phương thức canh gác, kho súng và chỗ gia binh ăn ở. Ngang cổng ra vào, cứ trưa trưa lúc quan Đội ngủ là đám lính canh đánh bạc sát phạt nhau, súng để dựa trên tường. Phía Cách mạng đeo mười khẩu súng gỗ, chực quả lựu đạn cũng gỗ, sơn bóng nhoáng, lưng dắt thêm dao găm. Thước tình nguyện dẫn Phan Thượng Chính, một trong hai người chỉ huy nghĩa quân, đột nhập vào trại với khẩu súng thật duy nhất. Chính bất ngờ rút súng, kề vào tai tên Cai, quát khôn hồn thì ngòi hết vào một góc, tay để lên đầu. Bọn lính ngờ ngác rồi len lén làm theo. Sáu thanh niên đột nhập, cướp lấy súng của đám lính gác. Một người ra hiệu cho toán thanh niên khác đang hờm chờ bên ngoài tiến vào. Họ trói gô bọn lính canh, đứt giẻ vào mồm. Toán có súng thật đi về phía nhà kho, đến nơi mới chưng hững vì không có chìa khóa. Võ cùng Thước đến nhà tay hạ sĩ trách nhiệm coi kho. Anh này có vợ, một con, cần nhằn vì dở giấc trưa. Khi Võ gi súng vào cổ anh thì vợ anh ở đâu xỏ ra, kêu ầm lên, con cắn rơm cắn cỏ lạy ông, nhà con nó chẳng tội tình gì. Trại gia binh ồn lên như ong vỡ tổ. Phan Thượng Chính cùng hai người xông vào. Cũng lúc đó, quan Đội Lama chạy ra, lưng trần, ngực lông lá, dưới chỉ mặc độc cái quần đùi. Chính giờ khẩu Mô-gie lên bốp cò, nhưng bắn trượt đầu Lama chỉ cách Chính có ba bốn thước. Lama ngoắt người chạy ngược lại. Chính đuổi theo, sau là Thước, tay lăm lăm thanh mã tấu. Vào đến nhà trong, Chính quát bằng

tiếng Pháp, hàng đi, chúng tôi là những người Cách mạng, không phải là cướp. Lama vẫn chạy. Chính bắn. Lại trượt. Lần này, Lama lao về nơi có móc bao súng ngắn hắt treo trên tường. Thước ào đến, vung mã tấu chém xuống. Lama thét, máu bắn vung lên tường. Hắt đã với được khẩu súng. Chính lại bóp cò. Lần này, chỉ nghe thấy một tiếng cách vang lên. Lama rút được súng khỏi bao nhưng Thước đã vung tay lên. Lưỡi mã tấu xoẹt ngang. Lama gục xuống, đầu lất lừng ngật về phía sau, hai con mắt xanh lè trợn trừng, miệng phì phì thổi không khí. Người đàn bà làm vợ Lama ôm đứa con, quì gối, lạy như tế sao. Mặt tái mét, Chính nhìn xác Lama đầu gằm lia khỏi cổ, người ngậy ra. Còn Thước, anh ta ngửa mặt cười khăng khặc.

Nguyễn Trường Võ tập hợp đám lính tay không dồn vào một góc sân. Lấy được chìa khóa kho súng, toán thanh niên anh nào anh nấy được phát một khẩu, tay lăm lăm, nhưng có anh sợ rãng lập cập đập vào nhau. Võ móc túi, lấy ra một mảnh giấy, đọc to :

"...chúng tôi là Nghĩa quân, Tân Việt đảng, có nhiệm vụ đuổi Tây, cứu quốc, xin bà con làng nước cứ yên tâm".

Xác Lama bị bêu một ngày. Thước hân hoan vì trả mối thù bị cướp vợ. Số là người đàn bà buộc làm vợ quan Đội trước kia đã phải lòng Thước, đến trại thăm Thước thì Lama bắt gặp, rồi đòi lấy về. Cha mẹ cô ta sợ nên đành chịu, bảo cô cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Hai năm qua, Thước sống cảnh phải ngậm miệng, nín nhịn khi đồng đội chòng ghẹo, và nuốt hận ôm bụng theo Nghĩa quân.

Sau khi chiếm trại binh, Nghĩa quân hạ cờ tam tài xuống, họp gia binh lại, khuyên đám lính rằng nếu không theo Cách mạng cứu quốc thì hãy về quê cấy cày. Võ có trách nhiệm giảng giải thế nào là Cách mạng, là yêu nước thương nòi, và mang phổ biến tài liệu "Bản án thực dân Pháp" đã được in bằng thạch bản. Tên Cai trước kia có thói hạnh hợ, hay tác oai tác quái, cứ mỗi lần có dịp lại sỉ nhục Thước để làm vừa lòng quan Đội, nay im như thóc. Nghe Võ nói xong, hắt giơ tay kêu gọi anh em "lính nhà" nên về quê mà đi cày đi cấy. Thước quát, thằng này là thằng Việt gian. Bất ngờ, Thước kê súng đập một phát vào đầu tên Cai. Tên này chỉ kịp kêu ối giời ơi, ngã vật xuống đất, người giãy đành đạch, óc phọt ra trắng hếu. Chẳng phải chỉ dân sợ mà ngay cả mấy anh Cách mạng cũng xanh mặt. Thế là, phụ họa với gia đình tên Cai, đàn bà trẻ con cất tiếng cùng khóc như ri.

Buổi tối hôm đó, Võ và Chính bàn bạc. Tên Thước giết người như giết ghోế, dân ai cũng sợ Cách Mạng là chỉ cách cái mạng người, thất nhân tâm. Họ họp nghĩa quân lại, nói:

- Chúng ta là người làm Cách Mạng chứ không phải quân cướp hiếu sát muốn giết ai thì giết! Việc bắn phòi óc tên Cai trưa nay là việc chúng ta phải xét xử...

Thước vừa chồm lên thì Chính hờm trước liền ấn cho ngồi xuống, tay kê nòng súng vào thái dương. Sau đó, hai thanh niên trói gô Thước lại, mặc cho Thước vừa gào vừa chửi. Nghĩa quân quyết định loại Thước ra khỏi hàng ngũ và giao lại cho đám gia binh để họ muốn xử thế nào thì xử. Công lý trong một tòa án nhân dân đơn giản đến lạnh người: giết người, một mạng đổi một mạng. Vợ tên Cai bị thảm tử tay võ bành bạch, miệng tru tréo như lợn bị chọc tiết, tay kia lăm lăm một lưỡi lê. Thước quay sang Võ, miệng cầu cứu, quan Cách mạng cứu lấy con, con sẽ đái công chuộc tội. Vợ tên Cai ngừng mặt lên trời hét rồi thọc lưỡi lê vào ngực Thước. Yếu sức, lưỡi lê vào không đủ sâu, Thước giãy đành đạch, kêu, con đau quá bà con làng nước ơi! Một mụ đàn bà giọng the thé, để đấy, tôi giúp cho. Hai tay, mụ nắm lấy đốc lưỡi lê, kêu..hồ dô ta nào, rồi ấn cả người vào. Lần này, máu phụt ra có vòi, bắn đầy sân trại lính. Người xem hò lên như ngày có hội hè đình đám. Thước ngược mắt nhìn quanh tìm người tình, kẻ bị ép duyên lấy Quan đội Lama, đứng khuất trong một góc. Thước thều thào gọi, nhưng người đàn

bà ấy im lìm, ngoảnh mặt quay đi.

*

Mới đầu giờ Thìn, chợ Đồn đã tan. Người hàng chợ nhón nháo, kháo nhau Tây Lê Dương từ hai ngã đang kẹp Nam Đàn vào cái thế gọng kim. Đám lính khổ đờ từ Vinh kéo qua Hưng Nguyên rồi thẳng đến Nam Đàn khá đông, ước ra có đến cả trăm. Đám từ Thanh Chương xuôi sông Cả vây phía tây thì chưa lượng được bao nhiêu, nhưng phần lớn là bọn khổ xanh.

Đó là ngày thứ ba sau khi Nghĩa quân chiếm được trại binh. Họ cướp được súng ống, đã tạm biết cách sử dụng, bóp cò đi đùng vừa để thị uy, vừa là tập bắn. Tin Tây đi càn khiến họ làm ra vẻ hào hứng, uõn ngực đi đứng, cười cười nói nói như chẳng có gì đáng quan ngại. Phan Thượng Chính và Nguyễn Trường Võ hợp Nghĩa quân lại. Ở cái thế trứng trời đá, phải rút hay phải đánh, Chính bần khoản. Chiếm trại binh Nam Đàn, Võ bàn, là một cách chấn dân khí, chứng tỏ rằng người Việt có thể đánh và thắng. Nhắc lời Sào Nam, Võ nhấn mạnh bạo động như thế là làm sống lại hồn nước, làm mát vía lũ giặc, phẫn chấn người nhu nhược. Rút đi, tức tránh voi chẳng hổ mặt, không tổn thất, giữ lực lượng để đi đường dài.

Đám thanh niên xông xáo. Trần Mộng Hà, cháu gọi Đảng trưởng Tân Việt đảng bộ Nghệ Tĩnh là Trần Mộng Bách bằng chú, đứng lên nói:

- Rút có nghĩa là chạy, chạy tức thua. Thua thì làm dân khí nhụt. Ta giữ Nam Đàn, giữ càng lâu, càng khiến cho người người nhìn vào mà lên tinh thần...

Võ khoan thai :

- Nhưng giữ, thì rồi cũng mất. Ta một, chúng đông gấp mười. Ta mới tập tành quân sự. Chúng là lính Lê Dương thiện chiến. Mất Nam Đàn, tiêu hao lực lượng, người người nhìn vào không thể lên tinh thần được...

Hà vùng vằng:

- Làm trai, phải có danh gì với núi sông! Không thành công, nhưng thành danh. Sống khôn, chết thiêng thì còn mãi với núi sông...

Đám thanh niên lại nhao nhao, kẻ đòi đánh, người đòi rút. Có kẻ hô, đồng sinh đồng tử, đánh hay rút phải có nhau. Chính nói, giọng nghiêm trọng:

- Ai rút, sang bên phải. Ai định đánh, qua bên trái.

Đám thanh niên lục tục đứng dậy. Đếm ra, những kẻ định đánh có bảy người, là thiểu số. Hà quát:

- Tôi ở lại! Một mình tôi cũng ở lại. Các anh chạy, cứ chạy !

Đám thanh niên ngỡ ngác. Võ đến bên Hà, trầm giọng nói nhỏ:

- Ở lại là tự tử... Cách mạng cần anh sống, chứ không cần anh chết. Thành linh, Võ cao giọng – nguyên tắc là thiểu số phục tùng đa số. Như vậy, Nghĩa quân sẽ rút để bảo toàn lực lượng. Có ai muốn nói gì thêm không?

Đám thanh niên im lặng. Hà giấu mặt, cổ kim tiếng khóc, nuốt nước bọt ừng ực. Nghĩa quân bàn cách rút, chia làm hai toán. Toán thứ nhất vượt sông Cả, đi về phía Võ Liệt. Toán thứ nhì men đường 15 tới Đức Thọ, thuộc Hà Tĩnh. Cả hai toán hẹn nhau đến cuối tháng sẽ tụ họp ở núi Ba Mu, nơi chọn làm cứ địa, giáp Trường Sơn, khoảng chạy sát biên giới Lào. Trước khi đi, họ lại họp gia binh và dân chúng sống quanh vùng. Võ đứng trên một cái bục, tay cầm tờ giấy trên được viết sẵn, đọc từng chữ:

"...Hỡi quốc dân đồng bào, sông là sông của ta, núi là núi của ta, của cái ta làm ta ăn nên chẳng có cái lý nào để thực dân Pháp chiếm sông đoạt núi, rồi sưu cao thuế nặng, ăn cướp cơm chim. Chúng tôi, Nghĩa quân Tân Việt dang, dấy lên để cứu sơn hà, đuổi bọn cường bạo xâm lăng, đòi quyền sống và phẩm cách chúng đã tước đoạt của ta bằng sức mạnh. Khí thiêng sông núi còn đó, hồn dân tộc quật cường còn đây, thời cơ vận hội sớm muộn cũng đến. Mai mốt này, chúng tôi sẽ triệt thoái khỏi Nam Đàn, tránh cho quốc dân bị dây họa đao binh, nhưng thách thức bọn Lê Dương một trận sống mái ở nơi đồng không mông quạnh...Cách mạng sẽ thành công, chúng ta sẽ chiến thắng".

Võ ngừng lại, nhìn khắp lượt, giờ nắm đấm hô to :

- Việt Nam muôn năm!

Mọi người đồng thanh hô theo ba lần.

Nghĩa quân lên đường vào lúc trời sụp tối. Toán thứ nhất có Võ, Chính và nửa số đội viên. Qua đến bên kia sông Cả, họ điếm lại, thấy sót mất hai người. Đội viên lạc hay trốn ? Lúc ấy, Võ thấy rõ sự sơ xuất của kế hoạch rút quân. Khều Chính ra một nơi, Võ nói:

- Đội viên đều biết rõ đường ta rút. Giả dụ hai người kia bị bắt hay làm phản thì sao? Phải đổi hướng! Và phải bảo mật...

Võ bàn, toán thứ nhất lại chia làm hai, một theo đường về hướng Võ Liệt như hoạch định nhưng sẽ đổi đường đi về Hà Tĩnh. Còn lại, Võ dẫn theo hai thanh niên xuôi sông Cả để đón đầu toán thứ hai, tùy cơ ứng biến, và không về núi Ba Mu như dự tính mà đi sâu xuống rặng Vũ Hạp lập căn cứ ở biên giới Lào giáp ranh Hà Tĩnh.

Nón mê trên đầu, súng ngắn giắt bụng, Võ men sông Cả đi ngược về phía Nam Tân. Lính khố xanh và bọn nghĩa dũng hôm đó đã chặn đường bộ hành hỏi giấy tùy thân, nghi ngờ là bắt giam vào những điểm canh nằm rải rác dọc những trục giao thông. Thế là bọn Võ cứ ngày tìm bụi tìm bờ để nghỉ, đêm lại mò mẫm đi, nhằm đường 15, thấp thỏm chẳng biết có kịp gặp toán Nghĩa quân kia không. Đến sáng ngày thứ tư sau khi rời Nam Đàn, họ quyết định vào ẩn trong một bãi lau ven sông. Hết sạch lương khô đã hai ngày, họ chỉ uống nước cầm chừng, đói đến chân tay run lẩy bẩy. Một đội viên còn chút sức xin vào làng mua thức ăn, miếng kê, cứ thế này, cũng chết.

Đồng ý, Võ nằm mọp, và chỉ biết đợi. Áp mặt xuống bãi, Võ nhìn dòng sông lấp lánh nắng. Trời không một cơn gió. Lau trắng ven bờ bất động, và nếu không có dăm cánh vạc bay lừng lờ cuối mắt thì thế giới ngoại cảnh chẳng khác gì một bức tranh thủy mặc bất gặp được ý niệm tuyệt đối của bản thể tạo vật đã thăng hoa. Cơn đói tự dưng biến mất. Ba ngày làm Cách mạng, cướp đồn, hạ sát tên Đội Lama, đọc Bản án của Thực dân Pháp, không hiểu sao nay chỉ còn là một nét sổ ngang mờ nhạt. Trí nhớ giãn ra như những thớ thịt thiếu năng lượng khiến Võ trầm lắng vào thiên nhiên hết cái vỏ sò chìm vào đáy nước hay cơn gió thoảng vờn lên mây cao. Nhắm mắt, Võ đột nhiên nghe văng vẳng câu hát dậm, giọng ai nghe như giọng Xoan. Trăng

nào chẳng mọc về đêm, xin chàng mở cửa em đem trăng vào. Câu Xoan hỏi, học xong anh làm gì, thành linh âm vang trong Võ. Nay câu hỏi được trả lời dứt khoát. Nguyễn Trường Võ làm cách mạng. Cuộc phiêu lưu bắt đầu bằng trận đánh Nam Đàn. Bây giờ, Võ không thể về nhà giữa thanh thiên bạch nhật như một anh học trò trọ học ở Vinh. Võ không thể nghĩ đến ngày xin với cha mẹ cưới Xoan làm vợ. Võ không còn dành cho mình hai bầu vú Xoan để bú để ngoạm như tối hôm nào trên bờ kinh Sắt. Nghĩ đến ngày Xoan sẽ thuộc về một người đàn ông khác, Võ xe xót trong lòng, gọi thầm Xoan ơi, thôi thì anh làm tráng sĩ với cái giá không có em để đền nợ non sông. Kinh Kha, hỡi Kinh Kha! Dòng sông trước mắt khác chi dòng Dịch thủy, nhưng nay đâu có tiếng sáo Cao tiệp Ly. Trong thinh không, thỉnh thoảng dăm ba tiếng chim trời bay ngang rồi bỏ lửng lại cái im lặng khắc khoải của những giây phút chờ đợi dài đến vô tận.

Võ nằm như thế, rất lâu. Người đội viên đồng hành đã thiếp đi, thỉnh thoảng lại cất tiếng ú ớ nói mê. Thành linh, có tiếng lợi nước bì bõm, vội vàng. Người đội viên vào làng mua thức ăn tay ôm vai ướt sũng máu, hốt hải chạy tới. Văng vẳng có tiếng trống đánh như trống báo cướp, tiếng hò hét của nghĩa dũng và tiếng chó sủa. Võ hiểu ra. Tiếng chân đạp nước dồn dập mỗi lúc một gần. Nhìn vai người đội viên vừa về, Võ chẳng hiểu anh ta bị chém hay bị bắn. Nắm tay người đội viên vừa tỉnh ngủ, Võ dặn, cả hai hãy chạy về phía Nam, về Hà Tĩnh. Phần Võ, Võ ở lại chặn hậu. Nói xong, Võ rút khẩu Mo-gie, kiểm lại và nhét xạ-giơ đạn vào.

Khi thấy bóng người thấp thoáng, Võ giơ súng bóp cò. Tiếng nổ chói chan khiến một đàn bìm bịp nấp trong lau trắng thất thần bay lên kêu quang quác. Tiếng người quát, chúng mày cẩn thận, chúng nó có súng ! Võ lại bắn về phía có tiếng nói. Đám lính sợ đạn, không dám tiến lên, gọi nhau í ới. lát sau, đồ chừng hai người đội viên đã đi được một quãng xa, Võ liền bắn ba phát súng nổ như liên thanh. Men bờ sông Cả, Võ cầm đầu chạy miết. Cứ thế, chẳng còn biết đói biết khát, Võ chạy cho đến khi mặt trời ngả bóng về tây, mặt sông Cả nay loang lổ màu máu đang từ từ đông lại. Kiệt sức, Võ ngã chúi xuống, đầu kê lên một mô đất, thân nằm trong bùn, nước ngập người. Không biết bao lâu sau, khi nước lên, Võ mới hồi tỉnh, chệnh choạng cố đứng dậy. Võ bỗng ngửi thấy có mùi thối thối đâu đây thoảng lại. Trong đám lau sậy ven sông dập dờ một cái xác chết, chẳng hiểu là xác người hay vật.

- Lúc ấy, Võ nói, cái xác đã trương phình lên như xác một con nghé. Mặt mũi cũng chẳng nhận được, nhưng vì vai có quàng một khẩu mứt-cơ-tông, con biết là một đồng chí anh em. Lục túi, con mới biết đây là xác Phan Thượng Chính. Tính chôn cái xác, nhưng một mình, con không đủ sức lôi cái xác vào một lỗ huyệt đào nông bên bờ. Con đành thả xác trở lại giòng dòng sông Cả. Đổi giấy tùy thân, cái xác thành xác Nguyễn Trường Võ, dân Nam Đàn đã biết vì con công khai ra ăn nói trước công chúng. Con nghĩ, Nguyễn Trường Võ chết thì thực dân không có gì làm phiền cha mẹ... Con tìm đường về xã, nhưng phải ẩn. Đêm hôm kia, bọn lính đồng nghe tin phong phanh về đây lưng, con trốn vào nhà Chung...

Đồ Cừu đưa tay lên, ngắt lời Võ:

- Thôi, anh đã tính như thế thì đành thế vậy!

Trong bóng đèn dầu hắt hiu, Đồ Cừu đưa vuốt mặt thờ dài. Nhìn con, Cừu tự hỏi, nếu mình cũng ở cái độ thanh xuân như nó, mình sẽ làm gì ? Thời Cừu mới đôi mươi khác hẳn. Phong trào Văn Thân cháy loang ra hai vùng Thanh- Nghệ, lửa bạo động bắt vào mái gianh cháy bùng khắp giáo xứ, giáo dân bắt buộc tổ chức thành những đoàn tự vệ, vô hình chung thành những kẻ theo Tây. Máu cả người lương lẫn người giáo đổ ra ngập ngựa lòng đất nhưng có đâu làm chùn những bàn tay vùng vẫy trong tuyệt vọng. Đến thời Càn Vương, trong giáo dân có người

đã lớn tiếng bài Tây, từng bước lập lại với người lương những quan hệ tương ái tương thân, tránh để cho lũ thực dân lợi dụng tôn giáo làm kế chia rẽ trị. Sau này, tình thế thay đổi. Lớp trẻ được đi học đã nhìn ra dấu là con chiên Chúa họ cũng vẫn đồng thời mang thân phận dân một nước bị trị. Cửu kể rồi dặn Võ chớ bao giờ mắc vào cái thế của lớp cha anh. Hít một hơi thật sâu, Cửu nghĩ ngợi rồi thuật chuyện Xoan xin làm dâu và để tang Võ. Nghe cha nói, Võ ứa nước mắt. Đồ Cửu hạ giọng:

- Cha thì cứ tưởng anh chết và để cái Xoan mới mười bảy tuổi làm góa cho một nắm mộ thì quả đau lòng. Nhưng trước làng trước xóm, cái Xoan cứ nằng nặc xin, chẳng làm khác được. Trong bụng, cha định để ba năm mãn tang, cha rồi sẽ lấy chồng cho nó. Nhưng bây giờ, anh lại sống, chẳng biết làm sao đây !

- Bẩm cha, con xin phép cha mẹ để Xoan đi với con...

Đồ Cửu bật cười :

- Nó đi, thì còn ai tin là Nguyễn Trường Võ đã chết, hử? Chỉ nội thế, bọn mật thám thế nào lại chẳng về đây tra xét lại, và rồi sẽ liên lụy đến nhà Chung và cha Xứ !

Ngẫm nghĩ, Đồ Cửu tiếp :

- Mẹ anh đã khóc con, cái Xoan để tang chồng, tức là anh đã chết một lần. Nay, nếu báo anh sống lại, và rồi anh tiếp tục cái việc mạo hiểm của anh, thì cả mẹ anh lẫn cái Xoan suốt đời phập phồng lo anh chết lần thứ hai. Lo thế, khổ lắm. Và có chết, thì lại thêm một lần tang, thêm một lần khóc, vậy hơn được gì? Thôi, cứ ba năm nữa mà nếu anh còn, lúc đó anh đã mang tên mang họ khác, cha sẽ đem cái Xoan gả cho anh làm vợ, lập lại cái chuyện châu về hợp phố...

Võ nghe cha, ngần ngừ rồi khẽ gật. Đồ Cửu với chén nước trà, nhấp nhấp, đặt xuống rồi nhẹ nhàng:

- Cái việc chiếm trại binh Nam Đàn anh vừa kể, cha nghe và thấy các anh làm Cách Mạng cứ như đùa. Có súng trong tay mà không biết bắn, lúc rút thì chẳng có phương án bí mật gì! Anh biết, lực yếu chọi mạnh thì phải sửa soạn kỹ, chiếm tiên cơ bằng trí, bằng mưu. Lần này, anh sống sót nhưng nên coi đây là một cuộc phục sinh. Đã là phục sinh, thì chỉ có thể phục sinh từ một đồng tro chưa tàn hết lửa, kề cạnh sự chết chỉ là đường tơ kẽ tóc. Và tự cổ chí kim, sự chết là điều duy nhất đáng nghĩ đến khi đang sống. Nắm mộ cạnh mộ ông chôn xác người khác, nhưng vẫn là nắm mộ của anh, để anh từ đó phục sinh, như con chim lửa bay lên từ tro than, để sống và tạo ra đời sống! Cách Mạng là thế, đòi đời để sinh ra một thời mới, đẹp và đáng sống hơn. Anh hiểu cha chứ?

Những ngày trốn trong nhà Chung Xã Đoài, Võ chỉ chạm mặt mỗi ngày với một người thường đưa cơm xuống cho Võ là Phêrô Phạm Xuân Lương. Cả hai học với nhau lúc thiếu thời. Sau cao đẳng sơ học, Lương được nhận học trong trường Lý-Đoán với các cha. Nay vừa học xong nên dấu Lương tuổi mới chỉ hơn đôi mươi, người theo đạo gọi là thầy già. Lương mảnh khảnh, da mặt xanh mướt, mỗi lúc nào cũng sẵn một nụ cười có đôi chút ngượng nghịu. Khi còn bé, Lương nhỏ bé, nhút nhát, bị bọn trẻ cùng trường trêu tròng bắt nạt. Chúng phao rằng Lương là gái giả trai, đè xuống tụt quần khám. Túm chặt lấy cặp quần, Lương thút thít, mồm van... cho con dậy các ông. Các ông được dịp, hò, các ông là lính Lê-dương, mày là bà già, mà «bà già mắt kèm kèm kem...hễ gặp ông tây là mắt sáng như đèn ô-tô». Rồi đưa giữ tay, đưa đè chân,

đưa nắm hai ống quần Lương kéo, vừa kéo vừa hò. Lương khóc inh ỏi. Lúc ấy Võ đi ngang. Nó xông vào, rút cây thước kẻ gí vào mặt thằng đầu têu tên là Tọ, hét, không buông thằng Lương ra thì tao chọc mù. Tọ cười sằng sặc, gân cổ, tiên sư mày, có giỏi thì chọc thủng cho ông xem. Võ ngàn ngữ, rồi lại hét, bỏ nó ra. Tọ hô hô nhưng thành linh rú lên, ngã ngật ra sau. Đầu thước kẻ, máu ròng ròng, giọt nhỏ xuống đất. Tọ giãy đành đạch, la ối giờ ối, thằng Võ nó giết tôi ! Nhưng Tọ không chết. Võ bị cha đánh một trận thừa sống thiếu chết. Cha mẹ thằng Tọ được đền một đôi gà và một con lợn. Còn Tọ, nó suốt đời mang cái tên Tọ chột, mấy năm sau còn hăm he, thể nào rồi mày cũng biết tay ông, Võ ạ!

Quyết định đợi đến tối rồi lên đường, Võ nhờ Lương xin phép và chuyển lời cầu an đến cha Xứ, Lương bịn rịn, ngập ngừng thốt, anh cho tôi đi với anh. Võ ngạc nhiên, nhìn Lương chăm chăm :

- Anh sắp vào Đại Chung viện, mai này gánh vác đỡ đàn phần hồn cho Kitô hữu. Đó là phúc phận của anh, không phải ai cũng được như vậy, sao lại đem đi đổi lấy một cuộc sống của kẻ đi làm giặc ?

Lương buông sống :

- Con Chúa cũng là những người có Tổ Quốc. Phục vụ Tổ quốc cũng là phục vụ con Người, tức cũng là vì Người !

- Khi kẻ thù anh tát má bên phải, phúc âm bảo, hãy đưa má bên trái ra vì đó là ý Chúa. Nhưng đã đi làm Cách Mạng, không thể được ! Máu trả bằng máu, con Chúa có làm thế không?

- Có chứ! Cuộc Thánh chiến thời Trung cổ chẳng hạn. Cứ coi bọn Tây dương là qui Satăng... Và lại, phải nói thật, tôi chẳng chắc tôi có cái ân phúc làm tôi Chúa, anh cho tôi theo...

- Không! không được! Cha Xứ giúp tôi, chẳng lẽ bây giờ tôi mang tiếng về nhà Chung ăn cháo đá bát đi dụ dỗ người nhà Đạo! Giọng lạnh lùng, Võ tiếp – Với lại, tối nay tôi sẽ đến viếng mộ Nguyễn Trường Võ mới đắp. Dù là ai nằm dưới thì Võ cũng đã chết. Còn như tôi, một người làm Cách Mạng, tôi hiện không tên không tuổi, không quá khứ, chỉ có tương lai trước mặt trong đó sống và chết như nhau, thậm chí phần chết nhiều hơn. Làm sao có thể đèo bồng gì thêm...

Lương ngậm ngùi. Nhét vào tay Võ mảnh giấy ghi địa chỉ một người chú trên Hà Nội, nơi Võ sẽ đi đêm nay, Lương không nói gì, lẳng lẳng lên thang đẩy cửa.

Buổi tối hôm ấy, chẳng hiểu sao Xoan cứ nôn nao ngồi đứng không yên. Chiều nay, Bố chồng từ nhà Chung về, gọi nàng rồi bảo, chị Cả, bây giờ chị thay anh Cả chép sách ra chữ Quốc ngữ cho cha. Làm cái việc anh ấy làm dở là trọn nghĩa phu thê trước, báo hiếu cho cha là sau. Bà đồ ngạc nhiên. Xưa nay chẳng có một ông bố chồng nào lại xử với con dâu như vậy. Bà lại càng ngạc nhiên khi biết Xoan mù tịt, Đồ Cửu sẽ dạy nàng dâu chữ Quốc ngữ rồi mới chép sách được.

Sau những ngày xao động, giờ đây gia đình Đồ Cửu đã bắt đầu vào lại nền nếp cũ. Bữa cơm tối xong, hai đứa bé, Văn và Triều, tắm rửa rồi đi ngủ. Bà đồ xếp đặt lại bếp núc, ngồi vá mấy cái áo, lẳng lẳng nhai trầu. Đồ Cửu khêu đèn, lúc đọc sách, lúc viết lách. Thỉnh thoảng, tiếng rít thuốc lào sòng sọc, điếm vào tiếng ngáy, tiếng nói mê chẳng biết là của Văn hay Triều. Từ ngày chôn cất Võ, chúng sợ, ít héo lánh, ít chuyện trò trước mặt cha mẹ. Vào quãng giờ Hợi, vợ chồng Đồ Cửu đọc kinh rồi đi ngủ. Chỉ còn mình Xoan, nàng thao thức nhìn ánh trăng hắt qua cửa sổ bóng cây dạ lan. Không gian giaoĩ ra theo chiều bay của hương đêm thoang thoang xa

xa. Xoan kêu thầm, anh Võ ơi, bây giờ chắc anh đã về Thiên Đàng cứu rồi, nơi lúc nào cũng có tiếng thánh ca véo von ngợi ca tình yêu bất diệt. Anh nào ngờ em đã thành vợ anh, và dẫu anh không còn trên thế gian này, em vẫn cảm thấy anh gần gũi đâu đây, như ngày nào, bên bờ kênh Sát, anh ôm lấy em, sưởi ấm cho em khi gió thu xưa trở lạnh. Chúa đã an bài như vậy, nên dù không anh, em vẫn là một con người hạnh phúc, thứ hạnh phúc em dứt khoát chọn lựa, thứ hạnh phúc chỉ tìm được ở nhưng nơi đã in hình bóng, hơi thở, và tiếng nói của anh.

Chó sủa. Văng vẳng trong tiếng rên rỉ còn trùng có tiếng líu lo. A, lại chào mào, thứ chim mỏ đỏ, nhưng lạ chưa, sao nó hót về đêm. Hôm chôn Vũ, cũng một con chào mào không hiểu thế nào mà nó đã lao vào nắp áo quan khi lấp đất. Hay đây là con chim cái, nó gọi con đực. Chim ơi, ta cùng số kiếp chăng? Dưới nắm mộ mới đắp mấy hôm trước chỉ có phần xác của những kẻ dẫu yêu. Nhưng phần hồn họ, phải chăng phần hồn ở cao trên kia, lẫn trong muôn vàn những vì sao không đếm hết được, nhưng thật vẫn đó, trong cái vũ trụ này sinh thành từ phép lạ? Tiếng chim vẫn líu lo. Xoan vùng người ngồi dậy. Nàng nhẹ nhàng lách cửa, đi về phía bãi tha ma. Tiếng chim lúc một gần, như hẹn hò, với gọi. Ngôi mộ mới đắp đây.

Chẳng biết ai ra mộ thấp ba nén hương giờ này.

Trên trạc cây ổi, đúng là một con chim chào mào. Thấy Xoan bước tới, nó im hót. Xoan vén áo, ngồi xuống cạnh mộ. Thấp thoáng, một đàn đom đóm to bằng ngón tay cái bay ngang. Xoan nhắm mắt, khuôn mặt Võ hiển hiện. Trong không trung, tiếng kinh văng vẳng đong đưa, lay Chúa tôi, tôi ở vực sâu kêu lên Chúa tôi, xin Chúa tôi hãy lắng nghe tiếng tôi cầu xin, nếu Chúa tôi chấp tội nào ai cứu rồi được, bởi Chúa tôi hằng có lòng lành cùng vì lời Chúa tôi phán hứa... Xoan nằm sấp người ôm lấy ngôi mộ. Hơi ấm thấm vào thân thể Xoan như vuốt ve, bảo bọc. Nàng cảm thấy những ngón tay Võ sờn sùi, lúc nhẹ nhàng mơn trớn, lúc đăm mê mạnh bạo. Bụng nàng nóng lên như bốc lửa. Hai đầu vú nàng căng ra, đâm vào lòng đất mịn màng. Xoan mê mẩn, hai tay xiết xuống, mặt áp vào cây thập tự màu trắng nổi lên giữa đêm đen. Cứ thế, cho đến khi có tiếng gọi :

- Chị Cả, vào nhà đi. Nằm thế này sương xuống thì cảm hàn mất!

Đồ Cữu đứng cạnh ngôi mộ từ lúc nào Xoan không hề hay biết. Xoan ngồi dậy. Nàng cất tiếng dạ trong nước mắt, lẳng lặng đứng dậy đi về. Đợi cho Xoan khuất bóng, Đồ Cữu lơ lửng :

- Nhớ đọc hai câu ghi trên mộ chí của ông! Làm sao cũng phải thành công. Cái thời thất bại phải qua...

Trên tấm bia mộ Nguyễn Trường Tộ, Đồ Cữu chép hai câu thơ Tộ làm vào dịp viếng mộ Hạng Vũ. Thơ rằng :

Anh hùng dụng võ phi vô địa

Chiến thắng thành công tất hữu thiên

Nghĩa là, người anh hùng dụng võ chớ hiềm không có đất. Thành công và chiến thắng, là tức có trời.

Quỳnh Hương

Điều đó, dẫu không thể thật, nhưng ai nghe ai cũng vui lòng. Tôi nuốt nước bọt, không nhìn Hương, mỉm cười đáp lại « ... chỉ Hương, Hương mới không có gì thay đổi. Còn Vinh, này nhìn xem, tóc Vinh chớm bạc mất rồi ! ». Tay vặn cửa kính xe, tôi ngửa mặt hứng gió và nắng vàng tươi. Vòng quanh hồ, xe qua góc chợ rồi từ từ lăn lên dốc Minh Mạng. « Vinh thấy có khác không ? » Tôi lắc đầu. Hương nói như than thở « Ở đây, hiện tại chỉ cách quá khứ bằng một chút tuyệt vọng ».

Tôi quay lại nhìn Hương, và có gì gần như một niềm bực bội sắp sửa tràn ra tựa nước rót qua tay vào một chén trà tàu hạt mít. Kèm lòng mình, tôi cố gắng lấy giọng thanh thản « Màu nắng vàng ở đây tươi như nắng ở Florence bên ý ». Hương nhìn ra, bàn tay vúi lấy mái tóc dài bay tung lên, mắt xa xôi. Gỡ dăm sợi tóc đen huyền vương vào mặt, tôi quay kính xe lên khi xe đến đỉnh dốc.

Chiếc xe ngừng hẳn. Hương nói : « ... đến rồi, Vinh có nhận ra nhà mình không ? » Tôi nhìn quanh, ngỡ ngàng. Khi xưa, khu này chỉ dăm ba nóc nhà hiu quạnh. Nay thì khác, nhà đủ kiểu đủ cỡ san sát. Thản nhiên, Hương bảo « ... dân ngoài ấy vào đây. Họ chia đất, thế là mạnh ai nấy xây ». Tôi ngỡ ngác xách vali theo. Hương đi trước, lấy chìa khóa mở chiếc khóa đồng treo trên sợi xích hoen rỉ buộc hai cánh cổng gỗ sơn đã rã ra loang lổ.

Chúng tôi lảng lạng bước vào. Tôi dán mắt lên từng ô vuông trên mặt đất, rồi ngừng nhìn quanh vườn, mong tìm lại dấu vết thuở ấu thơ. Bên kia là cây đại, không cao hơn, chỉ thêm sần sùi. Bên này giàn dâm bụt vẫn thế. Trong sân, cỏ úa. Mảnh hồ bán nguyệt nay cạn nước nằm vênh vao mặc cho ông Lã Vọng bằng đất thó vẫn ngồi lì câu cá. Bước lên thềm, những chậu kiểng nay xác xơ. Ngay cửa ra vào, chỉ có một chậu cây, lá dài và dày, đâm ra từ những cuống cây màu nâu già, chĩa ngang chĩa dọc, ánh lên sắc ngọc bích dưới nắng. Tôi ngừng chân, tay để chiếc vali xuống. Hương mở cửa, giọng đều đều « ... Cây quỳnh của cậu đây. Hương vẫn chăm nom, và thế là nó đã được xấp xỉ ba mươi tuổi rồi. »

*

Hương dặn dò : « Có một đoàn người Pháp lên, Hương không xin nghỉ được. Chỉ độ sáu giờ là Hương về. Ở nhà, thức ăn đã sẵn, Vinh chỉ hâm lên thôi ! ». Vén vạt áo dài trắng, Hương lên honda, rồ máy, ngoái lại : « Vinh nghỉ ngơi trưa nay một tí đi nhé ». Ra khép cổng, tôi nhìn theo cho đến khi bóng Hương khuất nơi dốc đồi, rồi lững thững vào. Đi ngang chậu hoa quỳnh, tôi ngừng ngửi, ngồi bệt xuống cạnh, lưng ngã dựa vào bức tường vôi vàng nhạt thếp.

Nhắm mắt lại, tôi thoáng ngửi thấy một mùi hương thơm. Thơm dịu, thơm ngọt, mùi hương chọt đến, chọt đi, như đùa nghịch với khứu giác. Tai tôi bỗng văng vẳng lời bác Đản, giọng khàn khàn « Quỳnh mở vào độ chín giờ tối. Đến nửa đêm thì mẫn khai. Rồi tàn. Vào khoảng bốn giờ sáng thì hoa cụp lại, và thế là hết... ». Cha tôi kể người yêu đầu của bác tên Quỳnh. Bác gái không biết, cứ tưởng bác trai yêu hoa, chịu đặt tên hai cô gái song sinh đầu lòng là Quỳnh và Hương. Bác tiếp « ... Quỳnh là loài hoa hiếm, nhưng tối nở sớm tàn... Vinh lên nghỉ hè kỳ này gặp dịp hoa nở chắc sắp tới sẽ may mắn lắm đấy ! ».

Tối hôm ấy, bác tắm rửa, rồi pha trà tàu, sai người đi mua bánh đậu xanh và kẹo lạc. Quỳnh được bố yêu, nũng nịu « Quỳnh này thì không tối nở sớm tàn đâu nhé ! » Nhìn mẹ, Quỳnh dỗi « ... hoa quý thế mà sao mẹ lại cứ đòi đổi tên con. » Quả là bác gái có định thế, một phần là biết chuyện mối tình đầu của bác trai nên bác ghen, phần khác, bác nói ra miệng là do dị đoan, sợ cái kiếp tối nở sớm tàn vận vào đời con gái. Bác trai bảo « ... thiếu gì đàn bà tên Quỳnh. Với lại, mẹ nhìn thử xem, cái nốt ruồi trên gò má con Quỳnh. Các cụ ví nó như giọt nước mắt, có tác động phá đi cái xấu của cái tên. Không phùng không, tác mình. Nếu đổi tên, thì cũng phải tẩy cái nốt ruồi ấy ». Quỳnh la lên « Không được ! Mất cái nốt ruồi, thì con thành Hương à ? ».

Quỳnh và Hương đúng là hai giọt nước chỉ khác một điểm khác biệt là vết nốt ruồi nhỏ bằng ba cái đầu tăm. Quỳnh nặng nề đòi làm chị, lấy cớ là ra trước. Bẻm mép, nàng đọc « Đầu lòng hai ả tố nga, Tú Quỳnh là chị, em là Tú Hương. Đọc thế thì nghe lọt, chứ đổi Tú Hương là chị, em là Tú Quỳnh thì anh ác trái tai. Vì thế Quỳnh phải là chị, chứ em thế nào được ». Bác trai cười tán đồng. Bác vốn yêu thi ca, xưa đã xách túi giang hồ theo hầu cụ Tản Đà cả hai năm trời. Nay, về ở ẩn, bác ngồi dịch thơ Đường. Và dạy dăm giờ Pháp văn cho một trường trung

học tư thực, đồng ra đồng vào tùy thuộc vào sự thu vén của bác gái. « Bác gái, mẹ tôi thì thăm dạn mỗi lần tôi lên nghỉ hè, có bệnh lao, chữa thì chữa nhưng khỏi thì ai mà biết được, con nhớ cẩn thận » Nhưng cẩn thận thế nào thì mẹ tôi không biết, chỉ cần nhân cha tôi chiều con. Với tôi, mẹ càu nhàu « ... cái thằng bé đến lạ, nghỉ hè năm nào cũng đòi lên bác Đản ! Cho đi Vũng Tàu thì kêu sợ nắng ... ». Mẹ nói thế, vì không biết vô tình hay cố ý, mẹ lờ đi điều bí ẩn trong lòng con trai mẹ.

Giọng bác lại khàn khàn cất lên « Khi cụ Tấn mất, cụ Huỳnh Thúc Kháng có làm một câu đối, ví cụ như hoa quỳnh. Câu đối như thế này :

Không sắc nhất Quỳnh hoa, tiểu khứ hầu nhiêm, thiên thượng quần tiên đa quyền thuộc
Túy ngâm song bạch nhãn, hững lai huy bút, nhân gian thiên thủ ngạo công hầu.

Nhìn ba đưa chúng tôi ngơ ngẩn, bác chậm rãi : « giảng nôm ra là Không sắc một đóa Quỳnh, về vượt râu chơi, bạn tiên thượng giới thành quyền thuộc. Say ngâm hai mắt trắng, hững thơ vung bút, tài hoa trời phú ngạo công hầu ».

Bác vừa dứt lời, chuông đồng hồ treo tường rền rĩ điểm mười một tiếng. Đóa quỳnh to bằng hai bàn tay đã bung nở, nhị hoa màu vàng óng ánh ẩn trong những cánh hoa trắng tinh khiết, chung quanh lớp ngoài những cuống hoa màu tím hồng cong lên như râu. Bác Đản xòe chiếc quạt giấy rồi phẩy nhẹ. Không gian bỗng thoáng thoảng một mùi thơm dịu dàng nhưng đậm thắm. Bác ngẩn ngơ đưa chén trà lên miệng nhấp. Quỳnh lắng lặng ra ngồi trước chiếc đàn dương cầm màu đen nháy. Nàng dạo nhẹ vài nốt, rồi chơi đoản khúc Ánh Trăng của Beethoven.

Tôi đứng dậy lững thững ra đứng cạnh cửa sổ. Trăng mười sáu đã lên cao, mây theo chiều gió chập chờn trôi từng tầng. Núi đồi ở tầm mắt nhuộm bạc, ẩn hiện, biến hóa như một sinh vật lẩn trốn trong màn đêm khi mờ khi tỏ. Mùi hoa quỳnh thỉnh thoảng lại ngát lên, áp ủ gian phòng tràn ngập tiếng đàn đang nhỏ từng giọt âm thanh nghe hững hờ xa vắng. Quỳnh chập chờn trong ánh lửa lò sưởi, tóc dài ngang lưng xòa phủ một nửa mặt, ngón tay trắng muốt nhảy múa trên những phím ngà.

Tôi quay về, ngồi cạnh bác Đản, im lặng. Ngồi khuất trong bóng tối, Hương lắng lặng đan áo. Chìm đắm vào cảm giác ngất ngây của nỗi đau khó gọi được tên, tôi như đánh mất một phần hồn mình mặc dầu lát sau tiếng đàn đã im bật. Quỳnh đến đứng cạnh, nhẹ nhàng bảo : « Chị đánh tặng cho Vinh đấy... ». Từ năm ngoái, nàng xưng chị với tôi, chứ không gọi tên tôi như xưa. Hỏi, nàng bảo, hơn tuổi thì là chị. Đúng là nàng hơn tôi vài tháng thật, nhưng tôi âm ỉ, vẫn tiếp tục gọi nàng là Quỳnh.

Bác Đản đợi đến nửa đêm, lúc hoa mãn khai, lộng lẫy như một nàng tiên đang tung giải áo trắng lên múa khúc nghệ thường trên đài hoa cứ rung lên nhẹ, đứng dậy bảo « Thôi cậu đi nằm ... » Hình như bác sợ, bác không muốn nhìn cánh bông hoa bắt đầu tàn. Hương ngược nhìn bác, rồi lại cầm cúi tiếp tục đan. Tôi nhìn Quỳnh, hỏi « Quỳnh sao không đánh thêm một bản nữa ... ». Hương nhẹ nhàng, ngắt lời « Thôi, để cậu mợ ngủ chứ ! », và vẫn tiếp tục đan. Lúc Quỳnh đòi đi ngủ, tôi giả vờ ngáp, rồi bước theo. Đi sau Quỳnh lên cầu thang, tôi thu hết can đảm, run giọng « Quỳnh ơi, lúc nào Vinh sống, Vinh sẽ nhớ mãi bản đàn đêm nay... »

Quỳnh ngưng bước, quay lại, giọng hóm hỉnh « ... thôi đi cậu em ơi, cứ qua đây dăm tháng là quên chị ngay, nhớ gì nữa... Gặp một nàng đẹp như Gina Lolobrigida thì rồi cậu quên hết ngay ấy mà ! » Tôi xót xa, bụng thắt lại, xây xẩm như bị tát vào mặt. Tôi nhìn Quỳnh, không thấy gì ngoài cái vết nốt ruồi trên gò má.

Đêm hôm ấy, tôi không nhắm mắt nổi. Tôi biết chỉ có Hương thấy cảnh hoa tàn. Nàng thức đến sáng, đan cổ cho xong chiếc áo len tôi mang theo từ ngày qua ý. Đi được hai năm, có tin báo là « chị » Quỳnh vừa lấy anh Thạch, sinh viên trường võ bị Đà Lạt mới ra trường. Họ yêu nhau đã ba năm, có lẽ vào thời gian Quỳnh xưng chị với tôi.

*

Lên gác, tôi đẩy cửa phòng xưa bác Đản dùng như phòng làm việc. Nay là nơi để bàn thờ hai bác. Ánh cũ, nét đã vàng, khiến những người thân yêu nhợt nhạt đi như ở một thế giới khác. Tìm mãi tôi mới lấy được dăm cây hương. Châm lửa, vẩy cho tắt, tôi cắm vào lư, mắt nhắm lại,

cố tìm ra hình ảnh hai bác sinh động hơn hai bức ảnh lạnh nhạt. Tôi cố, nhưng bất lực. Mờ mắt, những đốm hương bỗng tự nhiên bắt lửa bùng lên. Lạ thật. Phòng kín, không một cơn gió nào lùa vào được. Tôi bỗng thấy lạnh xương sống. Tôi cúi mình chấp tay vái, mắt lại nhắm lại. Khi mở mắt, lửa đầu những cây hương đã tắt, ba chấm đỏ nhỏ những vân khói xanh thắm lên không. Tai tôi bất chợt thoáng nghe một tiếng cười thân thuộc. Lúc ấy, tôi biết rõ ràng là bác Đản từ cõi âm về đứng ngay sau lưng tôi, và không quay lại, tôi cảm thấy bác đang nhìn tôi triu mến. Biên giới vô hình giữa bác và tôi được một thứ hấp lực giữ cân bằng khiến tôi chẳng thể xoay người để nháy vào vòng tay bác như thuở còn thơ. Từ cõi dương, tôi để mặc mình thanh thần thả trôi tâm thức vào thế giới bên kia như xuôi dọc một dòng sông bình dị.

Mùi hương trầm dim ý thức của tôi vào một niềm linh hiển đang chuyển hóa huyền hoặc thành thực tại. Quá khứ ở đâu ùa về choáng ngợp. Tôi sống với cái cảm giác lần cuối lên nghỉ hè, xem hoa quỳnh nở, để chỉ tháng sau ra Tân Sơn Nhất bay đi một phương trời lạ. Tai tôi văng vẳng lời bác trai dặn dò ở bến xe Đà Lạt cách đây hơn hai mươi năm « Vinh đi được, bác mừng. Ở đây rồi thì cũng lính tráng như mọi người, không chết thì cũng thương tật. Không thương tật phần xác, cũng thương tật phần hồn... ». Bác ngừng nói, chép miệng « về họa, bác chỉ biết mỗi Modigliami là người ý, nhưng với kiến trúc và lịch sử của họ, chắc họ có nhiều grands maitres đấy... ». Bác tần ngần, nắm tay tôi «... học vẽ, con chắc không thoát ra cái kiếp nghệ sĩ, vừa khó, lại vừa khổ. Khó cái khổ con người, và khó là dùng nghệ thuật mang đến cho con người cái vượt lên sự khổ. Đó phải chăng là hy vọng ? » Tôi nhìn bác. Vắng Quỳnh. Nàng bảo bạn, không đi tiễn. Tôi nhìn Hương. Hương lẳng lẳng nhìn tôi. Không nói. Không cười. Tôi nghẹn ngào, leo vội lên xe. Linh cảm là sẽ còn lâu, hoặc không bao giờ, tôi lại quay về sống những phút dịu dàng như những ngày tháng vừa qua, tôi ứa nước mắt.

Khi đưa tay lên quệt những giọt nước mắt hai mươi năm sau vẫn chưa khô, tôi buột miệng « ... thế mà cứ tưởng là thời gian có thật ! ». Hương về phía bàn thờ, tôi vái thêm ba vái, rồi đóng cửa gian phòng, bỏ đi xuống. Đẩy mấy thanh củi vào lò sưởi, tôi loay hoay nỏ lửa. Mùi gỗ thoảng thơm nồng, tiếng củi khô lách tách, và ánh lửa bập bùng khiến tôi tìm lại được sự thanh thần an bình của tuổi thiếu thời. Tôi ngã lưng vào chiếc ghế bành đệm bọc nỉ, chớp mắt lúc nào không biết.

Lúc choàng dậy, ai đó ngồi trước mặt tôi, miệng mỉm cười. Tôi giụi mắt. Vết nốt ruồi trên má hiện rõ ra. Đó là giọt lệ theo lời ví các cụ ngày xưa, và hẳn phải là Quỳnh. Tôi hỏi. Vẫn cái giọng hóm hỉnh, « Quỳnh đây ! ». « Thế là Quỳnh ư ? Quỳnh về lúc nào ? Sao không đánh thức Vinh ngay ? » « Thấy Vinh ngủ ngon quá, không nở. Đợi cho Vinh dậy, đi xa về chắc mệt. ». Tôi chồm dậy : « Không, không có gì mệt cả. Mà sao Quỳnh không xưng « chị », chị Quỳnh như thuở Vinh đi ? ». Quỳnh cười, vẫn giọng cười ngày xưa, trong vắt và sắc cạnh : « Bây giờ, không cần. Ta lớn cả rồi. Quỳnh ba con, đứa lớn nhất mười tám, sắp gả chồng đấy ».

*

Quỳnh cau mặt, chân mày nhíu lên, vết nốt ruồi lặn như giọt lệ đang rơi, trề môi buông thõng « Từ tương lai, kẻ đi tìm quá khứ hẳn đang đặt một dấu hỏi với hiện tại của mình, phải không ? ». Tôi thầnh nử, đâu phải là bay từ một phương xa về đáp xuống Tân Sơn Nhất cách đây vài bữa mà tôi đến từ tương lai. Không lẽ tương lai với những người ở đây chỉ là đủ miếng ăn hôm nay và không sợ đói ngày mai ? Quỳnh hiểu gì về những đêm tôi một mình uống cho đến độ không còn biết mình là ai, chẳng phải vì ngậm ngùi với quá khứ mà là ngỡ ngàng rồi hốt hoảng cho phần đời còn lại. Tránh trả lời, tôi giả giọng trách móc « Sao Quỳnh không hỏi thẳng ? », lòng hy vọng Quỳnh sẽ nhắc tôi kỷ niệm đêm xem hoa nở và lời tôi nói lưng cầu thang với Quỳnh. Và tôi, tôi sẽ nhắc lại nguyên văn câu nói xưa. Cảm động, Quỳnh sẽ nhìn tôi, nước mắt ứa ra chảy dài xuống má. Tôi sẽ lẳng lẳng lau nước mắt, nói nhỏ như an ủi một đứa bé vừa ngã « ...thôi mà, thôi xong rồi. Đứng dậy đi, đứng dậy... ». Nhưng Quỳnh lại nhìn thẳng vào mắt tôi, diều cợt « Hỏi gì ? Có những điều không nên hỏi thẳng - Quỳnh ngược lên, ánh mắt vẫn chằm chọc, tiếp - chẳng hạn như Vinh về đây làm gì ? Có phải là Vinh đang tìm lời giải đáp cho cái câu hỏi đó ? ». Tôi khựng lại, chẳng nhẽ bây giờ không còn ai có thể nghĩ đến một ai khác ngoài chính mình, thậm chí cả đến khi đặt một câu hỏi cũng lại chỉ trong vòng ích kỷ quanh

quần cái tôi, tôi là, tôi có... ? Bực mình, tôi sáng « ...nếu tương lai là dấu hỏi, quá khứ đã và còn là dấu hỏi, thì hiện tại bị kẹp ở giữa ắt cũng là dấu hỏi. Cứ cho là Vinh đi tìm quá khứ để có lời giải đáp cho dấu hỏi với hiện tại đi. Nhưng đó cũng là lời giải đáp dấu hỏi của quá khứ, và biết đâu, đó cũng lại là lời giải đáp cho tương lai ? ». Quỳnh quay lưng, xuống thang, cười nhạt « ...lãng mạn thật, bây giờ người ta nói thế là cực lãng mạn ».

Đến ngồi cạnh lò sưởi, Quỳnh cời than cho lửa bùng lên, đôi vai thon gầy nhô cao che đi phần cổ trắng nõn nà. Tôi quay nhìn về nơi đặt chiếc dương cầm đen nháy ngày xưa, mắt thoáng hiện mớ tóc dài, những ngón tay nháy múa, và người thấy mùi hoa quỳnh đầu đây thoảng lại. Như đoán được câu tôi sẽ hỏi, Quỳnh lửng lơ « ...đàn bán rồi. Bán đàn nuôi được cả nhà này hai tháng cơm canh đấy ! ». Trạnh lòng, tôi nói như máy «...thế thì lâu lắm rồi Quỳnh không đàn nữa nhỉ ». Câu nói vừa thừa vừa vô duyên. Quỳnh nhún vai «...lâu lắm không sống nữa, nói chi đến chuyện đàn ! », chữ sống gần xuống nghe nặng như chì đổ. Giọng bỗng vui hẳn lên, Quỳnh hỏi « còn cái sonate đó, Vinh có nhớ không ? ». Dấu hiệu, tôi cố tình hỏi «...cái sonate nào ? ». Cười ròn, Quỳnh reo « Đấy, đã bảo mà, sẽ quên ngay thôi. Cái sonate Ánh Trăng Vinh nghe trước khi về Sài Gòn rồi lên đường sang ý, Vinh không nhớ à ? ». Tự nhiên lòng cảm lại thành một khối băng, tôi mím môi, lắc đầu. Quỳnh nhìn vào mắt tôi, hóm hỉnh « ...lắc đầu nhớ hay lắc đầu quên ». Tủi thân, tôi mĩa lại, « Quên, quên thật đấy, “chị” Quỳnh ạ ! ». Nghe đến đấy, Quỳnh phá lên cười, chạy ra mở tung hai cánh cửa sổ.

Quỳnh vẫn cười, tiếng cười như chuông ngân. Bên ngoài, nắng vẫn tươi rói trên dốc đồi soai soãi màu xanh chạm cạnh những vạt bóng chên chếch dưới ánh mặt trời. Gió hiu hiu lạnh thốc vào, mái tóc Quỳnh như một giải lụa đen, bay tung ra sau. Tôi đến đứng bên cạnh Quỳnh. Những sợi tóc bay vương vào mặt tôi như vuốt ve. Tay gỡ tóc, Quỳnh ngược mặt nhìn tôi khiêu khích. Vết nốt ruồi, giọt lệ màu đen ấy, nhập nhòa trên má tựa ảo ảnh, lúc biến lúc hiện. Tôi nhắm mắt. Niềm lo sợ đánh vỡ, như thuở nhỏ, khi tay cầm một món đồ cổ của cha tôi bỗng ủa lại. Tiếng Quỳnh mơ hồ «...cái dấu hỏi đó, Vinh cứ hỏi đi. Câu trả lời nằm ngay trong hiện tại, ở trước mắt, có muốn trốn cũng chẳng được ! ». Đầu óc choãi ra trống vắng rồi tê liệt đi, tôi nghe bên tai «...anh Thạc anh ấy chết rồi, chết thật rồi ! ». Tiếng Quỳnh nói nhẹ như thổi, hơi nóng phả vào mặt tôi, đốt lên một ngọn lửa âm ỉ đến độ tôi tưởng nó đã tàn lụi như lòng núi lửa khi chết chỉ còn để lại chút khốc khô nham thạch. Không biết từ lúc nào, hai tay tôi áp vào má Quỳnh. Tôi nâng mặt nàng lên, hai môi tôi áp xuống. Tôi hôn, điên dại hôn. Tôi nghe tiếng vỡ của sành của sứ của đồ cổ va vào mặt đá. Nhưng tôi vẫn tiếp tục hôn. Hôn lấy hôn để. Hôn đến lúc Quỳnh mềm nhũn ra, không thở được, tay cứ bấu vào vai tôi, mắt nhắm nghiền, môi vẫn hé mở. Cứ thế, tôi hôn, tôi ghì lấy cái thân thể mỏng mảnh kia, ôm như bé bỏng thuở thiếu thời của tôi, của Quỳnh, cho vào nhập với hiện tại để thành hiện tại, nhưng vẫn mơ hồ nỗi sợ những bề bàng không đoán trước.

Bé thốc Quỳnh lên, tôi vào phòng, đặt nàng xuống giường. Vẫn khuôn mặt hình trái soan, vẫn chiếc mũi dọc dừa. Vẫn đôi môi hơi vênh lên, nhưng nay không có vẻ thách thức, lại như chiều chuộng, như cam chịu, như bảo bọc. Vẫn cái vết nốt ruồi như một giọt lệ, giọt lệ đen có cái tác động giải đi sự bất hạnh của kẻ mang tên một loài hoa hiếm trắng tinh khiết nhưng cam cái phận tối nở sớm tàn. Tôi hôn lên má Quỳnh, mắt không nhìn thấy vết nốt ruồi đâu nữa. Lặng lặng, tôi cởi hết quần áo cho Quỳnh, mơn trớn rồi hôn trên từng phân vuông lớp da trắng xanh, rúc mặt vào từng vùng lau lách, liếm láp từng ngõ ngách, thổi bằng mùi phấn hương đóa trà mi nở căng bản bật trên cái đài hoa bỗng nhận ra mùa xuân về muộn. Tôi xông vào. Tôi mặc kệ, mặc tiếng rên, tiếng hờn hển, tiếng kêu trời, tiếng ghen thờ. Quỳnh gọi tên tôi, hai tay cấu lấy mỏng, cắn vào vai, có lúc lại òa lên khóc. Tôi làm tình như một tên tù vừa sống ngục, cứ thiếp đi thì thôi, nhưng tỉnh dậy là tôi lại mơn trớn Quỳnh, mơn trớn tôi, và không một lời, tôi chỉ để thân xác tôi nói cho Quỳnh hiểu hết những điều tôi ấp ủ từ những hai mươi năm qua. Và nói cho tận tiết.

*

Nửa mơ nửa tỉnh, tôi quơ tay sang bên cạnh, thấy trống trơn hụt hẫng. Tôi hé mắt nhìn. Chỉ có chiếc gối và tấm chăn đơn. Cửa sổ vẫn khép, nhưng ánh nắng đã le lói hắt qua những chiếc

then gỗ. Tôi vùng dậy, bước ra mở tung hai cánh cửa cho gió nắng tràn vào. Vừa huýt sáo nhỏ, tôi vừa nhìn đồng hồ tay. Tôi gọi. Không có ai trả lời. Tôi xuống cầu thang, miệng ngân nga một điệu hát không thuộc lời.

Mảnh giấy để trên bàn ghi « sẽ về ngay, đi mua xôi cho Vinh, cà phê đã pha, sữa đặc và đường trên bàn ». Mím cười, tôi mở cửa ngoài, ra ngắm chậu quỳnh ngày xưa. Lá quỳnh đậm ra như những mũi dáo xanh ngắt nhưng dưới gốc có dăm ba cuống héo đi vì thiếu nước. Tôi vào múc nước, nhẹ nhẹ rót xuống đất trong chậu cây nay khô ran. Nhớ về câu đối xưa, hình như là « Say ngâm hai mắt trắng, hứng thơ vung bút, tài hoa trời phú ngạo công hầu », tôi lần thân vào nhà, ngồi xuống ghế, tay mân mê hộp màu tôi mang theo định thực hiện dự tính vẽ lên khung vải cái tôi tha thiết gọi là tâm tư miền núi.

Rót cà phê vào tách, trước sân nghe lạch bạch tiếng Honda. Mở cửa, Hương bước vào, tay xách gà- mèn, miệng reo « A, Vinh dậy rồi. Hương đi mua xôi, loại xôi lúa ngày xưa Vinh vẫn thích đấy ! ». Tôi chưa kịp nhớ ra xôi như thế nào thì Hương chia cho tôi một mảnh giấy, nói nhanh «...Vinh có điện tín, bưu điện đưa lại sáng sớm hôm nay ». Đi xuống bếp, Hương nói với lại «... Hương xẻ xôi vào bát. Vinh rót cho Hương một tách cà phê nhé ! ».

Cầm bức điện tín chưa mở, tôi bỗng phập phồng lo ngại. Người thân của tôi ở đất nước này chẳng còn ai, bạn bè tôi lại không có, vậy thì ai biết được tôi lên đến đây để liên lạc. Ngần ngại, tôi mở bức điện, đọc

Vinh than Stop Anh Thạc, chi va cac chau ve thu sau toi tuan nay Stop Mua duoc ve xe lua tu Danang Stop Chi Quynh

Tôi lặng người. Thế vết nốt ruồi ngày hôm qua không có thật à ? Cấn vào ngón tay mình, tôi vẫn thấy đau. Nghĩa là tôi vẫn còn đây. Đúng, tôi còn. Nhưng sự linh hiển của một thế giới bên kia có không ? Tiếng cười thân thuộc của bác Đản có không ? Và những cây hương bùng lên cháy, tôi nhìn thấy, nhưng có thật không ? Thật là gì ? Có phải cái ta gọi là thật chỉ loanh quaoanh trong vòng ngũ uẩn - nhìn, ngửi, nghe, sờ, nếm - hay còn gì nữa ? Tôi nghiêng rặng, ngón tay tôi đau điếng, miệng mặn vị máu đang ứa ra. Vậy là tôi còn đây, cứ tin thế đi. Thế thì Vinh đêm qua, Vinh có là tôi không ? Còn người đàn bà, là Quỳnh hay là Hương ? Nếu tôi hôm nay không là Vinh đêm qua, người đàn bà đó ắt là Quỳnh, loài hoa tối nở sớm tàn. Nhưng nếu Vinh đêm qua chính là tôi hôm nay ? Câu hỏi xoáy vào óc tôi theo đường tròn như bị đuôi những con mực ma cuốn dìm xuống biển. Hoảng hốt, tôi vội vàng thọc bàn tay ngón bị cấn chảy máu vào túi quần.

Hương đi lên, tay bưng chiếc khay có hai bát xôi, dịu dàng «...chắc điện của Quỳnh ? ». Tôi gật đầu. Đưa bức điện cho Hương, tôi thảm tử, thế là anh Thạc đâu có chết. Hương nói «... xe lửa chỉ đến Nha Trang. Từ đó lên đây, bắt xe hàng đi cũng mất thêm ba giờ. Chắc phải tối mịt mới tới được ». Tôi chăm chú nhìn Hương. Trên má nàng, đâu có vết nốt ruồi các cụ ngày xưa ví như giọt lệ màu đen nhỏ xuống. Thế thì giọt lệ màu đen không có thật ! Hoặc giả nó chỉ là điều thêu dệt cho Quỳnh khác với Hương. Và muốn Hương thành Quỳnh thì thật dễ, chỉ cần chấm vào má một chấm bút con gái dùng để kẻ chân mày !

Để bức điện tín xuống bàn, Hương giục tôi ăn rồi bảo « Hôm qua, đoàn người Pháp có hẹn nhưng lại không lên vào phút chót. Vì thế, khách sạn không cần người thông dịch nên mới để Hương về sớm. Đoàn đó mai sẽ lên, họ đặt phòng và trả tiền rồi nên thế nào mai Hương cũng bận buổi chiều ». Tôi nhìn xuống đất, bỗng bối rối, thậm chí có chút gì như là sự xấu hổ.

Tôi cố nhớ lại, từ lúc lên vái bàn thờ hai bác cho đến khi nhìn thấy vết nốt ruồi, và sau đó, ừ tất cả đã xảy đến như một giấc mơ. Giấc mơ đó, chẳng cũng là hiện thực, nhưng phát sinh từ một động cơ huyền diệu hơn năm giác quan sao? Tôi ngược mắt nhìn Hương. Cũng một khuôn mặt hình trái soan, chiếc mũi dọc dừa, và đôi môi vênh lên hơi thách thức. So với Quỳnh, đúng là một giọt nước, chỉ khác là thiếu một giọt lệ đen nhỏ bằng ba cái đầu tăm. Nhưng tôi băn khoăn tự hỏi, tại sao tôi cứ lại là người đi tìm thêm một giọt nước mắt ?

Nhìn nắng vàng đậu trên mái ngói màu đỏ tươi của ngôi nhà bên cạnh, lòng tôi chợt trôi hững vào một cõi an bình như khi gặp lại một cái bút chì, một cục gôm, một mảnh ký họa bỏ quên trong gầm bàn, hốc tủ. « A, tí nữa lại quên », tôi nói rồi mở vali, đưa cho Hương tất cả quà cáp

tôi mang về. Trừ món quà nhỏ dành cho Hương, tôi bảo «...nhờ Hương sắp đặt quà cho chị Quỳnh, anh Thạch và các cháu. Hình như cháu gái lớn sắp lấy chồng, phải không ? ». Hương cười, đáp «...hôm qua Hương chẳng nói rồi còn gì !».

Bây giờ, thật chẳng còn gì để ngạc nhiên nữa. Quỳnh hôm qua là Hương hôm nay. Còn tôi, ở giây phút này, tôi liệu có thể khác với Vinh mới một ngày trước không ? Cái gạch nổi liền quá khừ vào hiện tại đâu có phải cứ đứt là đứt ra đâu. Tôi nắm tay, bàn tay có ngón tay bị cắn đau điếng. Thì ra phải chảy máu mới biết được mình là ai. Ngẫm nghĩ rồi lẳng lặng lục đáy vali, tôi lôi ra cái áo len Hương đan cho hai mươi năm trước, tay run run đưa cho nàng. Chiếc áo nay đã sờn vai, và hơi chật. Hương lại cười, lùi xa ngắm tôi, nói nhỏ «... Vinh chắc nặng thêm năm bẩy kí chứ ít gì ! ». Tôi cũng cười. Tôi có cảm tưởng đây là lần đầu tôi thực sự cười từ ngày đặt lại chân trên mảnh đất tôi gọi là quê hương của tôi. Hương bảo « ..để Hương móc lại chỗ vai áo bị sờn nhé ».

Trả tôi bức điện, Hương nói « ..chỉ ba ngày nữa, nhà mình tha hồ đông ». Tôi nhận ra giọng nàng có một thoáng ngậm ngùi. Đọc lại bức điện, tôi quả quyết « Thôi, em đi điện cho chị Quỳnh, bảo đừng vào vội! ». Nói xong, chính tôi, tôi ngạc nhiên. Em là tôi, ngôi thứ nhất, hay là Hương mà tôi buột miệng gọi bằng em. Hương nhỏ nhẹ « Dạ, em sẽ điện, nhưng nói thế nào ? ». Tôi lại quả quyết «... thì mình cứ nói là mình bận. Vả lại, mình đâu còn bao nhiêu thì giờ với nhau...».

Chỉ mình bây giờ rõ ràng chỉ Hương và tôi. Đó là điều khó ai làm lẫn được. Nhưng tôi vẫn chưa biết Hương hiểu thế nào về cách tôi giải đáp dấu hỏi của hiện tại, tôi, một kẻ từ tương lai đi tìm quá khứ. Tôi chỉ cảm thấy một bàn tay bé nhỏ bấu chặt vào tay tôi, cái bàn tay không có ngón cắn đến chảy máu, và một tiếng thì thào «... sắp hết thì giờ rồi ! ».

Điều đó, Hương ơi, tôi biết. Biết như chính sinh mạng tôi vậy.

Phở dâm

Khi nói đến những món ăn quốc hồn quốc túy Việt Nam thì phở giữ một vị thế đặc biệt trong đời sống của người dân Việt. Đặc biệt là bởi vì trẻ hay già cũng đều thích ăn phở. Từ một bác xích lô nghèo khổ cho đến vị nguyên thủ quốc gia hay nhà triệu phú từng thưởng thức đủ loại cao lương mỹ vị, không ai mà không tránh khỏi cồn cào trong ruột khi mùi thơm phưng phức của phở thoảng qua mũi mình. Nếu mùi thơm ngọt ngào của những hãng nước hoa nổi tiếng thế giới làm ngậy ngất trái tim đàn ông thì hương thơm của một bát phở ngon cũng quyến rũ không kém những tay sành ăn phở. Điểm son của phở là tuy ngon đâu thua gì những món cao lương mỹ vị, nhưng vì giá tiền một tô phở khá rẻ nên đại đa số quần chúng đều có thể ăn được. Chỉ cần ăn một bát phở là đủ no cho một bữa ăn sáng, trưa hay chiều tối. Ngoài ra không giống như những món nước ngon khác ở các xứ Âu tây thường chỉ thích hợp cho bữa cơm tối, phở đứng trên thời gian và thời tiết, bởi vì cho dù trời nóng hay lạnh ăn phở bất cứ lúc nào cũng đều thấy ngon cả. Cũng vì phở ngon ăn hoài không chán nên mới xảy ra những hiện tượng nghiện ăn phở. Tôi không biết những người nghiện phở thềm nhớ phở đến mức độ nào. Họ có nhớ phở như nhớ thuốc lào hay không?

Tuy tôi không thuộc vào loại ghiền ăn phở, nhưng mỗi lần đi du lịch xứ khác không lúc nào mà tôi không tìm cách đi ăn thử tiệm phở nổi tiếng ngon ở vùng đó. Tôi thật sự có cái thú thích ăn phở kể từ sau ngày đọc quyển sách 'những món ngon Hà Nội' trong đó tác giả Vũ Bằng đã tài tình tả rất tỉ mỉ về bát phở Hà Nội. Nhờ cái tài phóng bút tuyệt chiêu của Vũ Bằng nên mỗi cọng rau hay mỗi lát thịt, bánh, nước lèo v.v... đã làm độc giả chảy nước miếng tưởng chừng như mình đang ở giữa Hà thành ngàn năm văn vật xuyết xoa ngồi húp bát phở nóng Hà Nội một cách thú vị. Có lẽ vì nhà văn Vũ Bằng viết về bát phở Hà Nội hay đến nỗi mà giờ đây đối với tôi tuy

đã ăn thử nhiều hàng phở ở khắp năm châu tôi vẫn chấm phở Hà Nội của Vũ Bằng là nhất dấu rằng tôi chỉ được nếm phở Hà Nội qua văn chương mà thôi.

Mấy năm gần đây tôi có được mấy người bạn về tận Hà Nội để tìm hương vị bát phở Hà Nội mà Vũ Bằng đã tả. Có nhiều người đã cho tôi hay là phở ở Cali hay phở do họ nấu ở Úc ngon hơn phở Hà Nội bởi vì thịt bò ở Mỹ và Úc ngon hơn thịt bò Việt Nam. Dù bạn tôi có nói gì đi chăng nữa tôi vẫn mong có dịp trở về Hà Nội tìm ăn cho bằng được bát phở Hà Nội để ngẫm xem phở Hà Nội có xứng với lời khen của nhà văn Vũ Bằng hay không ?

Đối với người không thích ăn nhậu như tôi vậy mà lúc nào nghe đồn ở nơi đâu có phở ngon là tôi cũng lò mò tìm cách đến ăn thử cho biết thực hư. Cũng vì thế mới đây khi nghe bạn tôi mới về hè Việt Nam khoe rằng phở Hà Tĩnh giờ đây hấp dẫn hơn phở Hà Nội gấp trăm lần. Hấp dẫn và nổi tiếng đến nỗi báo chí ở Việt Nam đều nhắc đến. Không những thế những tiệm phở đặc biệt đó lại có một cái tên đặc biệt xứng với danh của nó. Nghe đến đây mắt tôi sáng lên và ngỏ ý định cho bạn biết là tôi sẽ về hè Việt Nam để thử xem phở Hà Tĩnh có gì đặc biệt đến nỗi có thể hạ được phở Hà Nội trong mộng của tôi. Thấy tôi hăm hở tính về, bạn tôi tùm tùm cười rồi mở ví đưa cho tôi xem một bài báo viết về phở Hà Tĩnh. Đọc xong tôi mở tròn xoe đôi mắt vì không thờng ngờ được là giờ đây ở Việt Nam lại có những hàng phở mới lạ xuất hiện mà người ta gọi là 'Phở dâm'.

Bài báo cho biết trên quốc lộ 1A, đoạn giáp ranh hai huyện Cẩm Xuyên và Kỳ Anh (Hà Tĩnh) các quán phở dâm mọc lên như nấm. Nhiều chủ quán 'cột chặt' khách qua tuyến đường này bằng những bát phở biết nói tiếng người. Thay vì được thưởng thức những miếng thịt tái mềm, hay những miếng mỡ gầu dòn tan, với hương vị nước lèo làm ngọt lịm cổ họng thì khách sành ăn phở lại bị chủ quán bắt phải ăn phở dâm với những miếng thịt sống biết cử động làm mê khách hàng. Cũng vì thế mà khách làng chơi gọi đây là 'đoạn đường sung sướng' hay là 'điểm ngắm ngó'. Thế nhưng đối với những người không muốn ăn loại phở ngắm ngó đó, thì các chủ quán đã không để cho họ yên thân ra về. Một thực khách vì không chịu ăn 'phở dâm' đã bị chủ quán đánh trọng thương. Hay một thực khách khác vì từ chối ăn phở dâm nên cũng đã bị ép phải ký giấy nợ 2 triệu đồng và phải để lại xe máy cho chủ quán để được toàn mạng.

Bản tin nói về món 'phở dâm' ở Hà Tĩnh làm tôi suy nghĩ mông lung. Người ta vẫn thường bảo món ăn và cách ăn uống của một dân tộc phản ảnh ít nhiều văn hóa của quốc gia đó nói riêng và cũng là thước đo nền văn minh của nhân loại nói chung. Trải qua bao triệu năm học hỏi để tiến hoá loài người ngày hôm nay đã gột bỏ được cách sống ăn lông ở lỗ của thời tiền sử. Tôi không biết người ngoại quốc nghĩ gì về đất nước và con người Việt Nam một khi họ nghe tả về món ăn quốc túy Việt Nam là phở nay lại biến dạng trở thành món phở dâm? Và riêng nhà văn Vũ Bằng, người đã đem món phở Hà Nội lên tuyệt đỉnh bức thang những món ăn ngon Hà Nội sẽ nghĩ gì khi ông ngồi ăn trong quán phở dâm ở Hà Tĩnh. Trong bối cảnh bị chủ quán gạ gẫm hăm dọa bắt mua dâm, ông sẽ phóng bút ra sao về bát phở dâm đặc biệt mới lạ này? Một bát phở tươi thịt người trinh nữ Việt Nam để cho người đời mua vui dày xéo!

Là một người thích ăn phở và tự hào về món phở, trước sự bành trướng của phở dâm Hà Tĩnh, tôi chỉ còn biết thở dài ngao ngán thương cho 'phở' là món ăn quốc hồn quốc túy Việt Nam đã bị khai thác trong kỹ nghệ tình dục. Và kể từ khi biết có phở dâm xuất hiện, nếu mai sau có ai rủ mình đi ăn phở, dĩ nhiên tôi phải hỏi liền là phở gì. Một câu hỏi nghe thoáng qua rất ư là ngô nghê nhưng nếu suy nghĩ kỹ thì nó phơi bày trọn vẹn hiện tượng băng hoại suy đồi đạo.

